

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG

KHOA: KINH TẾ



KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**ĐỀ TÀI: KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HUY HOÀNG HỒNG LĨNH**

Giảng viên hướng dẫn : Th.S Nguyễn Thị Hà My

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Thị Phước

Mã số sinh viên : 2254010047

Khoá học : 2022-2026

Lớp : 22KH1

Đà Nẵng, ngày tháng 05 năm 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	1
1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp	1
1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	2
1.3. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	3
1.4. Phương thức bán hàng và cung cấp dịch vụ	4
1.5. Các thời điểm thanh toán và hình thức thanh toán.....	4
1.6. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	6
1.7. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	8
1.8. Kế toán giá vốn hàng bán.....	11
1.9. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	14
1.10. Kế toán chi phí tài chính.....	17
1.11. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	20
1.12. Kế toán thu nhập khác	25
1.13. Kế toán chi phí khác	27
1.14. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	29
1.15. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	32
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HUY HOÀNG HỒNG LĨNH.....	34
2.1. Tổng quan về công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh.....	34
2.1.1. Thông tin khái quát về công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh.	34
2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh.....	35
2.1.3. Đặc điểm hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh	36

2.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý.....	37
2.2.1. Sơ đồ bộ máy quản lý.....	37
2.2.2. Chức năng của từng bộ phận	38
2.3. Tổ chức công tác kế toán tại công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh	39
2.3.1. Bộ máy kế toán.....	39
2.3.2. Chức năng của từng bộ phận	40
2.3.3. Chế độ kế toán và chính sách kế toán tại công ty	40
2.3.4. Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty	41
2.3.5. Phần mềm kế toán tại công ty	43
2.4. Thực trạng kế toán tiêu thụ và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty Cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh.....	44
2.4.1.Kế toán doanh thu tại công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh.....	44
2.4.2 Kế toán giảm trừ doanh thu	63
2.4.3 Kế toán giá vốn tại công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh.....	64
2.4.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	77
2.4.4. Kế toán chi phí hoạt động tài chính	86
2.4.5. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	86
2.4.6. Kế toán thu nhập khác	102
2.5.7. Kế toán chi phí khác.....	108
2.5.8. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	111
2.5.9. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	118
CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HUY HOÀNG HỒNG LĨNH.	125
3.1. Nhận xét chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh.....	125
3.1.1. Những ưu điểm	125
3.1.2. Những hạn chế còn tồn tại	127

3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác hạch toán tiêu thụ và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	127
PHỤ LỤC	130

DANH MỤC VIẾT TẮT

Công ty TNHH	Công ty Trách nhiệm hữu hạn
HH	Hàng hóa
HĐ	Hợp đồng
DV	Dịch vụ
GTGT	Giá trị gia tăng
TSCĐ	Tài sản cố định
CCDC	Công cụ dụng cụ
CKTM	Chiết khấu thương mại
GGHB	Giảm giá hàng bán
KC	Kết chuyển
NLĐ	Người lao động
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm tai nạn
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
BH	Bán hàng
CCDV	Cung cấp dịch vụ
LN	Lợi nhuận
LNKT	Lợi nhuận kế toán
TK	Tài khoản
SXKDDD	Sản xuất kinh doanh dở dang

DANH MỤC SƠ ĐỒ, QUY TRÌNH

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	8
Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	10
Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi hàng bán bị trả lại.....	10
Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán kế toán các chi phí liên quan.....	10
Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán kế toán giá vốn hàng bán.....	14
Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	16
Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí hoạt động tài chính.....	19
Sơ đồ 1.8. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí bán hàng.....	23
Sơ đồ 1.9. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	24
Sơ đồ 1.10. Sơ đồ hạch toán kế toán thu nhập khác.....	27
Sơ đồ 1.11. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí khác.....	29
Sơ đồ 1.12. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	31
Sơ đồ 1.13. Sơ đồ hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	33
Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý của đơn vị.....	38
Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán của đơn vị.....	39
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung.....	42
Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán trên phần mềm 3TSOFT.....	42

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành khóa luận tốt nghiệp với đề tài “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh”, em đã nhận được rất nhiều sự quan tâm, giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi từ các cá nhân và tập thể.

Trước hết, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới quý Thầy, Cô giáo của Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng đã tận tình giảng dạy, truyền đạt những kiến thức quý báu và tạo nền tảng vững chắc cho em trong suốt quá trình học tập tại trường.

Đặc biệt, em xin chân thành cảm ơn Cô Th.S Nguyễn Thị Hà My người đã trực tiếp hướng dẫn, tận tình chỉ bảo, góp ý và hỗ trợ em trong suốt quá trình thực hiện và hoàn thiện khóa luận này.

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty Cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh đã nhiệt tình giúp đỡ, cung cấp số liệu, chia sẻ kinh nghiệm thực tế và tạo điều kiện thuận lợi để em hoàn thành quá trình thực tập cũng như thực hiện đề tài nghiên cứu.

Cuối cùng, em xin gửi lời cảm ơn tới gia đình, bạn bè đã luôn động viên, khích lệ và hỗ trợ em cả về tinh thần lẫn vật chất trong suốt thời gian học tập và hoàn thành khóa luận.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình nghiên cứu và thực hiện đề tài, song do hạn chế về thời gian, kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn nên khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của quý Thầy, Cô để khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn.

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang ngày càng hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới, các doanh nghiệp phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt. Để tồn tại và phát triển bền vững, doanh nghiệp cần không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó mục tiêu quan trọng là tối đa hóa lợi nhuận và sử dụng nguồn lực một cách hiệu quả. Muốn thực hiện được điều đó, doanh nghiệp cần có hệ thống thông tin tài chính chính xác, kịp thời và đáng tin cậy để hỗ trợ quá trình quản lý và ra quyết định.

Trong hệ thống thông tin tài chính của doanh nghiệp, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Đây là cơ sở để đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, phản ánh khả năng sinh lời của doanh nghiệp, đồng thời cung cấp thông tin phục vụ cho việc hoạch định chiến lược và đưa ra các quyết định quản lý phù hợp.

Nhận thức được tầm quan trọng đó, cùng với quá trình tìm hiểu thực tế tại Công ty Cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh, em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa thiết thực đối với hoạt động và sự phát triển của công ty. Vì vậy, em đã lựa chọn đề tài: **“Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh”** làm đề tài nghiên cứu cho khóa luận của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Tìm hiểu thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Qua đó, so sánh nhằm đưa ra những biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh.

Vận dụng lý thuyết vào thực tiễn nhằm bổ sung và củng cố kiến thức đã học, học hỏi kinh nghiệm từ thực tế để chuẩn bị hành trang sự nghiệp cho tương lai.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Tìm hiểu cơ sở lý luận về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tìm hiểu thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh.

Đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Công tác hạch toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi về không gian: Công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh.

Thời gian nghiên cứu: Từ 02/01/2025 đến 18/05/2025.

Số liệu thu thập: Trong năm 2025

4. Phương pháp nghiên cứu

Thu nhập số liệu tại đơn vị thực tập.

Tổng hợp, so sánh, phân tích các số liệu chi chép ở trên các sổ sách của công ty.

Tham khảo một số sách chuyên ngành kế toán và một số văn bản quy định của Bộ Tài Chính và vận dụng các kiến thức đã học tại trường.

5. Bố cục đề tài

Khóa luận tốt nghiệp bao gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh.

Chương 3: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Theo quy định tại điều 56 thông tư 133/2016/TT-BTC

Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp trừ phần vốn góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

Theo quy định tại điều 59 thông tư 133/2016/TT-BTC

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Theo quy định tại điều 57 của thông tư 133/2016/TT – BTC

Bán hàng hóa: bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư

Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động, doanh thu hợp đồng xây dựng....

Theo quy định tại điều 68 của thông tư 133/2016/TT-BTC

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Xác định kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng trong quy trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong 1 kỳ nhất định. Là biểu hiện bằng phần tiền chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí của các hoạt động kinh tế đã thực hiện. Nếu doanh thu lớn hơn chi phí là lãi, còn nếu doanh thu nhỏ hơn chi phí thì kết quả là lỗ.

1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để quản lý một cách tốt nhất đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp kế toán được coi là một công cụ hữu hiệu. Trong nền kinh tế thị trường, kế toán được sử dụng như một công cụ đắc lực không thể thiếu đối với mỗi doanh nghiệp cũng như đối với sự quản lý của nhà nước (kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh) Chính vì vậy kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh cần thực hiện các nhiệm vụ cơ bản sau:

- Ghi chép đầy đủ kịp thời khối lượng thành phẩm, hàng hoá, dịch vụ bán ra và tiêu thụ nội bộ, tính toán đúng đắn trị giá vốn của hàng đã bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp và các khoản chi phí khác nhằm xác định kết quả bán hàng.

- Thực hiện các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch lợi nhuận, thanh toán và quản lý chặt chẽ tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ, thu nộp ngân sách. Thực hiện tốt các nhiệm vụ quan trọng đối với việc quản lý chặt chẽ hàng hoá, cung cấp doanh vụ và kết quả kinh doanh. Để thực hiện tốt các nhiệm vụ đó, kế toán cần nắm vững nội dung của việc tổ chức công tác kế toán – đồng thời cần đảm bảo một số yêu cầu sau:

- Xác định thời điểm bán hàng, cung cấp dịch vụ được coi là tiêu thụ để kịp thời lập báo cáo bán hàng và xác định kết quả kinh doanh. Báo cáo thường xuyên, kịp thời tình hình bán hàng và thanh toán với khách hàng nhằm giám sát chặt chẽ hàng hoá, dịch vụ cung cấp về số lượng và chủng loại.

- Tổ chức hệ thống chứng từ ban đầu và tình hình luân chuyển chứng từ khoa học hợp lý, tránh trùng lặp hay bỏ sót, không quá phức tạp mà vẫn đảm bảo yêu cầu quản lý, nâng cao hiệu quả công tác kế toán. Đơn vị lựa chọn hình thức sổ sách kế toán để phát huy được ưu điểm và phù hợp với đặc điểm kinh doanh của mình.

- Xác định và tập hợp đầy đủ chi phí phát sinh ở các khâu

- Cung cấp thông tin chính xác, trung thực và đầy đủ về tình hình bán hàng, xác định kết quả và phân phối kết quả, phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp...

Sau khi kết thúc chu trình bán hàng, kế toán sẽ phân tích, đánh giá kết quả bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp nói chung và của từng mặt hàng, từng bộ phận nói riêng; xác định và tính toán cụ thể mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố tới kết quả bán hàng, cung cấp dịch vụ. Từ đó, đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao kết quả bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ tới.

Như vậy, kế toán tiêu thụ thực hiện tốt các nhiệm vụ của mình sẽ đem lại hiệu quả thiết thực cho công tác bán hàng, cung cấp dịch vụ nói riêng và cho hoạt động kinh doanh nói chung của doanh nghiệp. Nó giúp cho người sử dụng những thông tin của kế toán nắm được toàn diện hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, giúp cho người quản lý trong việc ra quyết định kịp thời cũng như trong việc lập kế hoạch kinh doanh trong tương lai.

1.3. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Đối với một doanh nghiệp nói chung và một doanh nghiệp thương mại nói riêng, tổ chức công tác kế toán bán hàng, cung cấp dịch vụ và xác định kết quả kinh doanh khoa học, đúng quy định pháp luật có vai trò quan trọng, từng bước hạn chế được sự thất thoát hàng hoá, cung cấp dịch vụ, phát hiện được những hàng hoá chậm luân chuyển, không hoàn thành dịch vụ để có biện pháp xử lý thích hợp nhằm thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn. Các số liệu mà kế toán bán hàng, cung cấp dịch vụ và xác định kết quả kinh doanh cung cấp cho doanh nghiệp giúp doanh nghiệp nắm bắt được mức độ hoàn chỉnh về kế toán bán hàng, cung cấp dịch vụ và xác định kết quả kinh doanh, từ đó tìm những biện pháp thiếu sót mất cân đối giữa khâu mua, khâu dự trữ, khâu bán, khâu cung cấp dịch vụ để có biện pháp khắc phục kịp thời.

Từ các số liệu trên báo cáo tài chính mà kế toán bán hàng, cung cấp dịch vụ và xác định kết quả kinh doanh, nhà nước nắm được tình hình kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp. Từ đó thực hiện chức năng quản lý kiểm soát vĩ mô nền kinh tế; đồng thời nhà nước có thể kiểm tra việc chấp hành về kinh tế tài chính và thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước.

1.4. Phương thức bán hàng và cung cấp dịch vụ

Trong các hoạt động thương mại nội địa, doanh nghiệp có thể thực hiện bán hàng theo hai phương thức chủ yếu là bán buôn và bán lẻ.

Bán buôn hàng hoá: Bán buôn hàng hóa là hình thức bán hàng với khối lượng lớn hoặc theo lô, trong đó người mua chủ yếu là các doanh nghiệp thương mại, trung gian phân phối hoặc đơn vị sản xuất, hàng hóa sau khi bán buôn chưa đến tay người tiêu dùng cuối cùng.

- **Phương thức bán buôn qua kho:** Là phương thức bán buôn mà trong đó, hàng mua về được nhập kho, sau đó được xuất từ kho của doanh nghiệp cho người mua buôn dưới hình thức:

Bán buôn hàng hoá qua kho theo hình thức giao hàng trực tiếp: Theo phương thức này, bên mua cử đại diện đến kho của doanh nghiệp thương mại để nhận hàng. Doanh nghiệp thương mại xuất kho hàng hoá giao trực tiếp cho đại diện bên mua. Sau khi đại diện bên mua nhận đủ hàng, thanh toán tiền hoặc chấp nhận nợ, hàng hoá được xác định là tiêu thụ.

Bán lẻ hàng hoá: Là phương thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng hoặc các tổ chức kinh tế hoặc các đơn vị kinh tế tập thể mua về mang tính chất tiêu dùng nội bộ. Bán hàng theo phương thức này có đặc điểm là hàng hoá đã ra khỏi lĩnh vực lưu thông và đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị sử dụng của hàng hoá đã được thực hiện. Bán lẻ thường bán đơn chiếc hoặc bán với số lượng nhỏ, giá bán thường ổn định.

1.5. Các thời điểm thanh toán và hình thức thanh toán

Thời điểm thanh toán trước:

Đối với một số hoạt động dịch vụ như cước thuê bao hay các dịch vụ di chuyển, khách hàng cần thanh toán tiền dịch vụ trước khi sử dụng hoặc thanh toán một phần sau đó sẽ thanh toán phần còn lại sau khi đã sử dụng dịch vụ.

Thời điểm thanh toán ngay:

- **Thanh toán bằng tiền mặt:** Là phương thức thanh toán mà người mua thanh toán trực tiếp với người bán bằng tiền mặt khi bên bán chuyển giao hàng hóa thì bên mua phải có nghĩa vụ thanh toán trực tiếp ngay cho bên bán theo giá đã thỏa thuận tại cùng một thời điểm. Hình thức giúp doanh nghiệp giảm rủi ro không thu bằng tiền, tăng dòng tiền và đơn giản hóa quy trình kế toán.

- Thanh toán bằng chuyển khoản: Là phương thức thanh toán mà doanh nghiệp nhận tiền từ khách hàng thông qua các dịch vụ của ngân hàng.

Thời điểm thanh toán trả sau:

- Khách hàng đã nhận hàng hóa và chấp nhận thanh toán nhưng chưa trả tiền ngay, thời điểm thu tiền không trùng với thời điểm giao hàng. Khách hàng có thể trả chậm bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho công ty. Việc thanh toán này sẽ được thực hiện dựa theo điều kiện, thỏa thuận của hai bên.

- Thanh toán trả góp: Là hình thức mua hàng mà ở đó người mua hàng không cần phải trả toàn bộ số tiền trong một lần trả mà có thể thanh toán theo kì hạn. Số tiền trả nợ của mỗi kỳ theo thỏa thuận (hợp đồng) và số lãi được tính dựa trên số dư nợ và thời hạn thực tế của kỳ hạn trả nợ.

Hình thức thanh toán dùng tiền mặt:

- Theo điều 3 khoản 10 Nghị định 52/2024/NĐ-CP. Thanh toán bằng tiền mặt là tổ chức, cá nhân sử dụng tiền giấy do ngân hàng Nhà Nước phát hành để trực tiếp thanh toán khi thực hiện xong các giao dịch.

Hình thức thanh toán không dùng tiền mặt:

- Theo quy định tại Điều 26, Nghị định 181/2025/NĐ-CP, cơ sở kinh doanh phải có hóa đơn giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào (bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu) từ 05 triệu đồng trở lên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng. Trong đó:

Nghị định 181/2025/NĐ-CP quy định rõ: Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt là chứng từ chứng minh việc thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt, trừ các chứng từ bên mua nộp tiền mặt vào tài khoản của bên bán và một số trường hợp đặc thù theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Luật thuế giá trị gia tăng.

Các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định tại Nghị định 181/2025/NĐ-CP và Nghị định 52/2024/NĐ-CP gồm có: Chuyển khoản qua ngân hàng, thanh toán bù trừ, bù trừ công nợ như vay mượn tiền, cân trừ công nợ qua bên thứ ba, ủy quyền bên thứ ba thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán bằng cổ phiếu, trái phiếu, thanh toán vào tài khoản bên thứ ba tại kho bạc Nhà Nước để cưỡng chế, mua trả chậm, trả góp, ủy quyền cho cá nhân là người lao động thanh toán không dùng tiền mặt.

1.6. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.6.1. Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và doanh thu cung cấp dịch vụ

Theo quy định tại điều 57 thông tư 133/2016/TT-BTC

Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.6.2. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT

- Biên bản giao nhận hàng hóa

- Phiếu thu, giấy báo có...

- Hợp đồng kinh tế

1.6.3. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại điều 57 thông tư 133/2016/TT-BTC

Theo quy định thông tư TT133/2016/TT-BTC, để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, kế toán sử dụng tài khoản 511 – “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa

- Tài khoản 5112 - Doanh thu bán thành phẩm

- Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

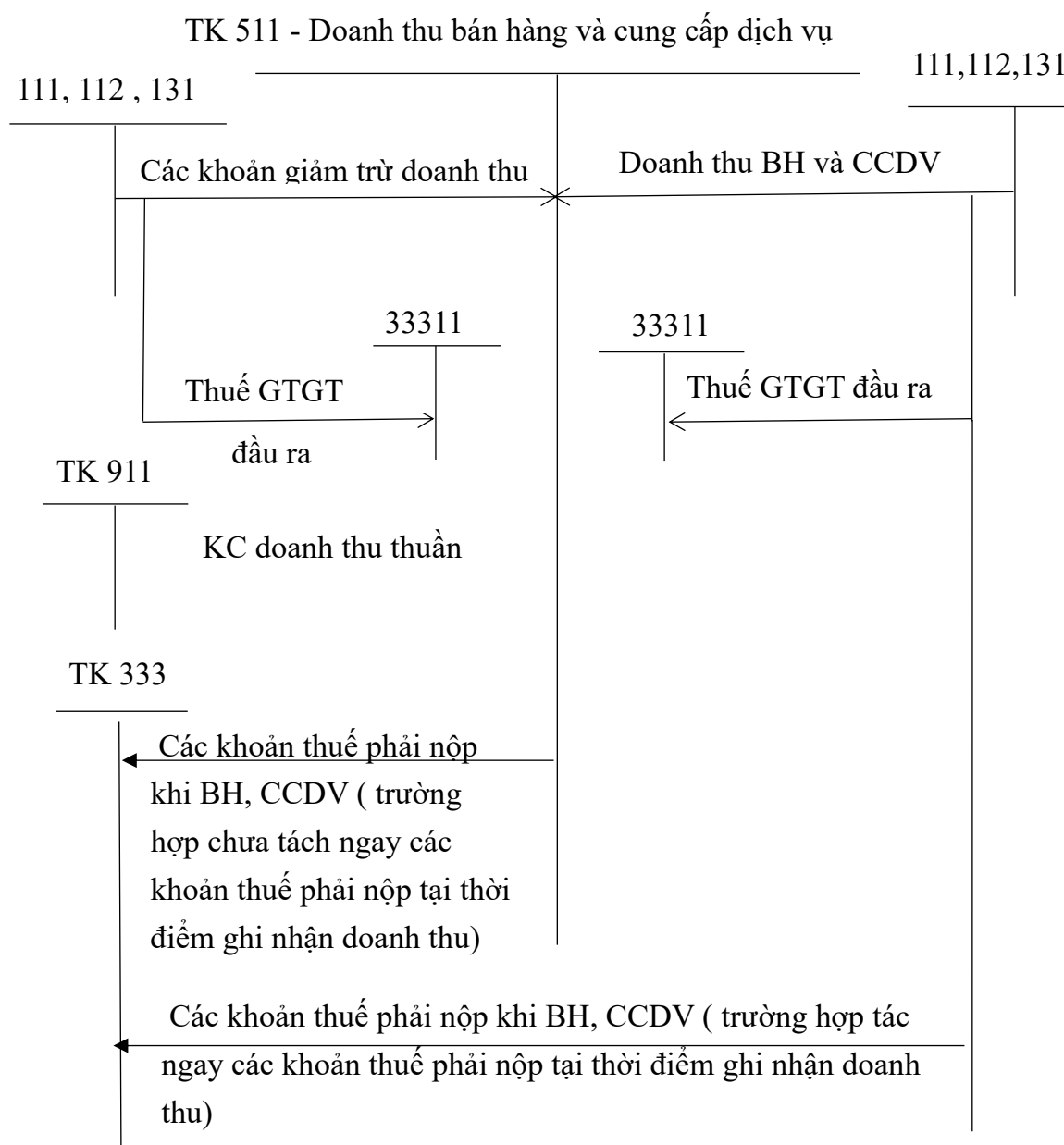
- Tài khoản 5118 - Doanh thu khác

Kết cấu và nội dung phản ánh của Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Nợ	Tài khoản 511	Có
- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT)		Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
- Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh.		

TK 511 không có số dư cuối kỳ

1.6.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán kế toán DTBH và CCDV

1.7. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.7.1. Nội dung

Các khoản giảm trừ doanh thu là những khoản phát sinh được điều chỉnh làm giảm doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm và cung ứng dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Bao gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho khách do mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết về mua bán.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém, mất phẩm chất, không đúng quy cách được quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán bị trả lại là hàng bị khách hàng trả lại trả lại do nguyên nhân: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu bị trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hóa đơn (nếu bị trả lại một phần hàng), đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng trên

1.7.2. Chứng từ sử dụng

- Chiết khấu thương mại:

+ Hóa đơn GTGT

+ Biên bản chiết khấu thương mại

- Giảm giá hàng bán:

+ Hóa đơn GTGT

+ Biên bản giảm giá hàng bán

+ Hóa đơn điều chỉnh.

- Hàng bán bị trả lại:

+ Hóa đơn GTGT

+ Biên bản trả lại hàng bán

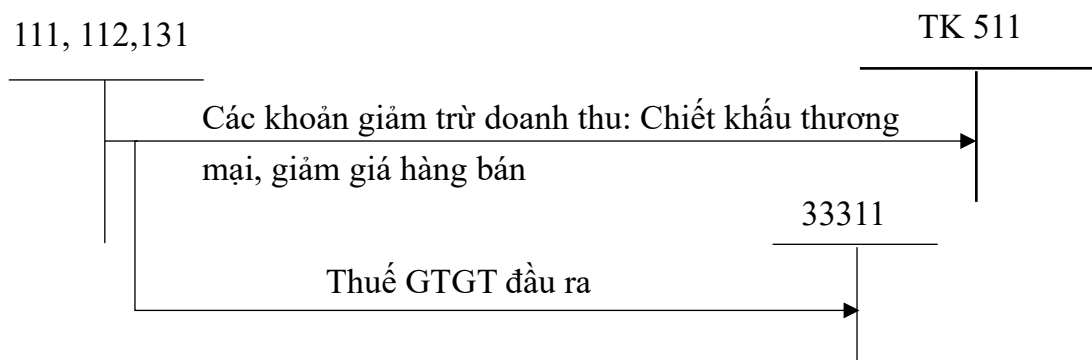
+ Chứng từ kèm theo: phiếu nhập kho, phiếu chi, giấy báo nợ.

1.7.3. Tài khoản sử dụng

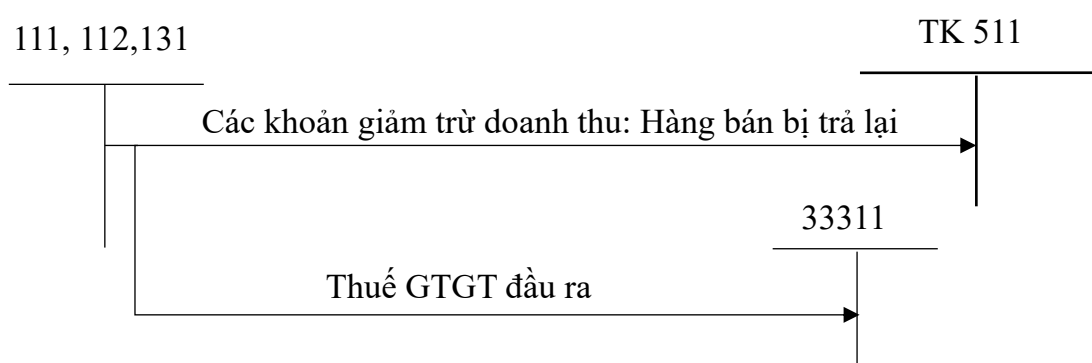
Theo quy định tại điều 57 thông tư 133/2016/TT-BTC

Theo quy định thông tư TT133/2016/TT-BTC, để phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại vào bên nợ tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

1.7.4. Phương pháp hạch toán



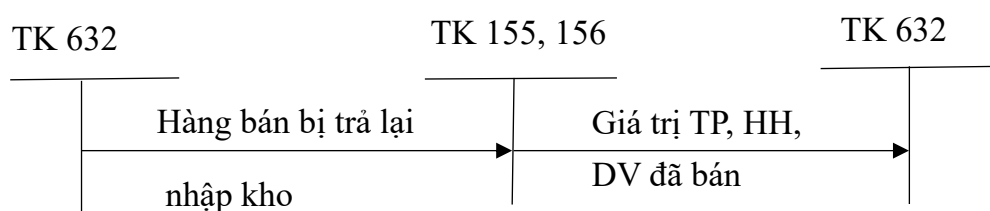
Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.



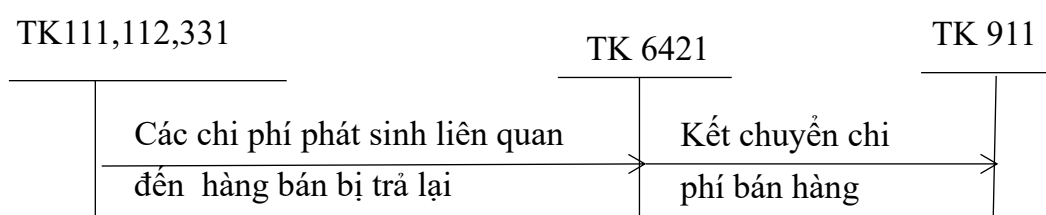
Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi hàng bán bị trả lại.

- Kê toán các chi phí liên quan:

Nhận lại sản phẩm, hàng hóa



Chi phí phát sinh trong quá trình thu hồi sản phẩm, hàng hóa



Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán kế toán các chi phí liên quan.

1.8. Kế toán giá vốn hàng bán

1.8.1. Nội dung

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

1.8.2. Các phương pháp tính giá xuất kho

- Bình quân gia quyền cuối kỳ:

Phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào trị giá thực tế hàng tồn đầu kỳ; nhập trong kỳ, số lượng hàng tồn trong kỳ; để tính giá đơn vị bình quân. Công thức:

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i	=	Trị giá thực tế hàng i tồn đầu kỳ	+	Trị giá thực tế hàng i nhập trong kỳ
		Số lượng hàng i tồn đầu kỳ		Số lượng hàng i nhập trong kỳ

Gía thực tế hàng i xuất kho	=	Số lượng hàng i xuất kho	x	Đơn giá thực tế bình quân của hàng tồn kho loại i
-----------------------------	---	--------------------------	---	---

Bình quân gia quyền mỗi lần nhập (Bình quân thời điểm)

Sau mỗi lần nhập vật tư - hàng hóa, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Công thức:

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i sau lần nhập thứ n	=	Trị giá thực tế hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n	+	Trị giá thực tế hàng i nhập kho ở lần thứ n
		Số lượng hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n		Số lượng hàng i nhập kho ở lần thứ n

Gía thực tế mặt hàng i xuất kho	=	Số lượng hàng i xuất dùng	x	Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i sau lần nhập thứ n
------------------------------------	---	------------------------------	---	---

- Nhập trước xuất trước (FIFO)

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- Phương pháp thực tế đích danh

Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng lần nhập hàng hóa mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được chi tiết về giá nhập của từng lô hàng tồn kho.

1.8.3. Chứng từ sử dụng

Phiếu xuất kho

Phiếu kế toán

Bảng tổng hợp nhập xuất tồn

1.8.4. Tài khoản sử dụng

Theo Thông tư 133/2016/TT- BTC, để phản ánh giá vốn của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kì, kế toán sử dụng TK 632 –“ Giá vốn hàng bán”

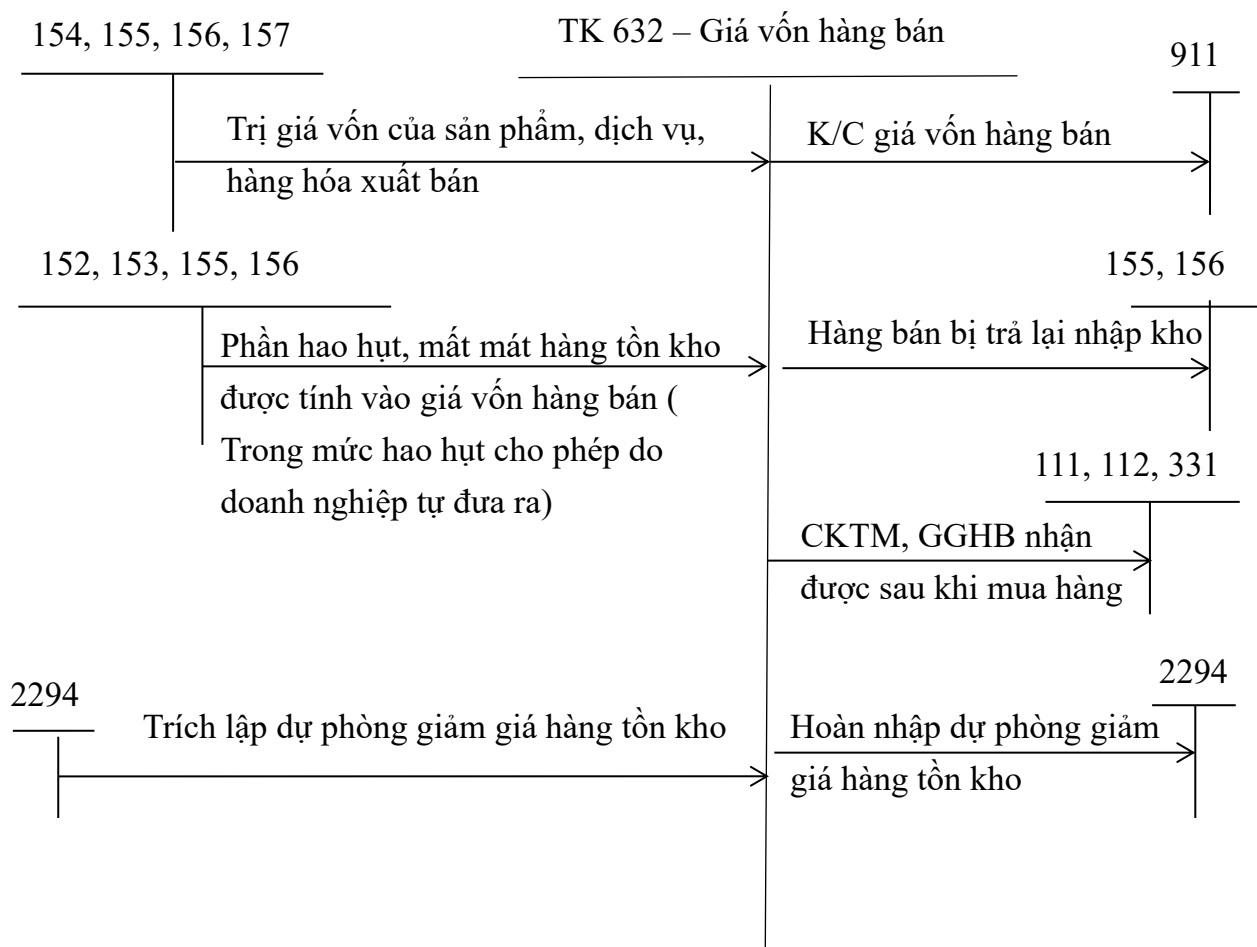
- Kết cấu tài khoản 632.

Nợ	Tài khoản 632	Có
- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh: + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. + Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ; + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết). - Đối với hoạt động kinh doanh BĐSĐT, phản ánh: + Số khấu hao BĐSĐT dùng để cho thuê hoạt động trích trong kỳ; + Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐSĐT không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐSĐT; + Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐSĐT trong kỳ; + Giá trị còn lại của BĐSĐT bán, thanh lý trong kỳ; + Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐSĐT phát sinh trong kỳ; + Số tổn thất do giảm giá trị BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá; + Chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán.		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”; - Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐSĐT phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh; - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); - Trị giá hàng bán bị trả lại; - Khoản hoàn nhập chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán (chênh lệch giữa số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh); - Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ; - Số điều chỉnh tăng nguyên giá BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT có dấu hiệu tăng giá trở lại; - Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.

TK 632 không có số dư cuối kỳ

1.8.5. Phương pháp hạch toán

Phương pháp kê khai thường xuyên.



Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán kế toán giá vốn hàng bán

1.9. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.9.1. Nội dung

Theo quy định tại điều 58 thông tư 133/2016/TT-BTC

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ;...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác;
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;

- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ; lãi do bán ngoại tệ;

- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

1.9.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu tính lãi

- Giấy báo có.

- Phiếu thu

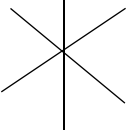
- Sổ phụ ngân hàng

- Phiếu kế toán

1.9.3. Tài khoản sử dụng

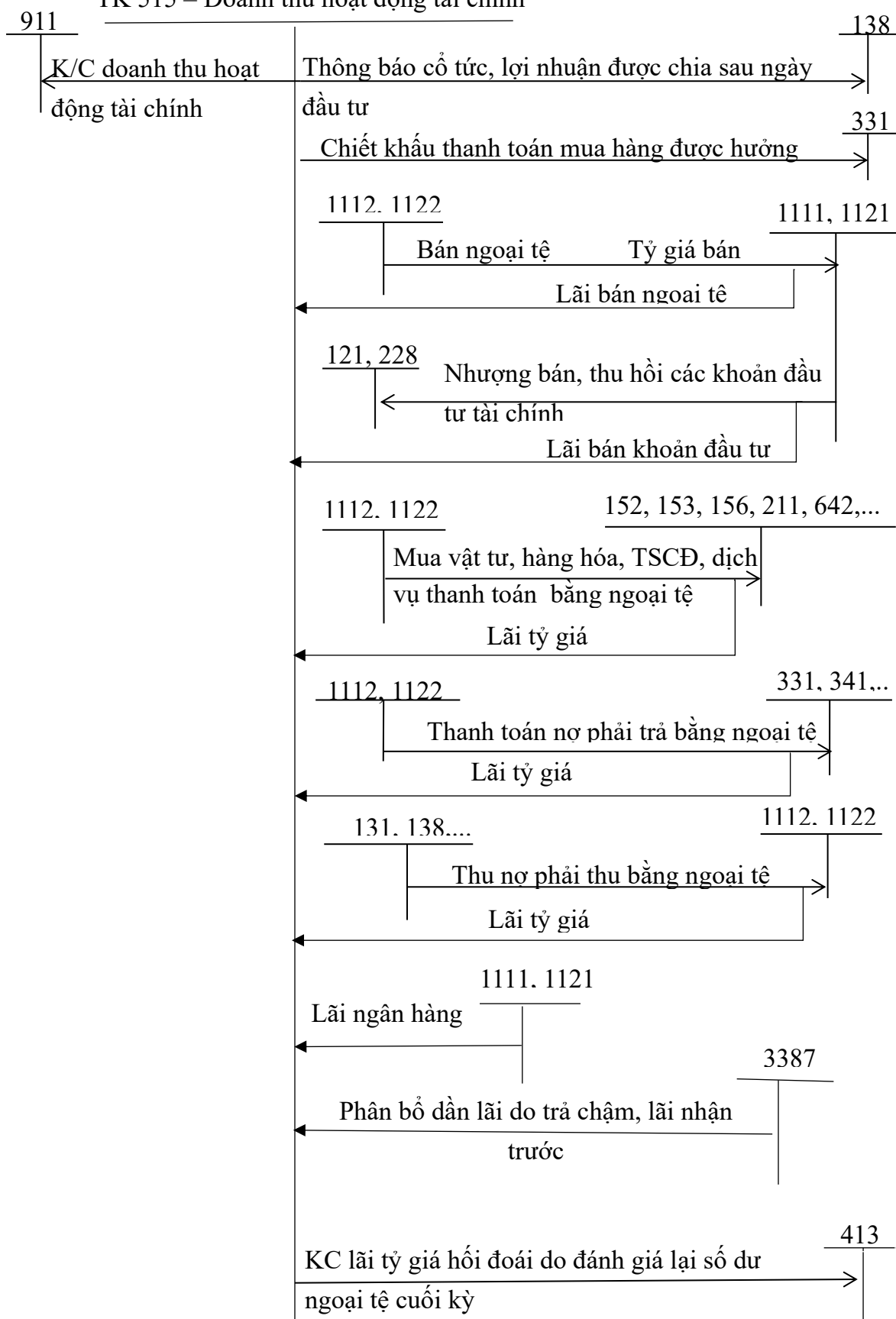
Theo Thông tư 133/2016/TT- BTC, để phản ánh doanh thu hoạt động tài chính, kế toán sử dụng TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”.

- Kết cấu tài khoản 515

Nợ	Tài khoản 515	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có); - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.		- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.
		
Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.		

1.9.4. Phương pháp hạch toán

TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính



Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.10. Kế toán chi phí tài chính

1.10.1. Nội dung

Theo quy định tại điều 63 thông tư 133/2016/TT-BTC

Chi phí tài chính dùng để phản ánh những khoản chi phí tài chính bao gồm:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; Lỗ bán ngoại tệ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác;
- Các khoản chi phí tài chính khác.

1.10.2. Chứng từ sử dụng

- Ủy nhiệm chi
- Sổ phụ ngân hàng
- Giấy báo nợ
- Bảng tính lãi

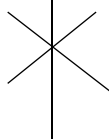
1.10.3. Tài khoản sử dụng

Theo Thông tư 133/2016/TT- BTC, để phản ánh chi phí tài chính, kế toán sử dụng TK 635 - “ Chi phí tài chính”.

- Kết cấu tài khoản 635

- Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ;
- Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước).

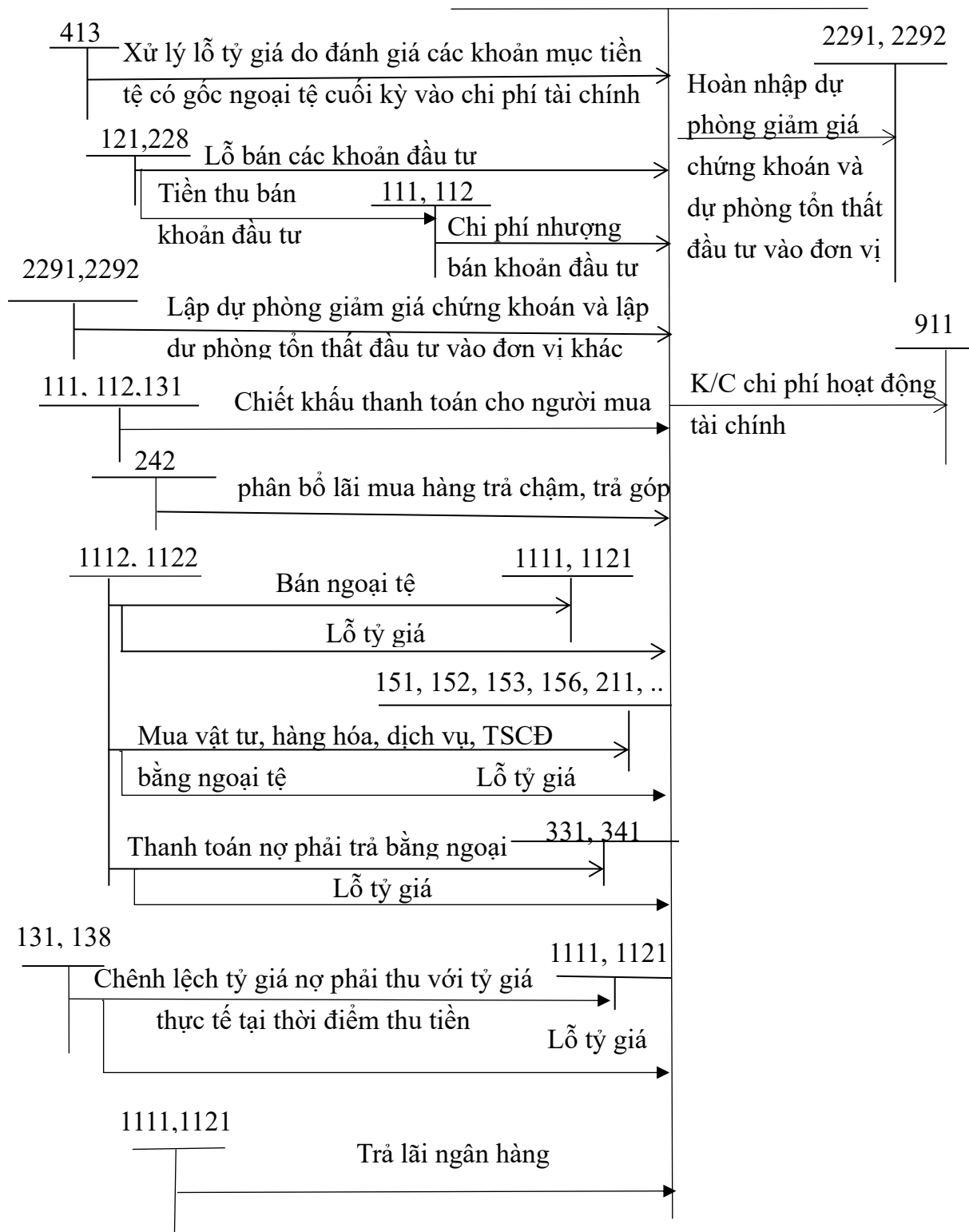
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính;
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.



Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.10.4. Phương pháp hạch toán

TK 635 – Chi phí tài chính



Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí hoạt động tài chính

1.11. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.11.1. Nội dung

Theo quy định tại điều 64 thông tư 133/2016/TT-BTC

Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

1.11.2. Chứng từ sử dụng

Chi phí bán hàng

- Hóa đơn GTGT
- Bảng tính lương và các khoản trích theo lương
- Bảng chấm công
- Bảng thanh toán tiền lương
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Bảng khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ CCDC

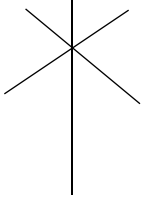
- Phiếu kế toán
- Thông báo nộp BHYT, BHXH, BHTN
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Bảng tính lương và các khoản trích theo lương
- Bảng chấm công
- Bảng thanh toán tiền lương
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Bảng tính khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ CCDC
- Giấy nộp tiền vào NSNN
- Thông báo nộp BHYT, BHXH, BHTN

1.11.3. Tài khoản sử dụng

Theo Thông tư 133/2016/TT- BTC, để phản ánh chi phí quản lý kinh doanh kế toán sử dụng TK 642: “ Chi phí quản lý kinh doanh”

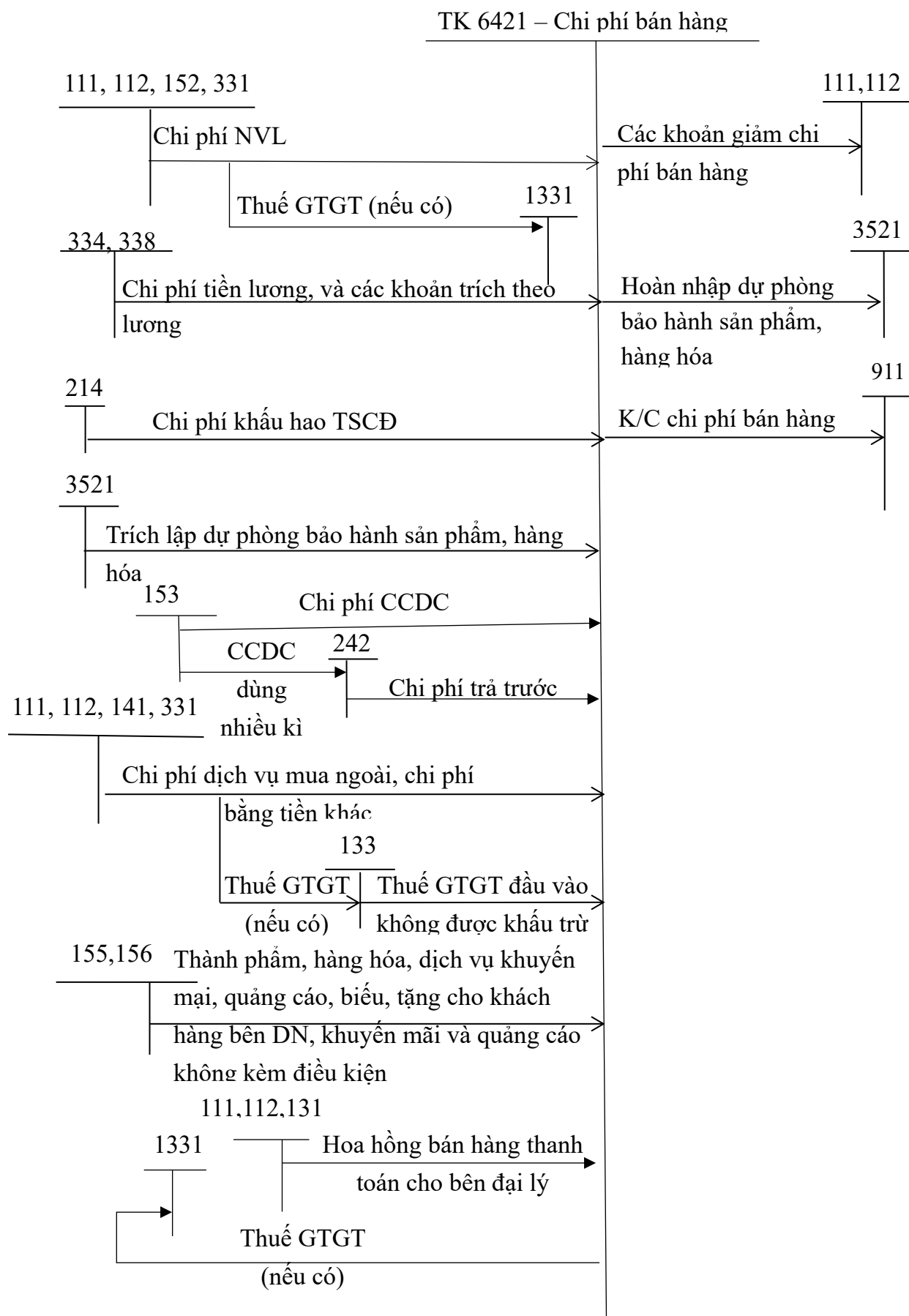
Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng
- Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Kết cấu tài khoản 642

Nợ	Tài khoản 642	Có
- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);		- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh; - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".
		
Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.		

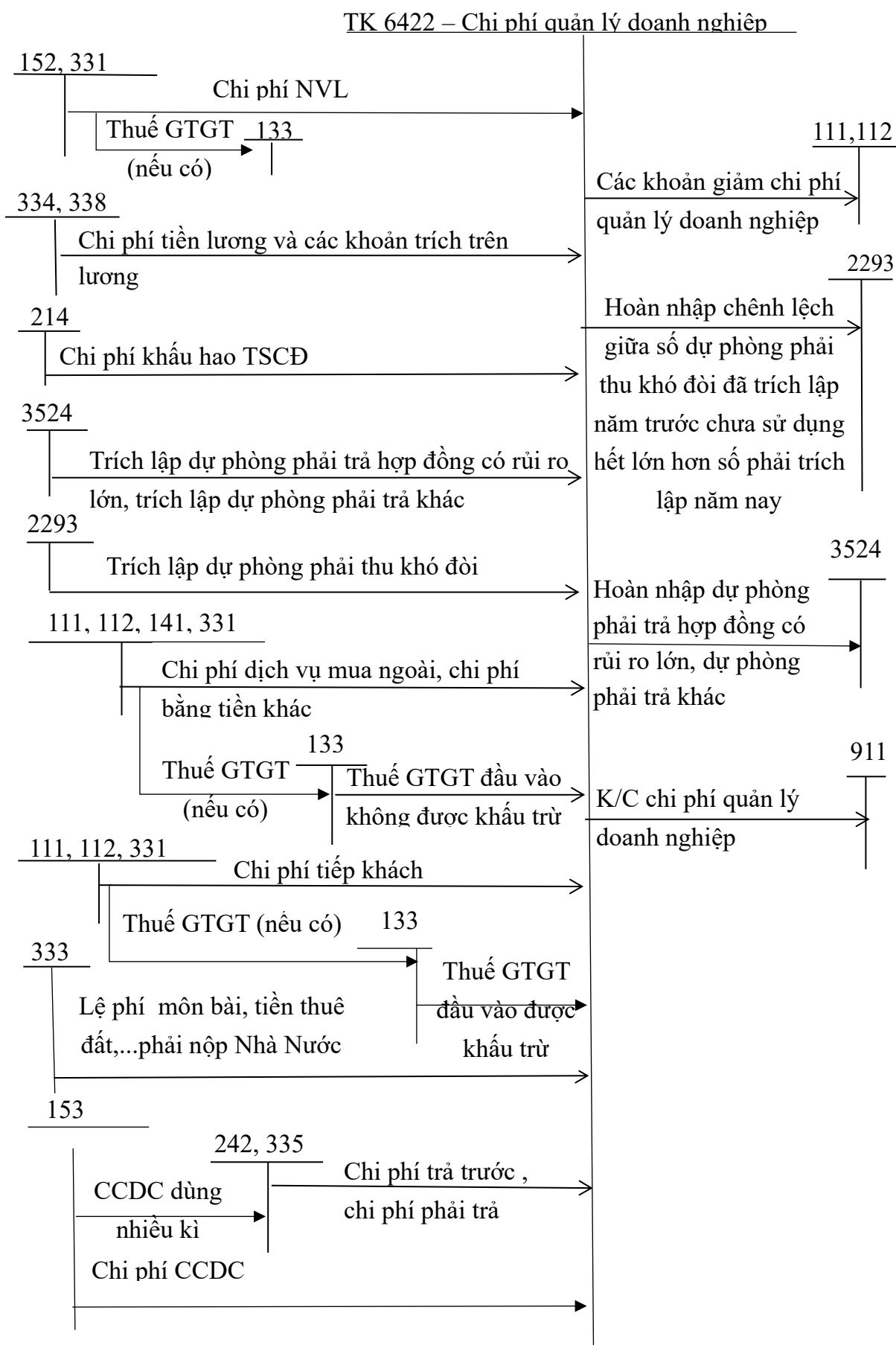
1.11.4. Phương pháp hạch toán

- Chi phí bán hàng TK 6421



Sơ đồ 1.8. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí bán hàng

- Chi phí quản lý doanh nghiệp



1.12. Kế toán thu nhập khác

1.12.1. Nội dung

Theo quy định tại điều 65 thông tư 133/2016/TT-BTC

Thu nhập khác bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại nhà sản xuất;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

1.12.2. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có
- Phiếu thu
- Phiếu kế toán

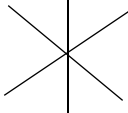
- Biên bản vi phạm hợp đồng
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản giao nhận TSCĐ
- Biên bản thanh lý TSCĐ

1.12.3. Tài khoản sử dụng

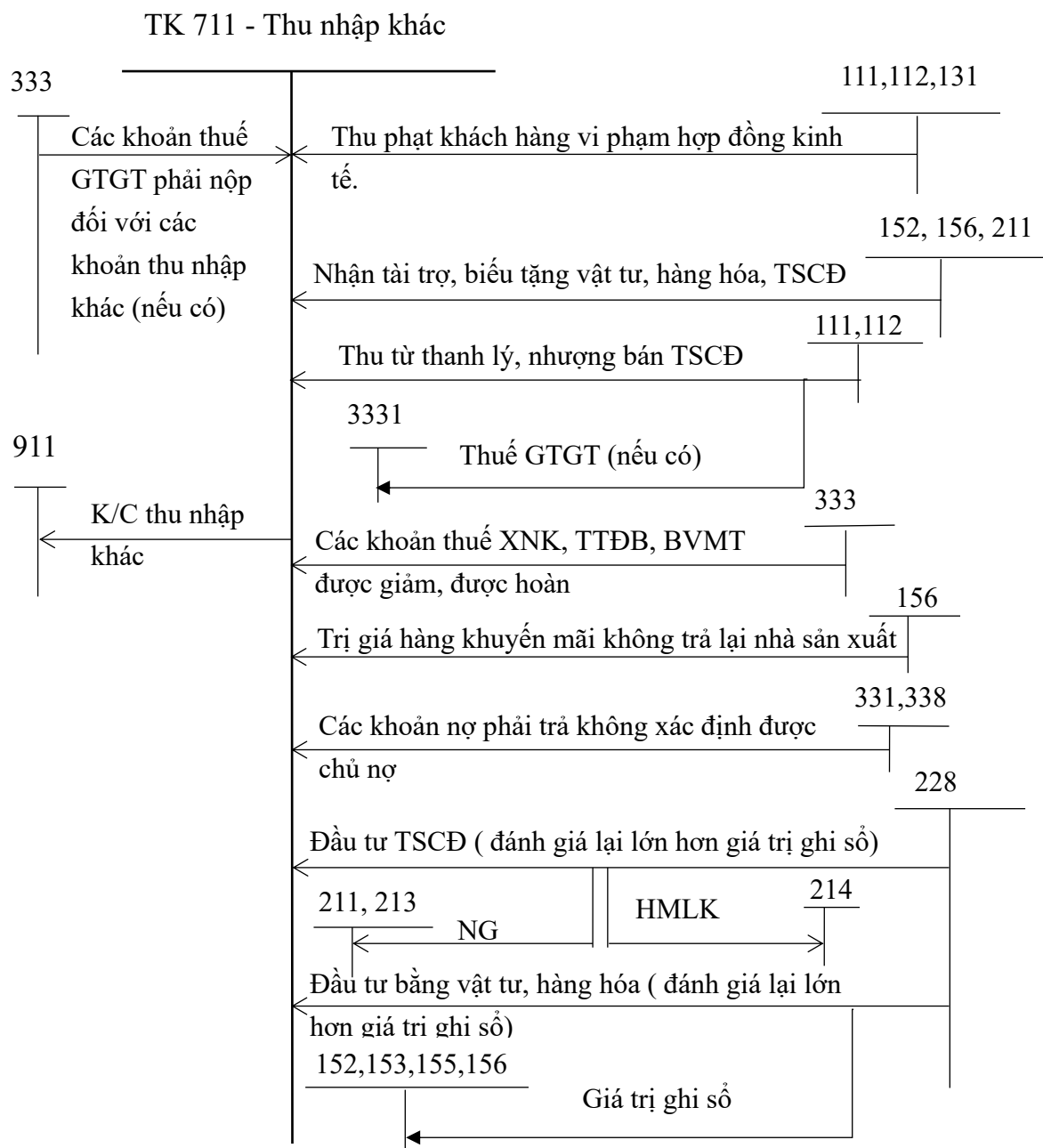
Theo Thông tư 133/2016/TT- BTC, để phản ánh thu nhập khác kế toán sử dụng TK 711: “ Thu nhập khác”

- Kết cấu tài khoản 711

Nợ	Tài khoản 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.		- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.


 Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

1.12.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.10. Sơ đồ hạch toán kế toán thu nhập khác

1.13. Kế toán chi phí khác

1.13.1. Nội dung

Theo quy định tại điều 66 thông tư 133/2016/TT-BTC

Chi phí khác bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;

- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;

- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ;
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác;
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính;
- Các khoản chi phí khác.

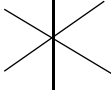
1.13.2. Chứng từ sử dụng

- Ủy nhiệm chi
- Biên bản vi phạm hợp đồng
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Biên bản đánh giá lại TSCĐ
- Quyết định phạt từ cơ quan nhà nước

1.13.3. Tài khoản sử dụng

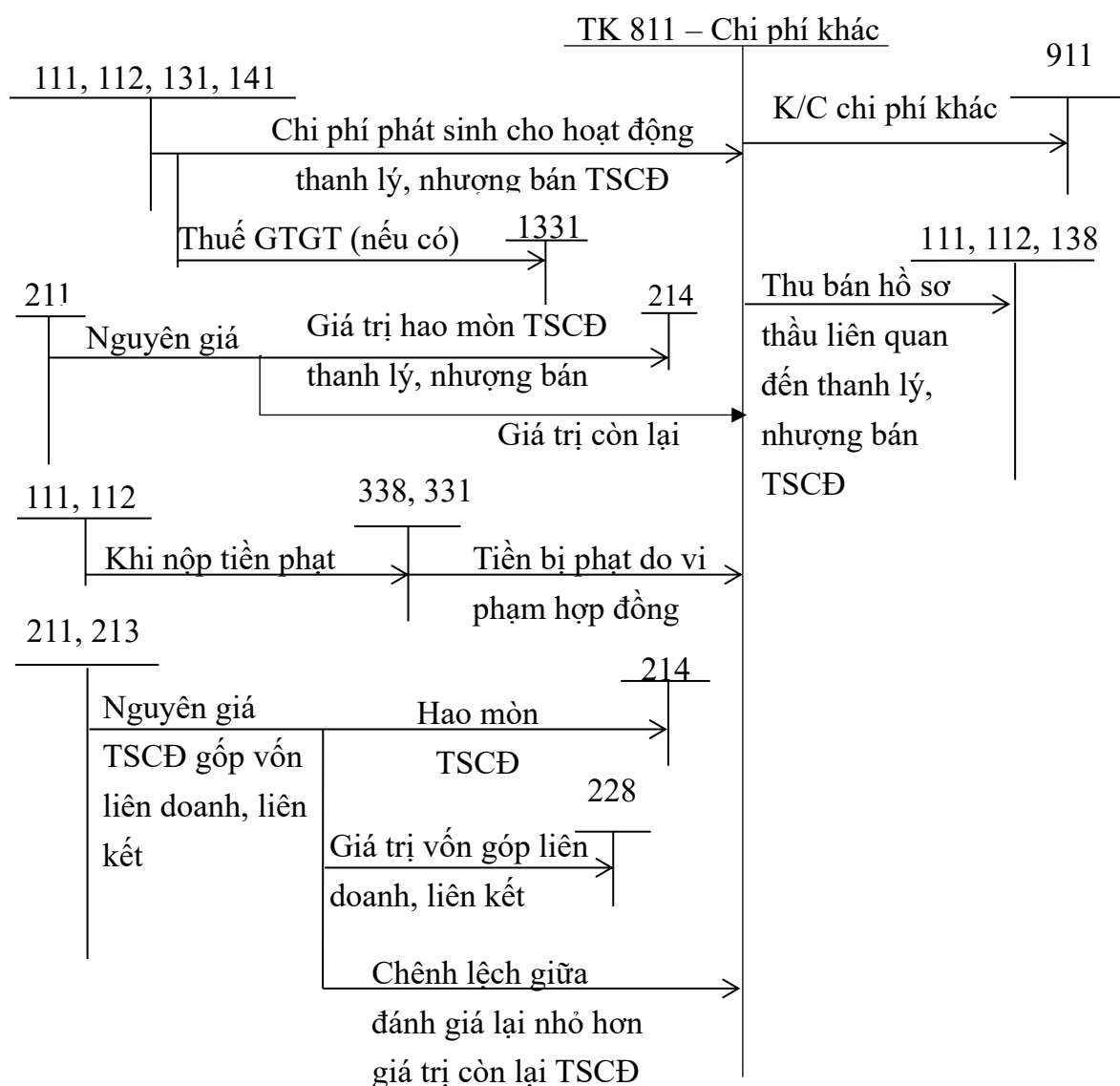
Theo Thông tư 133/2016/TT- BTC, để phản ánh chi phí khác kế toán sử dụng TK 811: “ Chi phí khác”

- Kết cấu tài khoản 811

Nợ	Tài khoản 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh.	- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	
		

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.13.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.11. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí khác

1.14. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.14.1. Nội dung

Theo quy định tại điều 67 thông tư 133/2016/TT-BTC

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài

- Công thức:

$\text{Thu nhập chịu thuế} = (\text{Doanh thu} - \text{Chi phí được trừ}) + \text{Các khoản thu nhập khác}$

$$\text{Thu nhập tính thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \left(\text{Thu nhập được miễn thuế} + \text{Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định} \right)$$

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \left(\text{Thu nhập tính thuế} - \text{Phần trích lập quỹ khoa học và công nghệ (nếu có)} \right) \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.14.2. Chứng từ sử dụng

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN
- Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước
- Phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo có

1.14.3. Tài khoản sử dụng

Theo Thông tư 133/2016/TT- BTC, để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kế toán sử dụng TK 821: “ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

- Kết cấu tài khoản 821

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm; - Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại.	- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm; - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại; - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.
--	---

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

1.14.4. Phương pháp hạch toán

TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

3334		3334
Xác định thuế TNDN tạm nộp trong quý	><	Giảm thuế TNDN trong năm do sai sót không trọng yếu của năm trước
Nộp bổ sung thuế TNDN do sai sót không trọng yếu của năm trước	><	Giảm chi phí thuế TNDN đã ghi nhận trong năm do quyết toán thuế TNDN nhỏ hơn thuế TNDN tạm nộp
Nộp bổ sung chi phí thuế TNDN đã ghi nhận trong năm do quyết toán thuế TNDN lớn hơn thuế TNDN tạm nộp	><	K/C thuế TNDN
		911

Sơ đồ 1.12. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.15. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.15.1. Nội dung

Theo quy định tại điều 68 thông tư 133/2016/TT-BTC

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Công thức:

$$\text{Doanh thu thuần về BH và CCDV} = \text{Doanh thu BH và CCDV} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

$$\text{LN gộp về BH và CCDV} = \frac{\text{Doanh thu thuần về BH và CCDV}}{\text{CCDV}} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

$$\text{LN thuần từ hoạt động kinh doanh} = \text{LN gộp về BH và CCDV} + \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính} - \text{Chi phí quản lý kinh doanh}$$

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Doanh thu khác} - \text{Chi phí khác}$$

$$\text{Tổng LNKT trước thuế} = \frac{\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh}}{\text{doanh}} + \text{Lợi nhuận khác}$$

$$\text{Tổng LNKT sau thuế} = \text{Tổng LNKT trước thuế} - \text{Chi phí thuế TNDN}$$

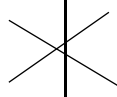
1.15.2. Tài khoản sử dụng

Theo Thông tư 133/2016/TT- BTC, để phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh kế toán sử dụng TK 911: “Xác định kết quả hoạt động kinh doanh”

- Kết cấu tài khoản 911

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Kết chuyển lãi.

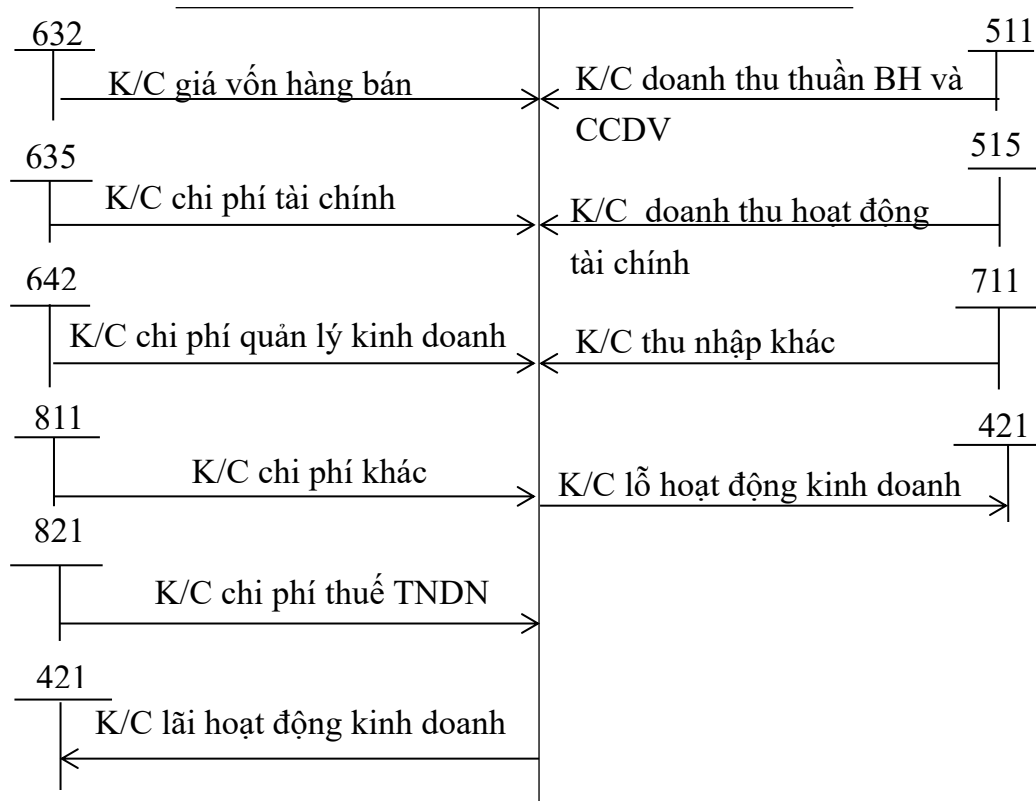
- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Kết chuyển lỗ.



Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

1.15.3. Phương pháp hạch toán

TK 911 – Xác định kết quả hoạt động kinh doanh



Sơ đồ 1.13. Sơ đồ hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HUY HOÀNG HỒNG LĨNH.

2.1. Tổng quan về công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh.

2.1.1. Thông tin khái quát về công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh.

Công ty Cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh là doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo mã số doanh nghiệp 3002032274 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và đầu tư Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 25/05/2016 và cấp lần thứ 7 ngày 12/06/2024.

Tên chính thức: Công ty Cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh

Tên tiếng Anh: HUY HOANG HONG LINH JOINT STOCK COMPANY

Mã số thuế công ty: 3002032274

Số điện thoại : 0979 885 368

Số Fax : 04.3761 0408

Người đại diện pháp luật: Vũ Thị Hương

Chức vụ: Giám đốc

Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng

Trụ sở chính: Số 8, Đường tránh Quốc lộ 1A, Tổ dân phố 8, Phường Đậu Liêu,

Thị xã Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam.

Ngành nghề chính: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (8010).

Ngoài ngành nghề kinh doanh chính, công ty còn đăng ký và triển khai một số ngành nghề phụ nhằm hỗ trợ hoạt động sản xuất – kinh doanh, khai thác hiệu quả nguồn lực và đáp ứng nhu cầu thực tế trong quá trình hoạt động như: Sửa chữa thiết bị điện (33140), gia công cơ khí xử lý và tráng phủ kim loại (25920), sản xuất xi măng vôi và thạch cao (23950)...

Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, công ty không còn triển khai các ngành nghề sản xuất – kinh doanh nêu trên mà chỉ tập trung vào hoạt động cho thuê lại một phần diện tích đất đang thuê của Nhà nước (68103), thực hiện thu tiền điện phát sinh trong quá trình cho thuê đất (6820) và xuất bán gạch

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh.

Tại thời điểm thành lập, công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực khai thác vật liệu xây dựng như đá, cát, sỏi và đất sét, phục vụ cho nhu cầu xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng tại khu vực miền Trung. Với vị trí trụ sở thuận lợi về giao thông, công ty có điều kiện thuận tiện trong việc vận chuyển, cung ứng vật liệu xây dựng cho các công trình và đối tác trong khu vực.

Trải qua quá trình hoạt động và tái cơ cấu nhằm thích ứng với những biến động của thị trường, hiện nay Công ty Cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh định hướng tập trung khai thác hiệu quả các tài sản hiện có, trong đó trọng tâm là hoạt động cho thuê quyền sử dụng đất mà công ty đang thuê của Nhà Nước, đồng thời tiếp tục sử dụng phần diện tích còn lại để phục vụ hoạt động của chính doanh nghiệp. Bao gồm hoạt động xuất bán gạch. Cụ thể, công ty thực hiện cho thuê một mảnh đất duy nhất có diện tích 22.756m², tọa lạc tại địa chỉ: Thửa đất số 10 tờ bản đồ số 11 tại địa chỉ phường Đậu Liêu, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh (theo hồ sơ pháp lý về đất đai do cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền quản lý).

Mảnh đất trên là đất do Nhà Nước cho Công ty Cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh thuê. Trên cơ sở quyền thuê đất hợp pháp và phù hợp với mục đích sử dụng đất đã được phê duyệt, công ty thực hiện cho một doanh nghiệp khác thuê lại một phần diện tích đất, trong đó vẫn duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý trên chính mảnh đất này. Việc cho thuê lại đất được thực hiện thông qua hợp đồng thuê rõ ràng, minh bạch, không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ của công ty đối với Nhà Nước, đồng thời đảm bảo việc sử dụng đất đúng mục đích, hiệu quả và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

Trước năm 2023, căn cứ theo hồ sơ năng lực của Công ty Cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh, tổng số lao động của công ty là 212 người. Trong đó, đội ngũ cán bộ kỹ thuật gồm các kỹ sư và nhân sự trình độ trung cấp thuộc các chuyên ngành cầu đường, xây dựng, thủy lợi, cơ khí và địa chất công trình với 52 người.

Bên cạnh đó, công ty có 6 cán bộ kế toán – tài chính và 4 cán bộ tổ chức – hành chính, đảm nhiệm công tác quản lý, tài chính và hành chính nhân sự. Lực lượng công nhân trực tiếp sản xuất và thi công chiếm số lượng lớn với 150 người, bao gồm công nhân đường, công nhân xây dựng và công nhân vận hành máy, được đào tạo chủ yếu tại các cơ sở dạy nghề.

Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện tại, công ty thực hiện chuyển đổi ngành nghề kinh doanh từ xây dựng sang hoạt động cho thuê lại một phần quyền thuê đất, thu tiền điện phát sinh trong quá trình cho thuê đất và hoạt động kinh doanh gạch, dẫn đến nhu cầu sử dụng lao động trực tiếp giảm đáng kể. Vì vậy, quy mô nhân sự của công ty đã được tinh gọn và đến thời điểm hiện tại chỉ còn 3 nhân viên, chủ yếu đảm nhiệm công tác quản lý, theo dõi tài sản và các hoạt động hành chính liên quan.

Công ty Cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, trên cơ sở Điều lệ công ty do doanh nghiệp ban hành. Ngay từ khi thành lập, công ty xác định mục tiêu hoạt động là tổ chức và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, tuân thủ các quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích hợp pháp của các bên liên quan.

Trong quá trình hình thành và phát triển, công ty từng bước xây dựng bộ máy tổ chức, hoàn thiện cơ cấu quản lý và triển khai các hoạt động kinh doanh phù hợp với điều kiện thực tế và định hướng phát triển của doanh nghiệp. Qua đó, công ty từng bước ổn định hoạt động, mở rộng quan hệ hợp tác và nâng cao uy tín đối với khách hàng, đối tác.

2.1.3. Đặc điểm hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh

2.1.3.1. Ngành nghề kinh doanh

- Doanh thu từ hoạt động xuất bán gạch: Doanh thu này chủ yếu phát sinh từ hoạt động bán gạch cho khách lẻ.

- Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ cho thuê đất và thu tiền điện: Khoản doanh thu này phát sinh từ hoạt động cho thuê lại mặt bằng, đất kinh doanh và thu tiền điện đối với các đơn vị thuê lại theo mức tiêu thụ thực tế.

2.1.3.2. Phương thức bán hàng

Bán hàng trực tiếp: Doanh nghiệp thực hiện việc cung cấp sản phẩm đến tay khách hàng mà không thông qua các trung gian phân phối. Trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, đặc biệt là gạch (gạch xây, gạch ốp lát, gạch không nung...), hình thức bán trực tiếp giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt chất lượng dịch vụ, giá bán và mối quan hệ với khách hàng.

Cung cấp dịch vụ cho thuê đất kèm dịch vụ thu hộ tiền điện: Doanh nghiệp cung cấp quyền sử dụng tài sản (như đất, mặt bằng, kho bãi) trong một khoảng thời gian nhất định, đồng thời cung cấp thêm các dịch vụ hỗ trợ như điện, nước, bảo vệ, vệ sinh,... nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng của khách hàng.

2.1.3.3 Phương thức thanh toán

- Phương thức thanh toán ngay: Đối với hoạt động bán gạch – thuộc nhóm hàng hóa vật liệu xây dựng, doanh nghiệp áp dụng phương thức thanh toán ngay. Theo phương thức này, khách hàng thực hiện thanh toán ngay tại thời điểm mua hàng hoặc khi nhận hàng. Hình thức thanh toán được sử dụng chủ yếu là tiền mặt hoặc chuyển khoản. Việc áp dụng phương thức này giúp doanh nghiệp nhanh chóng thu hồi vốn, hạn chế tình trạng chiếm dụng vốn và giảm thiểu rủi ro liên quan đến công nợ. Bên cạnh đó, phương thức thanh toán trực tiếp đặc biệt phù hợp với các khách hàng nhỏ lẻ hoặc các đơn hàng có giá trị không lớn, góp phần đơn giản hóa quy trình giao dịch và nâng cao hiệu quả quản lý tài chính của doanh nghiệp.

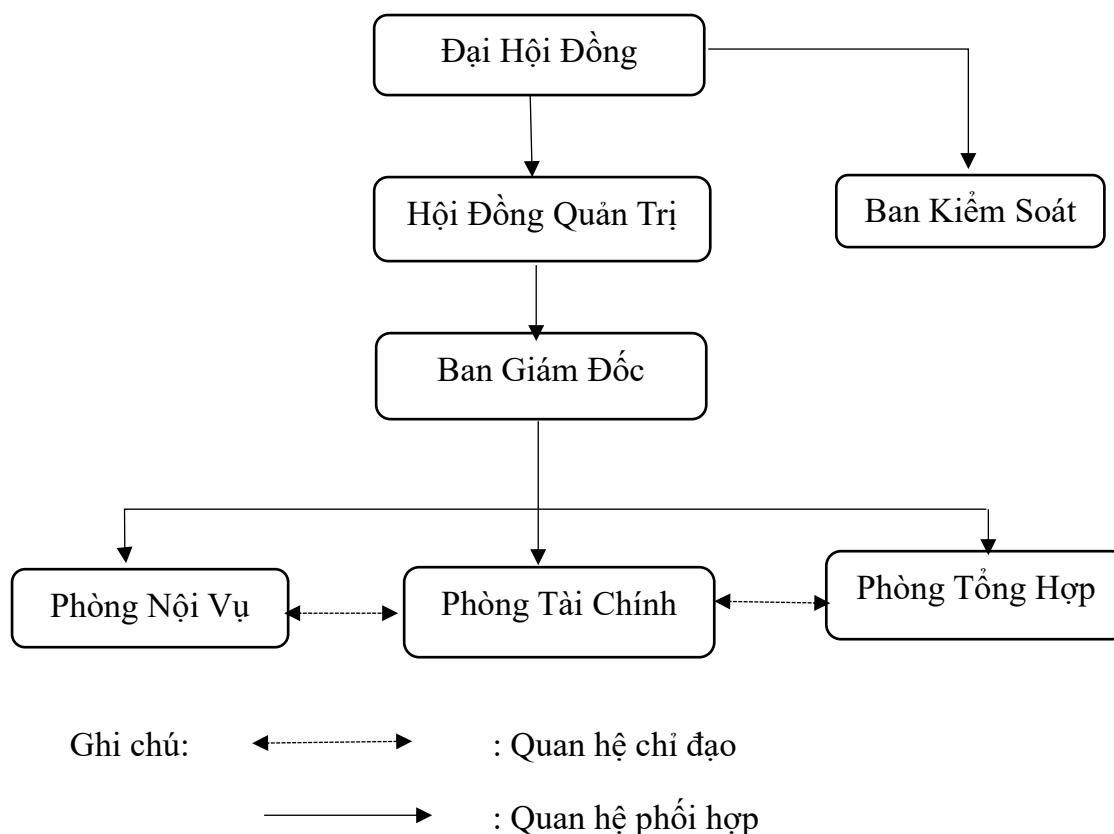
- Phương thức thanh toán trước: Đối với hoạt động cho thuê đất, doanh nghiệp áp dụng phương thức thanh toán trước theo thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng. Theo phương thức này, khách hàng phải thực hiện thanh toán tiền thuê (toàn bộ hoặc theo từng kỳ như tháng, quý) trước khi sử dụng diện tích đất thuê. Việc áp dụng phương thức thanh toán trước giúp doanh nghiệp đảm bảo thu hồi vốn kịp thời, hạn chế rủi ro phát sinh công nợ và nâng cao tính ràng buộc trách nhiệm của khách hàng trong quá trình thực hiện hợp đồng. Đồng thời, phương thức này còn góp phần tạo sự minh bạch trong giao dịch và giảm thiểu các tranh chấp có thể xảy ra giữa các bên.

- Phương thức thanh toán theo kỳ (trả sau): Đối với dịch vụ điện phát sinh trong quá trình cho thuê, doanh nghiệp áp dụng phương thức thanh toán theo kỳ. Theo phương thức này, khách hàng sử dụng điện trong một khoảng thời gian nhất định (thường là theo tháng) và thực hiện thanh toán vào cuối kỳ dựa trên mức tiêu thụ thực tế. Việc áp dụng phương thức thanh toán theo kỳ mang bản chất là thanh toán sau khi sử dụng dịch vụ, giúp phản ánh chính xác chi phí phát sinh của khách hàng. Đồng thời, phương thức này tạo điều kiện thuận lợi trong việc theo dõi, quản lý và thanh toán các khoản chi phí, góp phần nâng cao tính minh bạch và hiệu quả trong hoạt động cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp.

2.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý

2.2.1. Sơ đồ bộ máy quản lý

Về cơ cấu tổ chức quản lý, Công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh xây dựng bộ máy quản lý theo mô hình phù hợp với quy mô và đặc điểm hoạt động hiện tại, đảm bảo sự phân công, phân nhiệm rõ ràng giữa các bộ phận. Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo hướng tinh gọn, linh hoạt, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm soát hoạt động kinh doanh và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực hiện có.



Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý của đơn vị

2.2.2. Chức năng của từng bộ phận

- Hội đồng quản trị: Là cấp lãnh đạo cao nhất giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông, có trách nhiệm quyết định các chủ trương, chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và các dự án đầu tư quan trọng của doanh nghiệp. Hội đồng quản trị thực hiện việc giám sát hoạt động điều hành của Ban Giám đốc, bảo đảm việc quản lý và sử dụng hiệu quả vốn, tài sản và các nguồn lực của công ty theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

- Ban giám đốc: Là bộ phận trực tiếp điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty theo nghị quyết của Hội đồng quản trị. Ban Giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện các kế hoạch, phương án kinh doanh; chỉ đạo, điều phối hoạt động của các phòng ban chức năng và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Phòng tài chính: Là bộ phận tham mưu cho Ban Giám đốc trong công tác quản lý tài chính – kế toán của công ty, chịu trách nhiệm hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; quản lý thu – chi, tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản công nợ phải thu, phải trả. Đồng thời, phòng thực hiện lập kế hoạch tài chính, kê khai và quyết toán

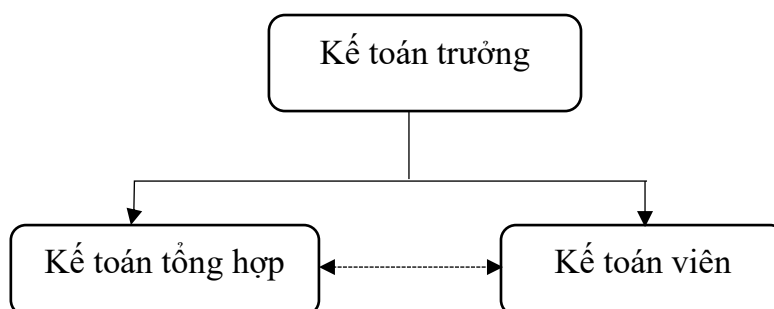
thuế, lập báo cáo tài chính và các báo cáo liên quan; kiểm soát chi phí, đối chiếu số liệu và cung cấp thông tin tài chính phục vụ công tác quản lý, điều hành của Ban lãnh đạo

- Phòng Tổng hợp: Tham mưu và hỗ trợ Ban Giám đốc trong công tác quản lý hành chính, đảm bảo điều kiện làm việc, sinh hoạt và các hoạt động phục vụ cho văn phòng công ty và các bộ phận liên quan đến hoạt động cho thuê đất. Thực hiện công tác quan hệ đối nội, đối ngoại; phối hợp với các đơn vị, cá nhân liên quan; thực hiện và giải quyết các chế độ, chính sách theo quy định của Nhà nước. Trực tiếp quản lý, điều hành các công việc phục vụ hoạt động kinh doanh như quản lý điện, nước; bảo quản, sửa chữa cơ sở hạ tầng, tài sản, trang thiết bị, phương tiện làm việc, văn phòng phẩm và các thiết bị phục vụ hoạt động của công ty.

- Phòng Nội bộ: Là bộ phận hỗ trợ Ban Giám đốc trong công tác quản lý và giám sát hoạt động nội bộ của công ty; có nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra việc tuân thủ các quy định, quy trình nội bộ nhằm đảm bảo hoạt động của các bộ phận diễn ra đúng kế hoạch và đúng quy định. Phòng thực hiện giám sát nội quy lao động, quy chế tài chính và các quy định liên quan; tổng hợp tình hình hoạt động của các phòng ban; phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh và tham gia công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm hạn chế rủi ro, nâng cao hiệu quả quản lý. Đồng thời, phòng nội bộ có trách nhiệm tổng hợp và báo cáo định kỳ hoặc đột xuất, đề xuất các biện pháp cải tiến quy trình và hỗ trợ Ban Giám đốc trong công tác điều hành chung.

2.3. Tổ chức công tác kế toán tại công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh

2.3.1. Sơ đồ bộ máy kế toán



Ghi chú: $\longrightarrow$ Quan hệ chỉ đạo
 $\longleftrightarrow$ Quan hệ phối hợp

Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán của đơn vị

2.3.2. Chức năng của từng bộ phận

- Kế toán trưởng: Có nhiệm vụ tổ chức và kiểm soát việc ghi chép, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; hướng dẫn, kiểm tra công việc của kế toán viên. Đồng thời, kế toán trưởng theo dõi tình hình tài chính, quản lý các khoản thu – chi, công nợ, tài sản và nguồn vốn của công ty. Bên cạnh đó, kế toán trưởng thực hiện lập, ký duyệt báo cáo tài chính, báo cáo thuế theo quy định; tham mưu cho Ban Giám đốc trong công tác quản lý chi phí, sử dụng vốn hiệu quả và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về kế toán và thuế.

- Kế toán tổng hợp: Là bộ phận trực tiếp thực hiện công tác kế toán phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, chịu sự quản lý của Kế toán trưởng và sự chỉ đạo của Ban Giám đốc. Kế toán tổng hợp- có nhiệm vụ thu thập, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của các chứng từ kế toán phát sinh; thực hiện hạch toán các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến doanh thu, chi phí, tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản công nợ phải thu, phải trả theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Bên cạnh đó, kế toán tổng hợp theo dõi tình hình thu – chi, đối chiếu số liệu giữa chứng từ, sổ kế toán và thực tế; quản lý, lưu trữ chứng từ kế toán theo quy định. Đồng thời, kế toán tổng hợp lập các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Kế toán trưởng và Ban Giám đốc, phục vụ công tác quản lý và điều hành doanh nghiệp.

- Kế toán viên: thực hiện các công việc kế toán liên quan đến hành chính – nhân sự theo sự phân công của Kế toán trưởng và phối hợp với các bộ phận liên quan trong công ty. Cụ thể, kế toán viên có nhiệm vụ theo dõi tiền lương, các khoản trích theo lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; hạch toán các chi phí hành chính, chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong quá trình hoạt động của công ty. Ngoài ra, kế toán viên thực hiện việc lập bảng lương, bảng chấm công, theo dõi các khoản tạm ứng, thanh toán chi phí; phối hợp cung cấp số liệu phục vụ công tác kế toán, quản lý và báo cáo theo yêu cầu của Kế toán trưởng và Ban Giám đốc.

2.3.3. Chế độ kế toán và chính sách kế toán tại công ty

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo TT 133/2016/TT- BTC ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng bộ tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ tài chính.

Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm (dương lịch)

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đồng Việt Nam (VNĐ)

Phương pháp kê thuế khai GTGT là phương pháp khấu trừ.

Hình thức ghi sổ: Hình thức Nhật ký chung.

Phần mềm kế toán sử dụng: Phần mềm kế toán 3TSOFT.

Kỳ kế toán: Kỳ kế toán quý

Phương pháp tính giá xuất kho: Bình quân gia quyền cuối kì (tháng)

Hệ thống Báo cáo tài chính sử dụng tại doanh nghiệp:

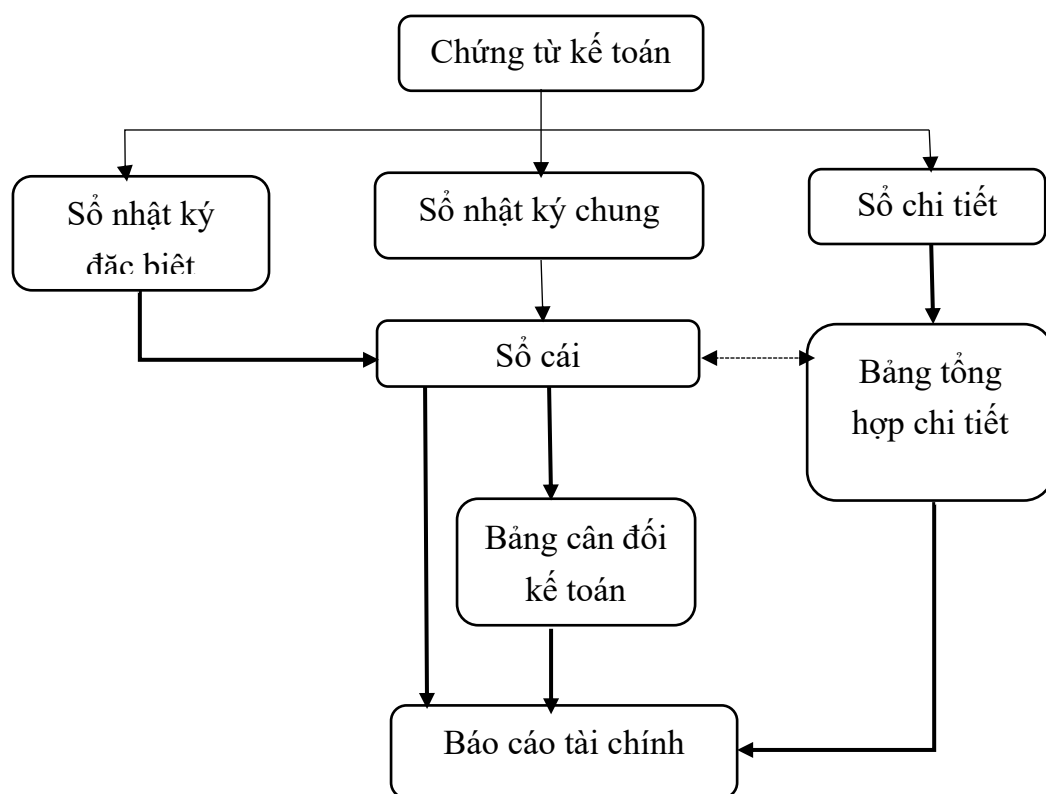
- + Bảng cân đối số phát sinh.
- + Báo cáo kết quả kinh doanh
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- + Thuyết minh Báo cáo tài chính

2.3.4. Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty

Công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 133/2016/TT- BTC của Bộ Tài chính. Trên cơ sở đó, công ty tổ chức công tác kế toán phù hợp với quy mô và đặc điểm hoạt động kinh doanh hiện tại.

Hình thức ghi sổ kế toán mà công ty Huy Hoàng Hồng Lĩnh áp dụng là hình thức Nhật ký chung trên phần mềm “3TSOFT”

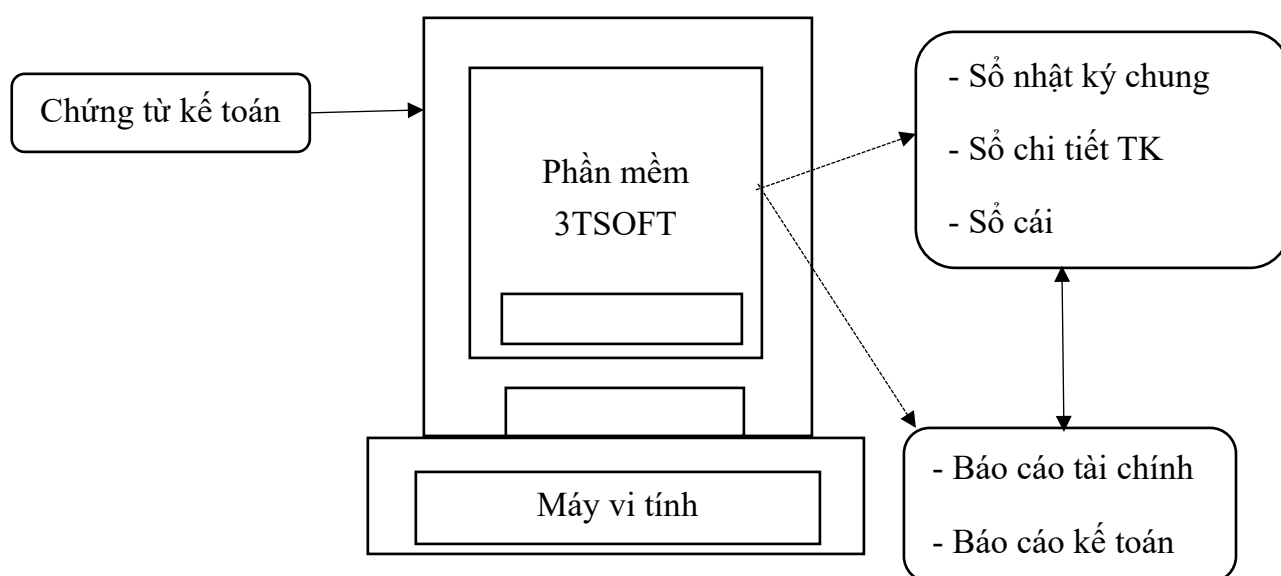
Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm 3TSoft: Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán viên tiến hành kiểm tra, đối chiếu và nhập chứng từ phát sinh vào phần mềm kế toán. Từ đó, phần mềm kế toán 3TSoft tự động chuyển dữ liệu đã nhập, đồng thời vào các sổ nhật ký chung, sổ cái, sổ thẻ kế toán chi tiết. Mỗi chứng từ kế toán chỉ được nhập một lần duy nhất, máy tính sẽ tự động cập nhật vào tất cả các sổ kế toán liên quan. Cuối năm, thực hiện các bút toán kết chuyển và thực hiện việc khóa sổ, lập báo cáo tài chính.



Ghi chú:

- Ghi theo ngày
- Ghi định kì, cuối tháng, cuối năm
- ◄-----> Đối chiếu sổ

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung



Ghi chú:

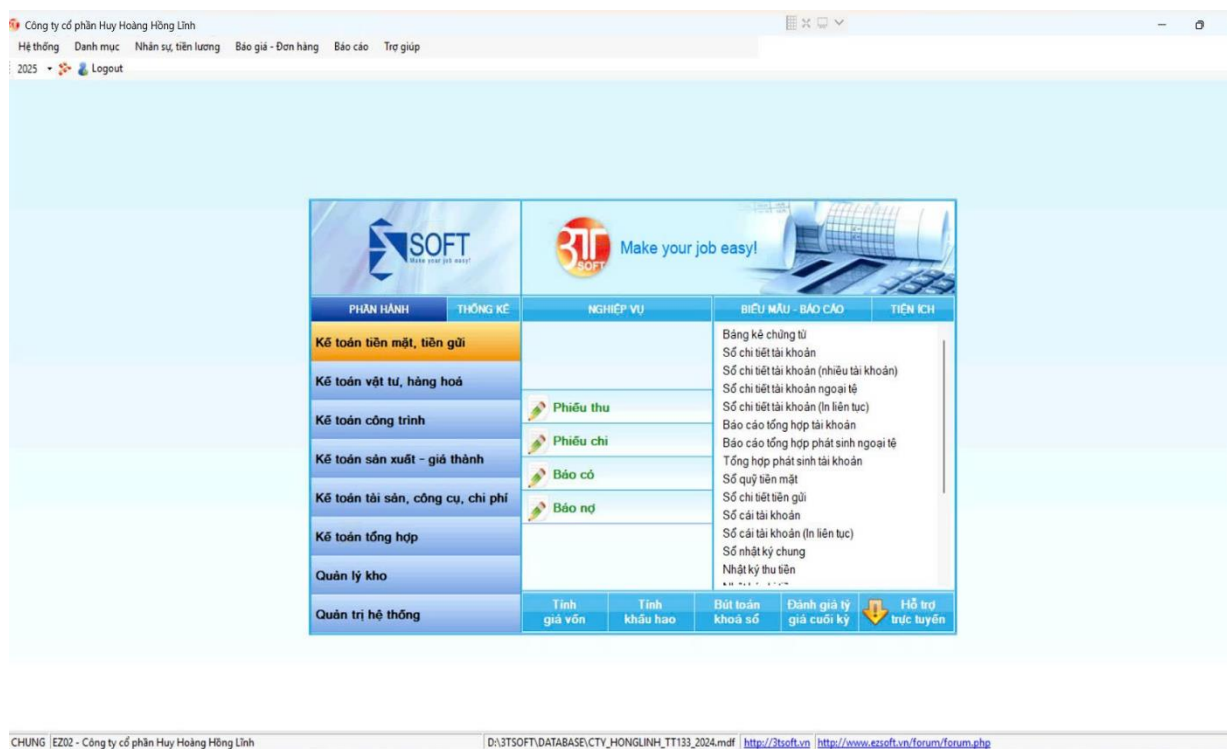
- Ghi hằng ngày
- > Ghi cuối năm
- ◄-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán trên phần mềm 3TSOFT

2.3.5. Phần mềm kế toán tại công ty

Để hỗ trợ cho kế toán làm việc cùng với sự phát triển của công nghệ, hiện nay việc sử dụng phần mềm kế toán không còn xa lạ đối với người làm kế toán. Để công việc có thể nhanh chóng và hoàn thiện hơn, công ty đã sử dụng phần mềm 3TSoft trong công việc kế toán của công ty.

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc (đã kiểm tra), kế toán phần hành tiến hành nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán, riêng các chứng từ có liên quan đến tiền mặt còn phải ghi vào sổ quỹ. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động cập nhật vào sổ chi tiết các tài khoản, sổ chi tiết bán hàng và sổ nhật ký chung, rồi tự cập nhật lên sổ cái của từng tài khoản. Từ sổ cái cuối kỳ phần mềm tự cập nhập bảng cân đối phát sinh kế toán thực hiện các bút toán phân bổ, kết chuyển và lập các báo cáo tài chính.



Trình tự nhập phần mềm:

Công ty ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung trên phần mềm 3TSoft 2018.

Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm 3TSoft:

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán viên tiến hành kiểm tra, đối chiếu và nhập chứng từ phát sinh vào phần mềm kế toán. Từ đó, phần mềm kế toán 3TSoft tự động chuyển dữ liệu đã nhập, đồng thời vào các sổ, nhật ký chung, sổ cái, sổ thẻ kế toán chi tiết.

Mỗi chứng từ kế toán chỉ được nhập một lần duy nhất, máy tính sẽ tự động cập nhật vào tất cả các sổ kế toán liên quan.

Cuối năm, thực hiện các bút toán kết chuyển và thực hiện việc khóa sổ, lập báo cáo tài chính và in các sổ sách kế toán.

2.4. Thực trạng kế toán tiêu thụ và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty Cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh.

2.4.1. Kế toán doanh thu tại công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh

2.4.1.1. Nội dung

Doanh thu của công ty trong năm 2025 bao gồm:

- Doanh thu từ hoạt động xuất bán gạch: Doanh thu này chủ yếu phát sinh từ hoạt động bán gạch cho khách lẻ.

- Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ cho thuê đất và thu tiền điện: Khoản doanh thu này phát sinh từ hoạt động cho thuê lại mặt bằng, đất kinh doanh và thu tiền điện đối với các đơn vị thuê lại theo mức tiêu thụ thực tế.

2.4.1.2. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Tài khoản chi tiết 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản chi tiết 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

2.4.1.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng

a) Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Hợp đồng

b) Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Sổ chi tiết TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- Sổ chi tiết TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

2.4.1.4. Quy trình ghi sổ

Nghiệp vụ 1: Ngày 31/05/2025, căn cứ Phiếu thu số PT036 về việc khách lẻ thanh toán tiền mua gạch bằng tiền mặt, kế toán Công ty Cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh tiến hành lập hóa đơn GTGT số 46. Số lượng bán 1.000 viên gạch, đơn giá 1.500 đồng/viên, thuế suất GTGT 10%, tổng giá thanh toán 1.650.000 đồng.

Phiếu thu (Đối chiếu phụ lục 1)

Thao tác xuất hóa đơn:

Truy cập vào đường: link <https://3002032274.easyinvoice.com.vn>, sau đó đăng nhập thông tin của công ty.

Vào phần hành quản lý hóa đơn, chọn “+ Tạo mới”. (Đối chiếu phụ lục 2)
Sau khi nhập đầy đủ thông tin khách hàng và hàng hóa, dịch vụ cung cấp, kế toán thực hiện lưu và phát hành hóa đơn điện tử. Hóa đơn được gửi đến cơ quan thuế để kiểm tra tính hợp lệ.

Hóa đơn GTGT:

HLHTC		HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)		Ký hiệu (Serial): 1C25THL Số (No.): 46	
		Ngày (Date) 31 tháng (month) 05 năm (year) 2025			
Đơn vị bán hàng (Seller):		CÔNG TY CP HUY HOÀNG HỒNG LĨNH			
Mã số thuế (Tax code):		3002032274			
Địa chỉ (Address):		Số 8, đường tránh QL 1A, tổ dân phố 8, Phường Đâu Liêu, Thị xã Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam			
Họ tên người mua hàng (Buyer):		Khách lẻ			
Tên đơn vị (Company name):		Khách lẻ			
Mã số thuế (Tax code):					
Địa chỉ (Address):					
Hình thức thanh toán (Payment method):		Tiền mặt			
Số tài khoản (A/C No.):					
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods, services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
1	Gạch 10	Viên	1.000	1.500	1.500.000
Cộng tiền hàng (Sub total):					1.500.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		150.000
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					1.650.000
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng.					
Người mua hàng (Buyer)			Người bán hàng (Seller)		
			Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP HUY HOÀNG HỒNG LĨNH Ký ngày: 31- 05- 2025		
Mã của cơ quan thuế (Tax authority code): 009CD4DFC1847B4F0C9A7A0E6EBE7B1A2E					
Trang tra cứu: http://3002032274hd.easyinvoice.com.vn Mã tra cứu: V5HJ36DN4					
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Hình ảnh 2.1.Hóa đơn GTGT ngày 31/05/2025

Kế toán viên tiến hành nhập hóa đơn vào phần mềm 3TSOFT. Vào phần hành kế toán vật tư, hàng hóa → chọn hóa đơn bán hàng (**Đối chiếu phụ lục 3**)

Hóa đơn bán hàng

Ngày chứng từ: 31/05/2025

Số: 0000044

Bộ phận: B001

Hợp đồng:

Đối tượng: KHACHLE

Ông bà: Khách lẻ mua hàng

Địa chỉ:

Diễn giải (VN): Xuất bán Gạch 10 Đặc 220*60*105 khách lẻ

Mã nhập xuất: 131

Loại thuế: **CHUNG**

Tiền tệ: VND

Đơn vị: 1

Tên vật tư	KM	Doanh thu		Thuế GTGT		Chi phí		Đơn giá	Giá vốn			
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có		Thành tiền	Nợ	Có	
1 Gạch 10 Đặc 220*60*105	0	131	5111	131	33311	131	5111	K	1.500.000	1.500.000,00	1542	1521

Tiền mặt: 1.500.000,00

Hạn thanh toán: / /

Thuế GTGT (%): C 10,0

Ngày hóa đơn: 31/05/2025

Phân loại: HH_Kho hàng hóa | G10D-01 - Gạch 10 Đặc 220*60*105 | Tồn kho: 1.000,00

Chi phí: 150.000,00

Thuế xuất khẩu:

Thuế tiêu thụ đặc biệt:

Chiết khấu:

Tổng tiền: 1.650.000,00

Sửa giá trị VND

Hình ảnh 2.2. Giao diện hạch toán hóa đơn GTGT ngày 31/05/2025

Sau khi nhập đầy đủ thông tin chứng từ, kế toán thực hiện thao tác lưu dữ liệu, phần mềm sẽ tự động cập nhật và ghi nhận nghiệp vụ vào Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 511, sổ cái TK 131, sổ cái TK 333, sổ chi tiết TK 33311 và Sổ chi tiết TK 5111.

Nghiệp vụ 2: Ngày 17/09/2025, Công ty Cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh nhận được hóa đơn tiền điện kỳ 1 của tháng 09 do Công ty Điện lực Hà Tĩnh phát hành. Sau đó, bộ phận kế toán của công ty đã thông báo trực tiếp đến Công ty Đại Phát về số tiền cần thanh toán cho kỳ 1 tháng 09. Theo thỏa thuận ban đầu, Công ty Cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh cam kết áp dụng mức giá điện đúng theo giá bán của Công ty Điện lực. Đồng thời, căn cứ vào phụ lục HĐ chi phí quản lý hệ thống điện hàng kì thanh toán công ty sẽ thu thêm chi phí quản lý dao động từ 2.000.000 VNĐ đến 5.000.000 VNĐ. Công ty cũng đề nghị Công ty Đại Phát thực hiện thanh toán tiền điện kỳ 1 tháng 09 trước ngày 23/09/2025. (**Đối chiếu phụ lục 9**)

Theo thông báo, số tiền Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh cần thanh toán cho kỳ 1 tháng 09 là 59.997.000 VNĐ, bao gồm 57.996.658 VNĐ tiền điện (đã bao gồm thuế GTGT 8%) và 2.000.000 VNĐ chi phí quản lý. Sau khi nhận được thông báo, Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh đã thực hiện thanh toán 100% giá trị tiền điện kỳ 1 tháng 09/2025 bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng.

Trong quá trình xác định số tiền thanh toán tiền điện, kế toán công ty thực hiện làm tròn số nhằm thuận tiện cho việc thanh toán, theo dõi công nợ và lập hóa đơn GTGT. Do đó, số tiền thanh toán thực tế có thể phát sinh chênh lệch nhỏ so với số tiền điện được tính toán ban đầu trên cơ sở sản lượng điện tiêu thụ thực tế. Các khoản chênh lệch này chủ yếu phát sinh do việc làm tròn số và được doanh nghiệp theo dõi nội bộ trên bảng tính tiền điện hằng kỳ.

Ngày 02/10/2025, Công ty Cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh nhận được hóa đơn tiền điện kỳ 2 của tháng 09 do Công ty Điện lực Hà Tĩnh phát hành là 31.518.791VND và thực hiện cộng thêm 2.000.000VND chi phí quản lý vào là được 33.518.791VND. Sau đó, bộ phận kế toán của công ty đã thông báo trực tiếp đến Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh về số tiền cần thanh toán cho kỳ 2 tháng 09. Sau khi loại trừ chi phí điện của xưởng đá là 7.286.000VND và xưởng gạch là 227.500VND theo số liệu từ các công tờ riêng, số tiền Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh cần thanh toán là 26.000.000 VNĐ. Công ty cũng đề nghị Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh thực hiện thanh toán tiền điện kỳ 2 tháng 09 trước ngày 08/10/2025.

Công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh Số 8, đường tránh QL1A, Tổ dân phố 8, Phường Đâu Liêu, Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh														
BẢNG TÍNH TIỀN ĐIỆN														
TRẠM BTN năm 2025														
Ngày tháng ghi	TT Điện lực	Xưởng gạch	Xưởng đá	Văn phòng	Thành tiền	Làm tròn	Thanh toán	Ghi chú	Chênh lệch	Xuất HĐ	Tổng cộng	Doanh số	VAT	Thuế suất
2/1/2025	99,349,330	857,291	8,514,000		89,978,039	89,978,000	89,978,000		-39	89,978,000	89,978,000	83,312,963	6,665,037	0.08
17/1/2025	119,478,803				119,478,803	119,479,000	119,479,000		197	119,479,000				0.08
2/2/2025	78,426,594	785,098	6,702,664		70,938,832	70,939,000	70,939,000		168	70,939,000	190,418,000	176,312,963	14,105,037	0.08
17/2/2025	15,762,201				15,762,201	15,700,000	15,700,000		-62,201	15,700,000				0.08
2/3/2025	8,483,349	712,905	5,584,000		2,186,444	2,186,000	2,186,000		-444	2,186,000	17,886,000	16,561,111	1,324,889	0.08
17/3/2025	56,720,602				56,720,602	56,720,000	56,720,000		-602	56,720,000				0.08
2/4/2025	65,990,082	631,688	7,558,797		57,799,597	57,799,000	57,799,000		-597	57,799,000	114,519,000	106,036,111	8,482,889	0.08
17/4/2025	67,922,647				67,922,647	67,920,000	67,920,000		-2,647	67,920,000				0.08
2/5/2025	88,756,350	360,965	12,437,491		75,957,894	75,958,000	75,958,000		106	75,958,000	143,878,000	133,220,370	10,657,630	0.08
17/5/2025	71,736,919				71,736,919	71,737,000	71,737,000		81	71,737,000				0.08
2/5/2025	78,478,931	262,000	9,940,000		68,276,931	68,277,000	68,277,000		69	68,277,000	140,014,000	129,642,593	10,371,407	0.08
17/6/2025	116,063,173				116,063,173	116,063,000	116,063,000		-173	116,063,000				0.08
2/7/2025	117,916,659	284,000	10,340,000		107,292,659	107,293,000	107,293,000		341	107,293,000	223,356,000	206,811,111	16,544,889	0.08
17/7/2025	73,573,828				73,573,828	73,575,800	73,575,800		1,972	73,575,800				0.08
2/8/2025	32,607,945	331,000	10,418,000		21,858,945	21,859,000	21,859,000		55	21,859,000	95,434,800	88,365,556	7,069,244	0.08
17/8/2025	24,591,181				24,591,181	24,590,000	24,590,000		-1,181	24,590,000				0.08
2/9/2025	11,239,943	114,000	8,577,000		2,548,943	2,548,000	2,548,000		-943	2,548,000	27,138,000	25,127,778	2,010,222	0.08
17/9/2025	59,996,958				59,996,958	59,997,000	59,997,000		42	59,997,000				0.08
2/10/2025	33,518,791	227,000	7,286,000		26,005,791	26,000,000	26,000,000		-5,791	26,000,000	85,997,000	79,626,852	6,370,148	0.08
2/11/2025	82,597,536	28,500	9,204,000	63,000	73,365,036	73,300,000	73,300,000		-65,036	73,300,000	73,300,000	67,870,370	5,429,630	0.08
2/12/2025	69,474,579	10,000	6,958,000		62,506,579	62,500,000	62,500,000		-6,579	62,500,000	62,500,000	57,870,370	4,629,630	0.08
2/1/2026	209,616,505		8,084,000		201,532,505	201,500,000	201,500,000		-32,505	201,500,000	201,500,000	186,574,074	14,925,926	0.08
Tổng	1,582,302,906	4,604,447	111,603,952	63,000	1,466,094,507	1,465,918,800	1,465,918,800		-175,707	1,465,918,800	1,465,918,800	1,357,332,222	108,586,578	
												Hà Tĩnh ngày 31/12/2025		
Người lập												Giám đốc		
Trần Thị Huệ												Vũ Thị Hương		

Hình ảnh 2.3. Bảng tính tiền điện nội bộ

Qua số liệu theo dõi các kỳ thanh toán điện, có thể nhận thấy khoản chi phí quản lý phân bổ được doanh nghiệp xác định theo từng ngưỡng giá trị hóa đơn tiền điện. Những kỳ có giá trị tiền điện thấp thường phát sinh mức chi phí quản lý thấp hoặc không phát sinh, trong khi các kỳ có tổng tiền điện lớn sẽ được phân bổ mức chi phí quản lý cao hơn nhằm bù đắp chi phí vận hành, theo dõi và quản lý điện năng sử dụng thực tế.

Do Công ty Cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh thực hiện tổng hợp công nợ tiền điện theo tháng nên tại kỳ thanh toán ngày 17/09/2025 doanh nghiệp chưa tiến hành xuất hóa đơn GTGT. Sau khi phát sinh đầy đủ tiền điện kỳ 1 và kỳ 2 tháng 09/2025, công ty thực hiện tổng hợp số tiền phải thu và xuất hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh.

Phiếu kế toán

Ngày chứng từ: 08/10/2025

Khoá: Sổ cái CHUNG

Số: PK10.02 Tiền tệ: VND 1

Đối tượng: DAIPHATHATINH Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh

Ông bà: Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh Địa chỉ: Số 59 đường Lê Văn Huân, P. Trần Phú, TP Hà Tĩnh Hà Tĩnh

Diễn giải (VN): Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh tiền điện T09.2025

	P	S	Tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Khoản mục	Sản phẩm	Diễn giải (VN)
1	C	5113		79.626.852,00	79.626.852				Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh tiền ...
2	C	33311		6.370.148,00	6.370.148				Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh tiền ...
3	N	1313		85.997.000,00	85.997.000	DAIPHATH...			Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh tiền ...

Chi phí không hợp lệ: Kèm theo: chứng từ gốc. Phát sinh nợ: 85.997.000,00 85.997.000 Phát sinh có: 85.997.000,00 85.997.000

5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ Dư có: 1.345.117.323

Hình ảnh 2.6. Giao diện hạch toán trên phần mềm ngày 08/10/2025

Cuối cùng, sau khi nhập xong đầy đủ thông tin. Kế toán bấm lưu, phần mềm sẽ tự cập nhập lên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 511, sổ cái TK 131, sổ cái TK 333, sổ chi tiết TK 5113, sổ chi tiết TK 1313, sổ chi tiết TK 33311.

Nghiệp vụ 3: Căn cứ HĐ thuê và cho thuê đất ký ngày 12/01/2021 giữa Công ty Cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh và Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh, cùng Phụ lục HĐ số 12/01/2021/PLHĐTĐ/ĐP-HHHL, ngày 15/08/2025 là thời điểm đến hạn thanh toán tiền thuê đất cho kỳ thuê tiếp theo từ ngày 15/08/2025 đến ngày 15/08/2026. Theo thỏa thuận của hai bên, tổng giá trị tiền thuê đất của kỳ này là 350.000.000 đồng và được chia thành hai đợt thanh toán bằng nhau, mỗi đợt tương ứng với thời gian thuê 06 tháng, trị giá 175.000.000 đồng. **(Đối chiếu phụ lục 8)**

Thực hiện theo các điều khoản đã cam kết, Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh đã thanh toán đợt 1 số tiền 175.000.000 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng), tương ứng với thời gian thuê từ ngày 15/08/2025 đến ngày 15/02/2026. Trên cơ sở khoản thanh toán đã hoàn tất, Công ty Cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh tiến hành lập và xuất hóa đơn giá trị gia tăng theo đúng quy định của pháp luật về thuế hiện hành, đồng thời ghi nhận doanh thu tương ứng trong kỳ kế toán.

[illegible]

Kế toán viên tiến hành nhập hóa đơn vào phần mềm 3TSOFT. Vào phần hành kế toán tổng hợp → chọn phiếu kế toán (**Đối chiếu phụ lục 4**)

Căn cứ vào hóa đơn số 56, kí hiệu 1C25THL để nhập dữ liệu.

Phiếu kế toán

Ngày chứng từ: 06/08/2025

Khoá: Sổ cái CHUNG

Số: PK08.03 Tiền tệ: VND 1

Đối tượng: DAIPHATHATINH Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh

Ông bà: Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh Địa chỉ: Số 59 đường Lê Văn Huân, P. Trần Phú, TP Hà Tĩnh Hà Tĩnh

Diễn giải (VN): Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh tiền thuê đất 15.08.25 đến 15.02.2026

	P	S	Tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Khoản mục	Sản phẩm	Diễn giải (VN)
▶ 1	C	5113		159.090.909,00	159.090.909				Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh tiền ...
2	C	33311		15.909.091,00	15.909.091				Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh tiền ...
3	N	1313		175.000.000,00	175.000.000	DAIPHATH...			Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh tiền ...

Chi phí không hợp lệ: Kèm theo: chứng từ gốc. Phát sinh nợ: 175.000.000,00 175.000.000 Phát sinh có: 175.000.000,00 175.000.000

5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ || Dư có: 1.150.898.636

Hình ảnh 2.8. Giao diện hạch toán hóa đơn GTGT ngày 06/08/2025

Cuối cùng, sau khi nhập xong đầy đủ thông tin. Kế toán bấm lưu, phần mềm sẽ tự cập nhập lên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 511, sổ cái TK 333, sổ cái TK 131, sổ chi tiết TK 33311, sổ chi tiết 1313, sổ chi tiết TK 5113

Thao tác xem sổ

Bước 1: Bấm vào báo cáo → chọn sổ sách kế toán

Bước 2: Màn hình sẽ hiện ra tổng hợp các sổ sách → Chọn sổ muốn xem hoặc in

Bước 3: Bấm chọn ngày tháng muốn xem → bấm “lập báo cáo” → sổ sách sẽ hiện ra. (**Đối chiếu phụ lục 4**)

Sổ nhật ký chung:

CÔNG TY CỔ PHẦN HUY HOÀNG HỒNG LĨNH

Số 8, đường tránh QL1A, Tổ dân phố 8, Phường Đâu Liêu,
Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-
BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG								
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025								
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Bộ phận		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng	Mã	Tên			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...	...	...
30/05/2025	PK05.08	30/05/2025			Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Huy Hoàng mua thanh lý Thanh lý máy đã qua sử dụng; Dây chuyền sản xuất gạch QT15			
					Phải thu của khách hàng dịch vụ	1313	1.409.400.000	
					Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ	7111		1.305.000.000
					Thuế GTGT đầu ra	33311		104.400.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/05/2025	0000044	31/05/2025			Xuất bán Gạch 10 Đặc 220*60*105 khách lẻ			
			B001	Kinh doanh	Phải thu của khách hàng bán hàng gạch không nung	1314	1.650.000	
			B001	Kinh doanh	Doanh thu bán hàng hoá	5111		1.500.000
			B001	Kinh doanh	Thuế GTGT đầu ra	333111		150.000
			B001	Kinh doanh	Giá vốn của hàng hóa	6321	1.020.001	
			B001	Kinh doanh	Hàng hoá	156		1.020.001
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/05/2025	PK05.10	31/05/2025			Hạch toán thanh lý tài sản dây chuyền sản xuất gạch QT10			

					Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	8111	1.542.666.666	
					Hao mòn TSCĐ hữu hình	2141	237.333.344	
					Tài sản cố định hữu hình	2111		1.780.000.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
30/06/2025	PK06.07	30/06/2025			Hạch toán chi phí thuế đất phi nông nghiệp năm 2025			
					Thuế, phí và lệ phí	64225	3.376.000	
					Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3337		3.376.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
06/08/2025	PK.08.03	06/08/2025			Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh tiền thuê đất 15.08.25 đến 15.02.2026			
					Phải thu của khách hàng dịch vụ	1313	175.000.000	
					Doanh thu cung cấp dịch vụ	5113		159.090.909
					Thuế GTGT đầu ra	33311		15.909.091
17/09/2025	PK09.05	17/09/2025			Mua hàng Điện lực Thị xã Hồng Lĩnh			
					Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chi phí máy cho thuê	1543	53.700.887	
					Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	1331	4.296.071	
					Phải trả cho người bán	331		57.996.958
23/09/2025	BN066	23/09/2025			Thu phí dịch vụ IB			
					Thuế, phí và lệ phí	64225	35.000	
					Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	1331	3.500	
					Ngân hàng VTB Hồng Lĩnh	1121VT B		38.500
...	...	...	...	...	...	...	...	...
30/09/2025	KH2025 T09	30/09/2025			Trích khấu hao T09.2025			
			B003	Sản xuất	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chi phí máy cho thuê	1543	34.759.546	

			B003	Sản xuất	Chi phí khấu hao TSCĐ	64224	8.636.364	
			B003	Sản xuất	Hao mòn TSCĐ hữu hình	2141		43.395.910
30/09/2025	PK09.08	30/09/2025			Vũ Thị Hương hạch toán lương T08.2025			
					Chi phí nhân viên quản lý	64221	12.100.000	
					Lương Phải trả người lao động	3341		9.500.000
					Tạm ứng nhân viên	1411		2.600.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
30/09/2025	PK09.10	30/09/2025			Trích bảo hiểm xã hội tháng 08.2025			
					Chi phí nhân viên quản lý	64221	3.040.000	
					Bảo hiểm xã hội	3383		2.375.000
					Bảo hiểm y tế	3384		427.500
					Bảo hiểm thất nghiệp	3385		190.000
					Bảo hiểm tai nạn lao động	3389		47.500
...	...	...	...	...	...	...	...	...
30/09/2025	PK09.12	30/09/2025			Hoàn ứng chi trả tiền ăn tháng 08.2025			
					Chi phí nhân viên quản lý	64221	250.000	
					Tạm ứng nhân viên	1411		250.000
30/09/2025	PK09.13	30/09/2025			Hoàn ứng chi phí quản lý tháng 09.2025			
					Chi phí dịch vụ mua ngoài	64227	2.456.638	
					Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	1331	203.976	
					Tạm ứng nhân viên	141		2.660.614
...	...	...	...	...	...	...	...	...
30/09/2025	PK09.16	30/09/2025			Hoàn ứng chi trả thù lao tháng 08.2025			
					Chi phí nhân viên quản lý	64221	1.950.000	
					Tạm ứng nhân viên	1411		1.950.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...

02/10/2025	PK10.01	02/10/2025			Mua hàng Điện lực Thị xã Hồng Lĩnh			
					Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chi phí máy cho thuê	1543	25.925.965	
					Chi phí dịch vụ mua ngoài	64227	3.258.101	
					Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	1331	2.334.725	
					Phải trả cho người bán	331		31.518.791
08/10/2025	PK10.02	08/10/2025			Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh tiền điện T09.2025			
					Phải thu của khách hàng dịch vụ	1313	85.997.000	
					Doanh thu cung cấp dịch vụ	5113		79.626.852
					Thuế GTGT đầu ra	33311		6.370.148
...	...	...	...	...	...	...	...	...
25/11/2025	BC085	25/11/2025			Ngân hàng trả lãi			
					Ngân hàng VCB bắc Hà Tĩnh	1121VC B	1.091	
					Doanh thu từ lãi tiền gửi	5154		1.091
31/12/2025	001	31/12/2025			Kết chuyển doanh thu			
					Doanh thu cung cấp dịch vụ	5113	1.570.484.915	
					Doanh thu bán hàng hoá	5111	908.485.700	
					Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	9111		2.478.970.615
31/12/2025	001	31/12/2025			Kết chuyển giá vốn hàng bán			
					Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	9111	2.433.208.010	
					Giá vốn của dịch vụ	6323		1.560.484.915
					Giá vốn của hàng hóa	6321		872.723.095
31/12/2025	001	31/12/2025			Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp			
					Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	9111	564.759.943	

				Chi phí nhân viên quản lý	64221		228.808.249
				Thuế, phí và lệ phí	64225		122.587.902
				Chi phí dịch vụ mua ngoài	64227		109.727.424
				Chi phí khấu hao TSCĐ	64224		103.636.368
31/12/2025	001	31/12/2025		Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			
				Doanh thu từ lãi tiền gửi	5154	26.909	
				Kết quả hoạt động tài chính	9112		26.909
31/12/2025	001	31/12/2025		Kết chuyển thu nhập khác			
				Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ	7111	9123.000.000	
				Thu nhập bất thường khác	7118	73.531	
				Kết quả hoạt động khác	9113		9.123.073.531
31/12/2025	001	31/12/2025		Kết chuyển chi phí khác			
				Kết quả hoạt động khác	9113	11.534.106.878	
				Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	8111		11.534.106.878
31/12/2025	001	31/12/2025		Kết chuyển lãi, lỗ			
				Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	4212	2.930.030.685	
				Kết quả hoạt động khác	9113		2.411.033.347
				Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	9111		518.997.338
				Kết quả hoạt động tài chính	9112	26.909	
				Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	4212		26.909
...	...	...	...	...	...	...	...
				Tổng cộng		73.612.043.251	73.612.043.251

Sổ cái 511:

CÔNG TY CỔ PHẦN HUY HOÀNG HỒNG LĨNH

Số 8, đường tránh QL1A, Tổ dân phố 8, Phường Đậu Liêu, Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025</i>								
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Đối tượng		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng	Mã	Tên			Nợ	Có
08/02/2025	0000002	08/02/2025	KHACHLE	Khách lẻ mua hàng	Xuất bán Gạch 10 Đặc 220*60*105 khách lẻ	1314		1.500.000
.....								
10/02/2025	PK02.02	10/02/2025			Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh tiền điện T01.2025	1313		176.312.963
....								
31/05/2025	0000044	31/05/2025	KHACHLE	Khách lẻ mua hàng	Xuất bán Gạch 10 Đặc 220*60*105 khách lẻ	1314		1.500.000
....	...							
07/07/2025	PK07.02	07/07/2025	DAIPHATH ATINH	Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh	Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh tiền điện T06.2025	1313		206.811.111
....								
06/08/2025	PK.08.03	06/08/2025	DAIPHAT HATINH	Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh	Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh tiền thuê đất 15.08.25 đến 15.02.2026	1313		159.090.909
....								
08/10/2025	PK10.02	08/10/2025	DAIPHAT HATINH	Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh	Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh tiền điện T09.2025	1313		79.626.852
....								
31/12/2025	001	31/12/2025			Kết chuyển doanh thu	9111	2.478.970.615	

					Cộng phát sinh trong kỳ		2.478.970.615	2.478.970.615
					Số dư cuối kỳ			

Sổ chi tiết 5111:**CÔNG TY CỔ PHẦN HUY HOÀNG HỒNG LĨNH****Mẫu số S03a-DNN**Số 8, đường tránh QL1A, Tổ dân phố 8, Phường Đâu Liêu,
Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-
BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025</i>								
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Đối tượng		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng	Mã	Tên			Nợ	Có
.....								
17/05/2025	0000020	17/05/2025	KHACHLE	Khách lẻ mua hàng	Xuất bán Gạch 27 Đặc 270x140x90 khách lẻ	1314		1.100.000
.....								
31/05/2025	0000044	31/05/2025	KHACHL E	Khách lẻ mua hàng	Xuất bán Gạch 10 Đặc 220*60*105 khách lẻ	1314		1.500.000
....								
31/05/2025	0000051	31/05/2025	KHACHLE	Khách lẻ mua hàng	Xuất bán Gạch 10 Đặc 220*60*105 khách lẻ	1314		655.500
....								
31/12/2025	001	31/12/2025			Kết chuyển doanh thu	9111	908.485.700	
					Cộng phát sinh trong kỳ		908.485.700	908.485.700
					Số dư cuối kỳ			

Sổ chi tiết 5113:**CÔNG TY CỔ PHẦN HUY HOÀNG HỒNG LĨNH****Mẫu số S03a-DNN**

Số 8, đường tránh QL1A, Tổ dân phố 8, Phường Đậu Liêu, Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025</i>								
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Đối tượng		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng	Mã	Tên			Nợ	Có
....						...	...	
04/04/2025	PK04.02	04/04/2025	DAIPHAT HATINH	Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh	Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh tiền điện T03.2025	1313		106.036.111
....								
06/08/2025	PK08.03	06/08/2025	DAIPHAT HATINH	Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh	Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh tiền thuê đất 15.08.25 đến 15.02.2026	1313		159.090.909
....	...							
08/10/2025	PK10.02	08/10/2025	DAIPHAT HATINH	Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh	Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh tiền điện T09.2025	1313		79.626.852
....								
31/12/2025	001	31/12/2025			Kết chuyển doanh thu	9111	1.570.484.915	
					Cộng phát sinh trong kỳ		1.570.484.915	1.570.484.915
					Số dư cuối kỳ			

2.4.2 Kế toán giảm trừ doanh thu

Trong năm 2025 Công ty không phát sinh bất kỳ nghiệp vụ nào liên quan đến các khoản giảm trừ doanh thu.

2.4.3 Kế toán giá vốn tại Công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh

2.4.3.1 Đặc điểm

- Giá vốn hàng hóa: Giá vốn phát sinh từ hoạt động xuất bán gạch cho khách lẻ. Căn cứ vào số lượng gạch thực tế xuất bán trong kỳ, cuối tháng kế toán tiến hành tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền tháng để xác định giá vốn hàng bán tương ứng.

- Giá vốn dịch vụ điện: Chi phí tiền điện căn cứ theo hóa đơn do Công ty Điện lực Hà Tĩnh phát hành sẽ được hạch toán vào TK 1543 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Cuối kỳ kế toán, kế toán thực hiện kết chuyển chi phí điện từ TK 1543 sang TK 6323 – Giá vốn dịch vụ để xác định giá vốn tương ứng với doanh thu phát sinh trong kỳ.

- Đối với giá vốn đất, doanh nghiệp thực hiện phân bổ chi phí từ TK 2422 – Chi phí trả trước dài hạn sang TK 6323 – Giá vốn dịch vụ theo kỳ kế toán. Sau đó, toàn bộ số phát sinh trên TK 6323 được kết chuyển sang TK 911 – Xác định kết quả hoạt động kinh doanh nhằm xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

2.4.3.2. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán
- Tài khoản chi tiết 6321: Giá vốn hàng hóa
- Tài khoản chi tiết 6323: Giá vốn dịch vụ

2.4.3.3 Chứng từ và sổ sách sử dụng

a) Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT

b) Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 632: Giá vốn hàng bán
- Sổ chi tiết TK 6321: Giá vốn hàng hóa
- Sổ chi tiết TK 6323: Giá vốn dịch vụ

2.4.3.4 Quy trình ghi sổ

Tính giá xuất kho

Doanh nghiệp thực hiện tính giá xuất kho hàng hóa trên phần mềm kế toán 3TSOFT theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ (theo tháng). Trong kỳ, các nghiệp vụ xuất kho chỉ được theo dõi về mặt số lượng. Đến cuối tháng, kế toán thực hiện chức

năng tính giá xuất kho, phần mềm tự động xác định đơn giá bình quân và cập nhật giá vốn hàng bán tương ứng, ghi nhận vào TK 632 – Giá vốn hàng bán theo quy định.

The screenshot shows a software window titled "Khai báo tham số hệ thống" (System Parameter Declaration) with a close button (X) in the top right corner. The window is divided into four tabs: "Phần I", "Phần II", "Phần III", and "Phần IV". The "Phần II" tab is currently selected. The settings are organized into several groups:

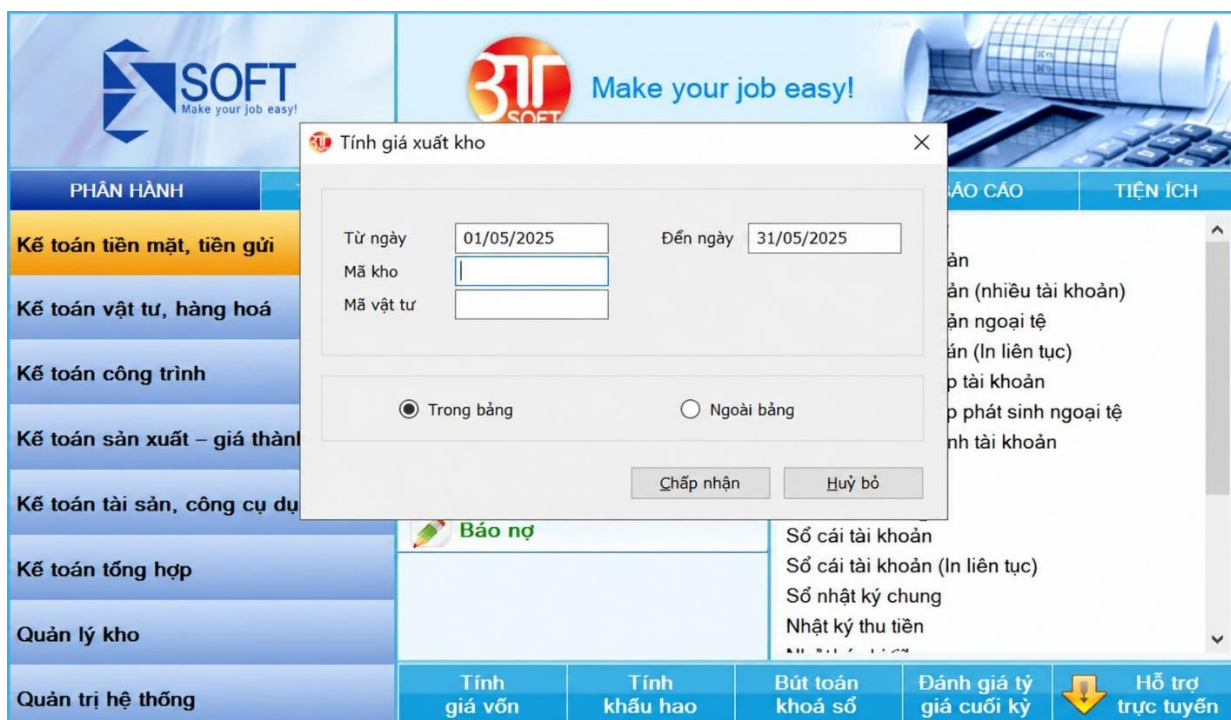
- Diễn giải của chứng từ** (Interpretation of documents):
 - ☒ Tiếng Việt
 - ☐ Song ngữ: Việt - Anh
- Phương pháp tính giá hàng tồn kho** (Inventory valuation method):
 - ☐ Trung bình di động
 - ☒ Trung bình tháng
 - ☐ Nhập trước xuất trước
- Tính chênh lệch tỷ giá** (Exchange rate difference):
 - ☒ Không
 - ☐ Trung bình di động
 - ☐ Thực tế đích danh
- Loại chiết khấu bán hàng** (Type of trade discount):
 - ☐ Chiết khấu ghi trên hóa đơn
 - ☒ Chiết khấu không ghi trên hóa đơn
- Thanh toán tự động theo hoá đơn** (Automatic payment by invoice):
 - ☐ Có
 - ☒ Không
- Thông báo khi số lượng xuất lớn hơn tồn kho** (Notification when quantity sold exceeds inventory):
 - ☐ Không
 - ☒ Có
 - ☐ Thông báo và cấm xuất
- Thông báo khi công nợ vượt quá định mức nợ** (Notification when accounts payable exceeds the limit):
 - ☒ Không
 - ☐ Có
 - ☐ Thông báo và cấm
- Hình thức quản lý hóa đơn** (Invoice management form):
 - ☒ Hóa đơn đặt in
 - ☐ Hóa đơn tự in
 - ☐ Hóa đơn xác thực
 - ☐ Hóa đơn điện tử
- Hiện ngày giờ khi in** (Show date and time when printing):
 - ☒ Không
 - ☐ Hiện trên chứng từ
 - ☐ Hiện trên báo cáo
 - ☐ Cả chứng từ và báo cáo

At the bottom of the window, there are three buttons: "Khai báo thông tin hoá đơn" (Invoice information declaration), "Chấp nhận" (Accept), and "Hủy bỏ" (Cancel). The "Chấp nhận" button is highlighted.

Hình ảnh 2.9. Giao diện phương pháp tính giá xuất kho

Bước 1: Chọn vào mục “Tính giá vốn” trên giao diện phần mềm.

Bước 2: Chọn ngày tháng muốn tính giá xuất kho → Bấm “chấp nhận”. Phần mềm sẽ tự động tính giá vốn.



Hình ảnh 2.10. Giao diện tính giá xuất kho trên phần mềm 3Tsoft

Sau khi nhập xong tháng muốn tính giá xuất kho và nhấn nút “chấp nhận” sau đó phần mềm sẽ cập nhật lên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 632, sổ chi tiết TK 6321.

Nghiệp vụ 1: Ngày 31/05/2025, Công ty thực hiện xuất bán mặt hàng Gạch 10 Đặc 220×60×105 cho khách lẻ. Kế toán tiến hành lập phiếu xuất kho để phản ánh số lượng hàng hóa đã xuất bán. Do doanh nghiệp áp dụng phương pháp tính giá xuất kho theo bình quân gia quyền cuối kỳ (theo tháng), nên tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ xuất kho, kế toán chỉ theo dõi về mặt số lượng hàng xuất, chưa xác định được giá vốn hàng bán. Đến cuối tháng 05/2025, kế toán thực hiện chức năng “Tính giá vốn” trên phần mềm kế toán. Căn cứ vào số liệu tồn đầu kỳ và các nghiệp vụ nhập trong kỳ, phần mềm tự động tính toán đơn giá bình quân gia quyền và xác định giá vốn của hàng hóa đã xuất trong tháng.

Phiếu xuất kho:

Công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh

Số 8, đường tránh QL1A, Tổ dân phố 8, Phường Đậu Liêu, Thị xã
Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh

Mẫu số: 01-VT

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-
BTC ngày 26/08/2026 của Bộ Tài
Chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 31 tháng 05 năm 2025

Nợ: 6321

Số: XK831_T05/25

Có: 156

- Họ tên người nhận hàng: Khách lẻ mua hàng

- Địa chỉ (bộ phận):

- Lý do xuất kho: Xuất kho bán Gạch 10 Đặc 220*60*105 khách lẻ

- Xuất tại kho (ngân lô): Kho HH

Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Gạch 10 Đặc 220*60*105	GD10-01	Viên	1.000		1.020	1.020.000
Cộng							1.020.000

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Một triệu không trăm hai mươi nghìn đồng

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 31 tháng 05 năm 2025

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Trần Kim Chung

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Trần Thị Huế

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Vũ Thị Hương

Hình ảnh 2.11. Phiếu xuất kho ngày 31/05/2025

Nghiệp vụ 2: Ngày 17/09/2025, căn cứ hóa đơn tiền điện kỳ 1 tháng 09 do Công ty Điện lực Hà Tĩnh phát hành, Công ty Cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh thực hiện ghi nhận chi phí điện phát sinh. Khoản chi phí này được xác định là chi phí trực tiếp cấu thành giá vốn cung cấp dịch vụ, do đó được tập hợp vào TK 1543 – Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang theo giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Ngày 02/10/2025, căn cứ hóa đơn tiền điện kỳ 2 tháng 09/2025 do Công ty Điện lực Hà Tĩnh phát hành, kế toán Công ty Cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh tiến hành ghi nhận chi phí tiền điện phát sinh vào TK 1543 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Cuối kỳ kế toán, kế toán thực hiện kết chuyển chi phí điện từ TK 1543 sang TK 6323 – Giá vốn dịch vụ để xác định giá vốn tương ứng với doanh thu cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, đồng thời làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.



Công ty Điện lực Hà Tĩnh- Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Bắc

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-018

Địa chỉ (Address): Đại lộ Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thành Sen, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Công ty Điện lực Hà Tĩnh- Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Bắc
- Số TK: 3702201001690 - Tại NH: CN NHNN và PTNT TX Hồng Lĩnh



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 09 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K2STPE

Số (No): 150987

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty CP Huy Hoàng Hồng Lĩnh

Mã số thuế (Tax code): 3002032274

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Địa chỉ (Address): Số 8 đường tránh QL1A, Tò dân phố 8, Phường Nam Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA16HL0007725

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Số định danh (ID No):

Số hộ chiếu (Passport No):

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀ TĨNH - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Ngày ký: 17/09/2025 09:27:14

Hình ảnh 2.12. Hóa đơn GTGT tiền điện ngày 17/09/2025

Kế toán viên tiến hành nhập hóa đơn vào phần mềm 3TSOFT. Vào phần hành kế toán tổng hợp → chọn phiếu kế toán (**Đối chiếu phụ lục 4**)

Phiếu kế toán

Ngày chứng từ: 17/09/2025

Khoá: Sổ cái CHUNG

Số: PK09.05 Tiền tệ: VND 1

Đối tượng: DIENLUCHL Điện lực Thị xã Hồng Lĩnh

Ông bà: Điện lực Thị xã Hồng Lĩnh Địa chỉ: Số 54 Trần Phú Thị xã Hồng Lĩnh Hà Tĩnh

Diễn giải (VN): Mua hàng Điện lực Thị xã Hồng Lĩnh

	P	S	Tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Khoản mục	Sản phẩm	Diễn giải (VN)
▶ 1	N	1543		53.700.887,00	53.700.887				Mua hàng Điện lực Thị xã Hồng Lĩnh
2	N	1331		4.296.071,00	4.296.071				Mua hàng Điện lực Thị xã Hồng Lĩnh
3	C	331		57.996.958,00	57.996.958	DIENLUCHL			Mua hàng Điện lực Thị xã Hồng Lĩnh

Chi phí không hợp lệ:

Doanh thu chưa hạch toán:

Kèm theo: chứng từ gốc.

Phát sinh nợ: 57.996.958,00 57.996.958

Phát sinh có: 57.996.958,00 57.996.958

1543 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chi phí máy cho thuê || Dư nợ: 9.924.442.666

Hình ảnh 2.13. Giao diện hạch toán hóa đơn GTGT tiền điện ngày 17/09/2025

**Công ty Điện lực Hà Tĩnh- Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Bắc**

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-018

Địa chỉ (Address): Đại lộ Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thành Sen, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Công ty Điện lực Hà Tĩnh- Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Bắc
- Số TK: 3702201001690 - Tại NH: CN NHNN và PTNT TX Hồng Lĩnh**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 10 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPE

Số (No): 167759

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty CP Huy Hoàng Hồng Lĩnh

Mã số thuế (Tax code): 3002032274

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 8 đường tránh QL1A, Tổ dân phố 8, Phường Nam Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA16HL0007725

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	D	E	F=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 9 năm 2025 từ ngày 16/09/2025 đến ngày 30/09/2025	kWh	14.862	-	29.184.066
	(kèm theo bảng kê số 1669827271 ngày 02 tháng 10 năm 2025)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					29.184.066
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			2.334.725
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			31.518.791
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba mươi một triệu năm trăm mười tám nghìn bảy trăm chín mươi một đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)



Khởi tạo từ (Created by) Phần mềm CMS - Công ty (Company): Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin - EVN - MST (Tax code): 0100100417-018

Hình ảnh 2.14. Hóa đơn GTGT tiền điện ngày 02/10/2025

Để xác định chi phí điện thực tế doanh nghiệp sử dụng, kế toán thực hiện cộng số tiền điện chưa thuế của tháng 9 kỳ 1 là 53.700.887 và tháng 9 kỳ 2 là 29.184.066. Sau đó lấy tổng số tiền này trừ đi phần doanh thu điện dự kiến xuất hóa đơn cho Công ty TNHH Đại Phát (giá trị trước thuế) là 79.626.852. Phần này lại được xác định là chi phí điện doanh nghiệp thực tế sử dụng và được hạch toán vào TK 64227, phần còn lại được đưa vào TK 1543 theo quy định.

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐIỆN năm 2025							
STT	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm lập hóa đơn	Doanh số mua vào	CP 1543	Thu hộ	CP 642	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
1	198500	18/12/2024	71,496,615	71,496,615			
2	11	02/01/2025	89,212,343	86,090,422		3,121,921	
3	1	08/01/2025			157,587,037		
4	16652	16/01/2025	105,998,892	105,998,892			
5	33375	03/02/2025	70,765,365	70,314,071		451,294	
6	5	10/02/2025			176,312,963		
7	33470	17/02/2025	14,596,482	14,596,482			
8	56	25/02/2025	9,662,832			9,662,832	Vì là QLVH
9	41645	03/03/2025	7,854,953	1,964,629			
10	12	03/03/2025			16,561,111	5,890,324	
11	50201	17/03/2025	49,741,298	49,741,298			
12	66875	03/04/2025	58,324,150	56,294,813			
13	14	04/04/2025			106,036,111	2,029,337	
14	66946	17/04/2025	60,113,562	60,113,562			
15	83701	03/05/2025	79,404,028	73,106,808			
16	15	08/05/2025			133,220,370	6,297,220	
17	83715	16/05/2025	63,645,295	63,645,295			
18	91944	02/06/2025	70,813,825	65,997,298			
19	53	08/06/2025			129,642,593	4,816,527	
20	100509	17/06/2025	104,688,123	104,688,123			
21	117289	02/07/2025	106,404,314	102,122,988			
22	54	7/7/2025			206,811,111	4,281,326	
23	117309	17/07/2025	65,346,137	65,346,137			
24	134127	02/08/2025	27,414,764	23,017,567			
25	55	6/8/2025			88,363,704	4,397,197	
26	134150	16/08/2025	20,918,038	20,918,038			
27	150965	02/09/2025	9,481,429	4,209,740			
28	57	11/9/2025			25,127,778	5,271,689	
29	150987	17/09/2025	53,700,887	53,700,887			
30	167759	02/10/2025	29,184,066	25,925,965			
31	59	8/10/2025			79,626,852	3,258,101	
34	184324	02/11/2025	73,701,422	67,870,370			
32	61	13/11/2025			67,870,370	5,831,052	
33	141	26/11/2025	15,469,007			15,469,007	Phí QLVH
35	184667	02/12/2025	60,624,610	57,870,370			
36	62	3/12/2025			57,870,370	2,754,240	
		Cộng	1,318,562,437	1,245,030,370	1,245,030,370	73,532,067	
					Hà Tĩnh ngày 31/12/2025		
		Người lập			Giám đốc		
		Trần Thị Huế			Vũ Thị Hương		

Hình ảnh 2.15. Bảng tổng hợp chi phí điện năm 2025

Kế toán viên tiến hành nhập hóa đơn vào phần mềm 3TOSOFT. Vào phần hành kế toán tổng hợp → chọn phiếu kế toán. (**Đối chiếu phụ lục 4**)

Phiếu kế toán

Ngày chứng từ: 02/10/2025

Khoá: Sổ cái CHUNG

Số: PK10.01 Tiền tệ: VND 1

Đối tượng: DIENLUCHL Điện lực Thị xã Hồng Lĩnh

Ông bà: Điện lực Thị xã Hồng Lĩnh Địa chỉ: Số 54 Trần Phú Thị xã Hồng Lĩnh Hà Tĩnh

Diễn giải (VN): Mua hàng Điện lực Thị xã Hồng Lĩnh

	P	S	Tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Khoản mục	Sản phẩm	Diễn giải (VN)
1	N	1543		25.925.965,00	25.925.965				Mua hàng Điện lực Thị xã Hồng Lĩnh
2	N	1331		2.334.725,00	2.334.725				Mua hàng Điện lực Thị xã Hồng Lĩnh
3	N	64227		3.258.101,00	3.258.101				Mua hàng Điện lực Thị xã Hồng Lĩnh
4	C	331		31.518.791,00	31.518.791	DIENLUCHL			Mua hàng Điện lực Thị xã Hồng Lĩnh

Chi phí không hợp lệ: Kèm theo chứng từ gốc. Phát sinh nợ: 31.518.791,00 31.518.791 Phát sinh có: 31.518.791,00 31.518.791

1543 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chi phí máy cho thuê Dư nợ: 10.012.903.099

Hình ảnh 2.16. Giao diện hạch toán hóa đơn GTGT tiền điện ngày 02/10/2025

Cuối cùng, sau khi nhập xong đầy đủ thông tin. Kế toán bấm lưu, phần mềm sẽ tự cập nhập lên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 154, sổ cái TK 133, sổ cái TK 642, sổ cái TK 331, sổ chi tiết TK 1331, sổ chi tiết TK 64227, sổ chi tiết TK1543.

Cuối năm kết toán kết chuyển tài khoản sang tài khoản 6323

Phiếu kế toán

Ngày chứng từ: 31/12/2025

Khoá: Sổ cái CHUNG

Số: PK12.11 Tiền tệ: VND 1

Đối tượng: HUONGVT Vũ Thị Hương

Ông bà: Vũ Thị Hương Địa chỉ: A, Tổ dân phố 8, Phường Đầu Liêu, Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh

Diễn giải (VN): Giá vốn tiền điện xuất Đại Phát

	P	S	Tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Khoản mục	Sản phẩm	Diễn giải (VN)
1	N	6323		1.245.030.370,00	1.245.030.370				Giá vốn tiền điện xuất Đại Phát
2	C	1543		1.245.030.370,00	1.245.030.370				Giá vốn tiền điện xuất Đại Phát

Chi phí không hợp lệ: Kèm theo chứng từ gốc. Phát sinh nợ: 1.245.030.370,00 1.245.030.370 Phát sinh có: 1.245.030.370,00 1.245.030.370

6323 - Giá vốn của dịch vụ Dư có: 1.245.030.370

Hình ảnh 2.17. Giao diện thực hiện kết chuyển giá vốn 31/12/2025

Cuối cùng, sau khi nhập xong đầy đủ thông tin. Kế toán bấm lưu, phần mềm sẽ tự cập nhập lên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 154, sổ cái TK 632, sổ chi tiết TK 1543, sổ chi tiết TK 6323.

Nghiệp vụ 3: Căn cứ Sổ chi tiết TK 2422 – Chi phí trả trước dài hạn của Công ty Cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh giai đoạn 2018–2025, các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động cho thuê như tiền thuê đất, chi phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hạ tầng và các chi phí khác có thời gian hưởng lợi từ nhiều kỳ kế toán được ghi nhận vào TK 2422 để theo dõi và phân bổ dần vào chi phí trong các năm sử dụng. **(Đối chiếu phụ lục 6)**

Mỗi khoản chi phí được xác định thời gian phân bổ cụ thể theo tính chất và thời gian hưởng lợi của khoản chi phí, bao gồm các mức phân bổ 2 năm, 4 năm hoặc 5 năm. Chi phí phân bổ của từng năm được xác định trên cơ sở giá trị ghi nhận ban đầu chia cho thời gian phân bổ tương ứng.

Đến ngày 31/12/2025, Công ty thực hiện bút toán phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào giá vốn dịch vụ cho thuê. Khoản chi phí được phân bổ trong năm bao gồm các khoản chi phí trả trước dài hạn còn thời gian phân bổ từ các năm trước chuyển sang và các khoản phát sinh mới trong năm. Cụ thể, có 02 khoản phát sinh từ năm 2022 tiếp tục được phân bổ trong năm 2025, 05 khoản phát sinh trong năm 2023, 04 khoản phát sinh trong năm 2024 đang trong thời gian phân bổ và 01 khoản phát sinh năm 2025 được đưa vào TK 2422 để thực hiện phân bổ theo thời gian sử dụng. Tổng số chi phí trả trước dài hạn được phân bổ vào giá vốn dịch vụ cho thuê trong năm 2025 là 296.997.083 đồng. Bút toán này nhằm kết chuyển phần chi phí trả trước dài hạn thuộc năm 2025 vào giá vốn dịch vụ cho thuê, đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí trong kỳ kế toán.

Kế toán viên tiến hành nhập hóa đơn vào phần mềm 3TSOFT. Vào phần hành kế toán tổng hợp → chọn phiếu kế toán. **(Đối chiếu phụ lục 4)**

Phiếu kế toán

Ngày chứng từ: 31/12/2025

Khoá: Sổ cái CHUNG

Số: PK12.14 Tiền tệ: VND 1

Đối tượng: HUONGVT Vũ Thị Hương

Ông bà: Vũ Thị Hương Địa chỉ: A, Tổ dân phố 8, Phường Đậu Liêu, Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh

Diễn giải (VN): Giá vốn dịch vụ cho thuê

	P	S	Tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Khoản mục	Sản phẩm	Diễn giải (VN)
1	N		6323	296.997.083,00	296.997.083				Giá vốn dịch vụ cho thuê
2	C		2422	296.997.083,00	296.997.083				Giá vốn dịch vụ cho thuê

Chi phí không hợp lệ:

Doanh thu chưa hạch toán:

Kèm theo chứng từ gốc.

Phát sinh nợ: 296.997.083,00 296.997.083

Phát sinh có: 296.997.083,00 296.997.083

6323 - Giá vốn của dịch vụ | Dư có: 296.997.083

Hình ảnh 2.18. Giao diện thực hiện kết chuyển giá vốn 31/12/2025

Cuối cùng, sau khi nhập xong đầy đủ thông tin. Kế toán bấm lưu, phần mềm sẽ tự cập nhập lên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 632, sổ cái TK 242, sổ chi tiết TK 6323, sổ chi tiết TK 2422.

- Thao tác xem sổ (Đã trình bày ở trang 54)

- Sổ nhật ký chung (Đã trình bày ở trang 55)

Sổ chi tiết TK 6321:

CÔNG TY CỔ PHẦN HUY HOÀNG HỒNG LĨNH

Mẫu số S03a-DNN

Số 8, đường tránh QL1A, Tổ dân phố 8, Phường Đậu Liêu,
Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-
BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025</i>								
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Đối tượng		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng	Mã	Tên			Nợ	Có
.....								
28/02/2025	0000023	28/02/2025	KHACHLE	Khách lẻ mua hàng	Xuất bán Gạch 27 Đặc 270x140x90 khách lẻ	156	1.797.338	
.....								
31/05/2025	0000044	31/05/2025	KHACHLE	Khách lẻ mua hàng	Xuất bán Gạch 10 Đặc 220*60*105 khách lẻ	156	1.020.001	
.....								
31/05/2025	0000048	31/05/2025	KHACHLE	Khách lẻ mua hàng	Xuất bán Gạch 27 Đặc 270x140x90 khách lẻ	156	898.669	
....								
31/12/2025	001	31/12/2025			Kết chuyển giá vốn hàng bán	9111		872.723.095
					Cộng phát sinh trong kỳ		872.723.095	872.723.095
					Số dư cuối kỳ			

Sổ chi tiết TK 6323:**CÔNG TY CỔ PHẦN HUY HOÀNG HỒNG LĨNH****Mẫu số S03a-DNN**Số 8, đường tránh QL1A, Tổ dân phố 8, Phường Đậu Liêu,
Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025</i>								
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Đối tượng		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng	Mã	Tên			Nợ	Có
31/12/2025	PK12.11	31/12/2025	HUONGVT	Vũ Thị Hương	Giá vốn tiền điện xuất Đại Phát	1543	1.245.030.370	
31/12/2025	PK12.13	31/12/2025	HUONGVT	Vũ Thị Hương	Giá vốn dịch vụ cho thuê	1543	18.457.462	...
31/12/2025	PK12.14	31/12/2025	HUONGVT	Vũ Thị Hương	Giá vốn dịch vụ cho thuê	2422	296.997.083	
31/12/2025	001	31/12/2025			Kết chuyển giá vốn hàng bán	9111		1.560.484.915
					Cộng phát sinh trong kỳ		1.560.484.915	1.560.484.915
					Số dư cuối kỳ			

Sổ cái TK 632:**CÔNG TY CỔ PHẦN HUY HOÀNG HỒNG LĨNH**

Số 8, đường tránh QL1A, Tổ dân phố 8, Phường Đâu Liêu,
Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025</i>								
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Đối tượng		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng	Mã	Tên			Nợ	Có
.....								
28/02/2025	0000023	28/02/2025	KHACHLE	Khách lẻ mua hàng	Xuất bán Gạch 27 Đặc 270x140x90 khách lẻ	156	1.797.338	
.....								
31/05/2025	0000044	31/05/2025	KHACHLE	Khách lẻ mua hàng	Xuất bán Gạch 10 Đặc 220*60*105 khách lẻ	156	1.020.001	
.....								
31/12/2025	PK12.11	31/12/2025	HUONGVT	Vũ Thị Hương	Giá vốn tiền điện xuất Đại Phát	1543	1.245.030.370	
31/12/2025	PK12.13	31/12/2025	HUONGVT	Vũ Thị Hương	Giá vốn dịch vụ cho thuê	1543	18.457.462	...
31/12/2025	PK12.14	31/12/2025	HUONGVT	Vũ Thị Hương	Giá vốn dịch vụ cho thuê	2422	296.997.083	
31/12/2025	001	31/12/2025			Kết chuyển giá vốn hàng bán	9111		2.433.208.010
					Cộng phát sinh trong kỳ		2.433.208.010	2.433.208.010
					Số dư cuối kỳ			

2.4.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**2.4.4.1. Nội dung**

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu là các khoản thu lãi từ ngân hàng.

2.4.4.2. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính

- Tài khoản 5154: Doanh thu từ lãi tiền gửi

2.4.3.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng

a) Chứng từ sử dụng:

Giấy báo có

b) Sổ sách sử dụng:

Sổ nhật ký chung

Sổ cái TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

Sổ chi tiết TK 5154: Doanh thu từ lãi tiền gửi

2.4.3.4. Quy trình ghi sổ

Căn cứ vào giấy báo có. Kế toán trưởng sẽ hạch toán lên phần mềm 3TSoft.



VIETCOMBANK HÀ TĨNH
Số 02, đường Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh
Mã số thuế / Tax code : 0100112437-018

CHỨNG TỪ GIAO DỊCH GIẤY BÁO CÓ - CREDIT ADVISE

Ngày / Date : 25/11/2025
Không phải hóa đơn GTTT
Số chứng từ / Doc No 251125.9701.2308949

Người ra lệnh (Orderer)		Người hưởng (Beneficiary)	
Họ tên / A/C Name	: DU CHI LAI TIEN GUI KKH	Họ tên / A/C Name	: CONG TY CP HUY HOANG HONG LINH
Số TK / A/C No	: VND02008270102994	Số TK / A/C No	: 0641008696969
Địa chỉ / Address	:	Địa chỉ / Address	: TDP 8 DAU LIEU, HONG LINH, HA TINH
MST / Số CMT / ID No	:	MST / Số CMT / ID No	: 3002032274
Ngày cấp / Issue Date	:	Ngày cấp / Issue Date	:
Nơi cấp / Issue Place	:	Nơi cấp / Issue Place	:
Tại ngân hàng / With Bank	: NH TMCP Ngoại thương Viet Nam - CN VCB HA TINH-TRU SO CN	Tại ngân hàng / With Bank	: NH TMCP Ngoại thương Viet Nam - CN VCB HA TINH-TRU SO CN
Số tiền nợ / Debit Amount	: 1.091,00	Số tiền có / Credit Amount	: 1.091,00
Loại tiền / Currency	: VND	Loại tiền / Currency	: VND
Bằng chữ / In Words	: Một nghìn không trăm chín mươi một đồng	Bằng chữ / In Words	: Một nghìn không trăm chín mươi một đồng
Số tiền phí / Fee	: 0,00	Loại tiền / Currency	:
Trong đó VAT / VAT	: 0,00	Loại tiền / Currency	:

Tỷ giá / Rate

Nội dung / Details : INTEREST PAYMENT

Ngân hàng gửi / Order Bank : NH TMCP Ngoại thương Viet Nam - CN VCB HA TINH-TRU SO CN

Ngân hàng nhận / Ben Bank : NH TMCP Ngoại thương Viet Nam - CN VCB HA TINH-TRU SO CN

Ngày in / Print Date : 21/04/2026

Xác nhận của ngân hàng / Bank's Confirmation :



Hình ảnh 2.19. Giấy báo có ngày 25/11/2025

Bước 1: Vào phần hành “Kế toán tiền mặt, tiền gửi” -> Chọn “Báo có” (**Đối chiếu phụ lục 10**)

Bước 2: Để thêm phiếu báo có bấm dấu “+” để nhập dữ liệu mới.

Báo có

Ngày chứng từ: 25/11/2025

Khoá: Sổ cái CHUNG

Số: Ghi lại và thoát (Ctrl+Enter)

Tiền tệ: VND 1

Bộ phận:

Hợp đồng:

Đối tượng: VCBHT Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam CN Bắc Hà Tĩnh

Ông bà: Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam CN Bắc Hà Tĩnh Địa chỉ: số 68 Trần Phú Thị xã Hồng Lĩnh Hà Tĩnh

Diễn giải (VN): Ngân hàng trả lãi

	P	S	Tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Diễn giải (VN)
▶ 1	N		1121VCB	1.091,00	1.091		Ngân hàng trả lãi
2	C		5154	1.091,00	1.091		Ngân hàng trả lãi

Chi phí không hợp lệ: Kèm theo: chứng từ gốc. Phát sinh nợ: 1.091,00 1.091

Doanh thu chưa hạch toán: Phát sinh có: 1.091,00 1.091

1121VCB - Ngân hàng VCB bắc Hà Tĩnh || Dư nợ: 1.712.961

Hình ảnh 2.20. Giao diện hạch toán báo có 25/11/2025

Cuối cùng, sau khi nhập xong đầy đủ thông tin. Kế toán bấm lưu, phần mềm sẽ tự cập nhập lên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 515, sổ cái TK 112, sổ chi tiết TK 5154, sổ chi tiết TK 1121.

- Thao tác xem sổ (đã trình bày ở trang 54)
- Sổ nhật ký chung (đã trình bày ở trang 55)

Sổ chi tiết TK 5154:**CÔNG TY CỔ PHẦN HUY HOÀNG HỒNG LĨNH**

Số 8, đường tránh QL1A, Tổ dân phố 8, Phường Đậu Liêu,
Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-
BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025</i>								
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Đối tượng		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng	Mã	Tên			Nợ	Có
25/01/2025	BC005	25/01/2025	VCBHT	Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam CN Bắc Hà Tỉnh	Trả lãi tiền gửi	1121VCB		330
31/01/2025	BC006	31/01/2025	VTBHING LINH	Ngân hàng TMCP công thương chi nhánh Hồng Lĩnh	Trả lãi tiền gửi	1121VTB		320
25/02/2025	BC013	25/02/2025	VCBHT	Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam CN Bắc Hà Tỉnh	Trả lãi tiền gửi	1121VCB		552
28/02/2025	BC014	28/02/2025	VTBHING LINH	Ngân hàng TMCP công thương chi nhánh Hồng Lĩnh	Trả lãi tiền gửi	1121VTB		263
25/03/2025	BC022	25/03/2025	VCBHT	Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam CN Bắc Hà Tỉnh	Trả lãi tiền gửi	1121VCB		617
31/03/2025	BC023	31/03/2025	VTBHING LINH	Ngân hàng TMCP công thương chi nhánh Hồng Lĩnh	Trả lãi tiền gửi	1121VTB		259
25/04/2025	BC029	25/04/2025	VCBHT	Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam CN Bắc Hà Tỉnh	Trả lãi tiền gửi	1121VCB		805
30/04/2025	BC030	30/04/2025	VTBHING LINH	Ngân hàng TMCP công thương chi nhánh Hồng Lĩnh	Trả lãi tiền gửi	1121VTB		182
25/05/2025	BC036	25/05/2025	VCBHT	Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam CN Bắc Hà Tỉnh	Trả lãi tiền gửi	1121VCB		1.512
31/05/2025	BC038	31/05/2025	VTBHING	Ngân hàng TMCP	Trả lãi tiền gửi	1121VTB		183

			LINH	công thương chi nhành Hồng Lĩnh				
25/06/2025	BC046	25/06/2025	VCBHT	Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam CN Bắc Hà Tỉnh	Trả lãi tiền gửi	1121VCB		2,293
30/06/2025	BC047	30/06/2025	VTBHING LINH	Ngân hàng TMCP công thương chi nhành Hồng Lĩnh	Trả lãi tiền gửi	1121VTB		223
25/07/2025	BC051	25/07/2025	VCBHT	Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam CN Bắc Hà Tỉnh	Trả lãi tiền gửi	1121VCB		297
31/07/2025	BC056	31/07/2025	VTBHING LINH	Ngân hàng TMCP công thương chi nhành Hồng Lĩnh	Trả lãi tiền gửi	1121VTB		241
25/08/2025	BC062	25/08/2025	VCBHT	Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam CN Bắc Hà Tỉnh	Trả lãi tiền gửi	1121VCB		1.880
31/08/2025	BC063	31/08/2025	VTBHING LINH	Ngân hàng TMCP công thương chi nhành Hồng Lĩnh	Trả lãi tiền gửi	1121VTB		229
25/09/2025	BC070	25/09/2025	VCBHT	Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam CN Bắc Hà Tỉnh	Trả lãi tiền gửi	1121VCB		2.005
30/09/2025	BC074	30/09/2025	VTBHING LINH	Ngân hàng TMCP công thương chi nhành Hồng Lĩnh	Trả lãi tiền gửi	1121VTB		215
25/10/2025	BC079	25/10/2025	VCBHT	Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam CN Bắc Hà Tỉnh	Trả lãi tiền gửi	1121VCB		3.496
31/10/2025	BC082	31/10/2025	VTBHING LINH	Ngân hàng TMCP công thương chi nhành Hồng Lĩnh	Trả lãi tiền gửi	1121VTB		208
25/11/2025	BC085	25/11/2025	VCBHT	Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam CN Bắc Hà Tỉnh	Trả lãi tiền gửi	1121VCB		1.091
30/11/2025	BC087	31/11/2025	VTBHING LINH	Ngân hàng TMCP công thương chi nhành Hồng Lĩnh	Trả lãi tiền gửi	1121VTB		190
31/12/2025	BC096	31/12/2025	VCBHT	Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt	Trả lãi tiền gửi	1121VCB		9.106

				Nam CN Bắc Hà Tỉnh				
31/12/2025	BC097	31/12/2025	VTBHING LINH	Ngân hàng TMCP công thương chi nhánh Hồng Lĩnh	Trả lãi tiền gửi	1121VTB		412
31/12/2025	001	31/12/2025			Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	9112	26.909	
					Cộng phát sinh trong kỳ		26.909	26.909
					Số dư cuối kỳ			

Sổ cái TK 515:**CÔNG TY CỔ PHẦN HUY HOÀNG HỒNG LĨNH**Số 8, đường tránh QL1A, Tổ dân phố 8, Phường Đậu Liêu,
Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh**Mẫu số S03a-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-
BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025</i>								
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Đối tượng		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng	Mã	Tên			Nợ	Có
25/01/2025	BC005	25/01/2025	VCBHT	Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam CN Bắc Hà Tỉnh	Trả lãi tiền gửi	1121VCB		330
31/01/2025	BC006	31/01/2025	VTBHING LINH	Ngân hàng TMCP công thương chi nhánh Hồng Lĩnh	Trả lãi tiền gửi	1121VTB		320
25/02/2025	BC013	25/02/2025	VCBHT	Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam CN Bắc Hà Tỉnh	Trả lãi tiền gửi	1121VCB		552
28/02/2025	BC014	28/02/2025	VTBHING LINH	Ngân hàng TMCP công thương chi nhánh Hồng Lĩnh	Trả lãi tiền gửi	1121VTB		263
25/03/2025	BC022	25/03/2025	VCBHT	Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam CN Bắc Hà Tỉnh	Trả lãi tiền gửi	1121VCB		617
31/03/2025	BC023	31/03/2025	VTBHING LINH	Ngân hàng TMCP công thương chi nhánh Hồng Lĩnh	Trả lãi tiền gửi	1121VTB		259
25/04/2025	BC029	25/04/2025	VCBHT	Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam CN Bắc Hà Tỉnh	Trả lãi tiền gửi	1121VCB		805
30/04/2025	BC030	30/04/2025	VTBHING LINH	Ngân hàng TMCP công thương chi nhánh Hồng Lĩnh	Trả lãi tiền gửi	1121VTB		182
25/05/2025	BC036	25/05/2025	VCBHT	Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam CN Bắc Hà Tỉnh	Trả lãi tiền gửi	1121VCB		1.512
31/05/2025	BC038	31/05/2025	VTBHING	Ngân hàng TMCP	Trả lãi tiền gửi	1121VTB		183

			LINH	công thương chi nhánh Hồng Lĩnh				
25/06/2025	BC046	25/06/2025	VCBHT	Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam CN Bắc Hà Tỉnh	Trả lãi tiền gửi	1121VCB		2,293
30/06/2025	BC047	30/06/2025	VTBHING LINH	Ngân hàng TMCP công thương chi nhánh Hồng Lĩnh	Trả lãi tiền gửi	1121VTB		223
25/07/2025	BC051	25/07/2025	VCBHT	Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam CN Bắc Hà Tỉnh	Trả lãi tiền gửi	1121VCB		297
31/07/2025	BC056	31/07/2025	VTBHING LINH	Ngân hàng TMCP công thương chi nhánh Hồng Lĩnh	Trả lãi tiền gửi	1121VTB		241
25/08/2025	BC062	25/08/2025	VCBHT	Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam CN Bắc Hà Tỉnh	Trả lãi tiền gửi	1121VCB		1.880
31/08/2025	BC063	31/08/2025	VTBHING LINH	Ngân hàng TMCP công thương chi nhánh Hồng Lĩnh	Trả lãi tiền gửi	1121VTB		229
25/09/2025	BC070	25/09/2025	VCBHT	Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam CN Bắc Hà Tỉnh	Trả lãi tiền gửi	1121VCB		2.005
30/09/2025	BC074	30/09/2025	VTBHING LINH	Ngân hàng TMCP công thương chi nhánh Hồng Lĩnh	Trả lãi tiền gửi	1121VTB		215
25/10/2025	BC079	25/10/2025	VCBHT	Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam CN Bắc Hà Tỉnh	Trả lãi tiền gửi	1121VCB		3.496
31/10/2025	BC082	31/10/2025	VTBHING LINH	Ngân hàng TMCP công thương chi nhánh Hồng Lĩnh	Trả lãi tiền gửi	1121VTB		208
25/11/2025	BC085	25/11/2025	VCBHT	Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam CN Bắc Hà Tỉnh	Trả lãi tiền gửi	1121VCB		1.091
30/11/2025	BC087	31/11/2025	VTBHING LINH	Ngân hàng TMCP công thương chi nhánh Hồng Lĩnh	Trả lãi tiền gửi	1121VTB		190
31/12/2025	BC096	31/12/2025	VCBHT	Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt	Trả lãi tiền gửi	1121VCB		9.106

				Nam CN Bắc Hà Tỉnh				
31/12/2025	BC097	31/12/2025	VTBHING LINH	Ngân hàng TMCP công thương chi nhánh Hồng Lĩnh	Trả lãi tiền gửi	1121VTB		412
31/12/2025	001	31/12/2025			Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	9112	26.909	
					Cộng phát sinh trong kỳ		26.909	26.909
					Số dư cuối kỳ			

2.4.5. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Tài khoản sử dụng: TK 635 – “chi phí hoạt động tài chính”

Trong năm 2025, Công ty không phát sinh bất kỳ nghiệp vụ nào liên quan đến các khoản chi phí hoạt động tài chính.

2.4.6. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

2.4.6.1. Nội dung

Năm 2025, công ty chỉ phát sinh chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.4.6.2 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 642 “ Chi phí quản lý kinh doanh”.

Tài khoản cấp 2 là tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tài khoản 6422 có các loại tài khoản cấp 3:

- Tài khoản 64221: Chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý..
- Tài khoản 64224: Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 64225: Chi phí liên quan đến phí và lệ phí.
- Tài khoản 64227: Chi phí dịch vụ mua ngoài

2.4.6.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng

a) Chứng từ sử dụng:

- Bảng chấm công, bảng lương
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Giấy báo nợ
- Bảng chi tiết phân bổ khấu hao tài sản

b) Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh
- Sổ chi tiết TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Sổ chi tiết TK 64221: Chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý.
- Sổ chi tiết TK 64224: Chi phí khấu hao TSCĐ.

- Sổ chi tiết TK 64225: Chi phí liên quan đến phí và lệ phí.
- Sổ chi tiết TK 64227: Chi phí dịch vụ mua ngoài.

2.4.6.4. Quy trình ghi sổ

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý. Căn cứ vào bảng tính lương tháng 08 để nhập liệu chi phí lương quản lý

Ngày 30/09/2025, căn cứ bảng thanh toán tiền lương tháng 09/2025, kế toán ghi nhận chi phí tiền lương phải trả cho người lao động như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN HUY HOÀNG HỒNG LĨNH										
BẢNG LƯƠNG										
Tháng 09 năm 2025										
Bộ phận: Văn phòng										
STT	Họ tên	Công nhận		Phụ cấp (ăn trưa)		Tổng thu nhập	BHXH NLD đóng	Công ty trả thay BHXH NLD	BHXH công ty đóng	Ký nhận
		Công	Tiền	Công	Tiền					
1	Hồ Thị Tân	25	3.500.000	25	1.250.000	4.750.000	367.5000	367.5000	752.500	4.750.000
2	Trần Thị Huế	25	6.000.000	25	1.250.000	7.250.000	630.000	630.000	1.290.000	7.250.000
						-				
	Tổng cộng	50	9.500.000	50	2.500.000	12.000.000	997.500	997.500	2.042.500	12.000.000
Người lập						Kế toán trưởng		Giám đốc		

Phiếu kế toán

Ngày chứng từ: 30/09/2025

Khoá: Sổ cái CHUNG

Số: PK09.08 Tiền tệ: VND 1

Đối tượng: HUONGVT Vũ Thị Hương

Ông bà: Vũ Thị Hương Địa chỉ: A, Tổ dân phố 8, Phường Đầu Liêu, Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh

Diễn giải (VN): Vũ Thị Hương hạch toán lương T09.2025

	P	S	Tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Khoản mục	Sản phẩm	Diễn giải (VN)
▶ 1	N		64221	12.000.000,00	12.000.000				Vũ Thị Hương hạch toán lương T09....
2	C		3341	9.500.000,00	9.500.000				Vũ Thị Hương hạch toán lương T09....
3	C		1411	2.500.000,00	2.500.000	HUONGVT			Vũ Thị Hương hạch toán lương T09....

Chi phí không hợp lệ: Kèm theo chứng từ gốc. Phát sinh nợ: 12.000.000,00 12.000.000

Doanh thu chưa hạch toán: Phát sinh có: 12.000.000,00 12.000.000

64221 - Chi phí nhân viên quản lý || Dư nợ: 156.007.197

Hình ảnh: 2.21. Giao diện hạch toán lương tháng 09

Cuối cùng, sau khi nhập xong đầy đủ thông tin. Kế toán bấm lưu, phần mềm sẽ tự cập nhập lên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 642, sổ cái TK 334, sổ cái TK 141, sổ chi tiết TK 64221, sổ chi tiết TK 3341, sổ chi tiết TK 1411.

Trích đóng BHXH tháng 9:

Phiếu kế toán

Ngày chứng từ: 30/09/2025

Khoá: Sổ cái CHUNG

Số: PK09.10 Tiền tệ: VND 1

Đối tượng: HUONGVT Vũ Thị Hương

Ông bà: Vũ Thị Hương Địa chỉ: A, Tổ dân phố 8, Phường Đầu Liêu, Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh

Diễn giải (VN): Trích bảo hiểm xã hội tháng 09.2025

	P	S	Tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Khoản mục	Sản phẩm	Diễn giải (VN)
▶ 1	N		64221	3.040.000,00	3.040.000				Trích bảo hiểm xã hội tháng 09.2025
2	C		3383	2.375.000,00	2.375.000				Trích bảo hiểm xã hội tháng 09.2025
3	C		3384	427.500,00	427.500				Trích bảo hiểm xã hội tháng 09.2025
4	C		3385	190.000,00	190.000				Trích bảo hiểm xã hội tháng 09.2025
5	C		3389	47.500,00	47.500				Trích bảo hiểm xã hội tháng 09.2025

Chi phí không hợp lệ: Kèm theo chứng từ gốc. Phát sinh nợ: 3.040.000,00 3.040.000

Doanh thu chưa hạch toán: Phát sinh có: 3.040.000,00 3.040.000

64221 - Chi phí nhân viên quản lý || Dư nợ: 164.967.197

Hình ảnh: 2.22. Giao diện trích đóng BHXH tháng 09

Cuối cùng, sau khi nhập xong đầy đủ thông tin. Kế toán bấm lưu, phần mềm sẽ tự cập nhập lên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 642, sổ cái TK 338, sổ chi tiết TK 64221, sổ chi tiết TK 3383, sổ chi tiết TK 3384, sổ chi tiết TK 3385, sổ chi tiết TK 3389.

Ngày 30/09/2025, căn cứ bảng TT Tiền thù lao tháng 09/2025, kế toán ghi nhận chi phí phải trả như sau (**Đối chiếu bảng TT Thù lao phụ lục 12**)

Hoàn ứng chi phí tiền ăn:

Phiếu kế toán

Ngày chứng từ: 30/09/2025

Khoá: SỔ CÁI CHUNG

Số: PK09.12 Tiền tệ: VND 1

Đối tượng: HUONGVT Vũ Thị Hương

Ông bà: Vũ Thị Hương Địa chỉ: A, Tổ dân phố 8, Phường Đầu Liêu, Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh

Diễn giải (VN): Hoàn ứng chi trả tiền ăn tháng 09.2025

	P	S	Tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Khoản mục	Sản phẩm	Diễn giải (VN)
► 1	N	64221		250.000,00	250.000				Hoàn ứng chi trả tiền ăn tháng 09.2...
2	C	1411		250.000,00	250.000	HUONGVT			Hoàn ứng chi trả tiền ăn tháng 09.2...

Chi phí không hợp lệ: Doanh thu chưa hạch toán

Kèm theo: chứng từ gốc.

Phát sinh nợ: 250.000,00 250.000

Phát sinh có: 250.000,00 250.000

64221 - Chi phí nhân viên quản lý || Dư nợ: 167.757.197

Hình ảnh: 2.23. Giao diện hoàn ứng tiền ăn tháng 09

Cuối cùng, sau khi nhập xong đầy đủ thông tin. Kế toán bấm lưu, phần mềm sẽ tự cập nhập lên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 642, sổ cái TK 141, sổ chi tiết TK 64221, sổ chi tiết TK 1411.

Hoàn ứng chi trả thù lao tháng 9:

Phiếu kế toán

Ngày chứng từ: 30/09/2025

Khoá: Sổ cái CHUNG

Số: PK09.16

Đối tượng: HUONGVT Vũ Thị Hương

Ông bà: Vũ Thị Hương

Địa chỉ: A, Tổ dân phố 8, Phường Đậu Liêu, Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh

Diễn giải (VN): Hoàn ứng chi trả thù lao tháng 09.2025

	P	S	Tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Khoản mục	Sản phẩm	Diễn giải (VN)
▶ 1	N	64221		1.950.000,00	1.950.000				Hoàn ứng chi trả thù lao tháng 09.2...
2	C	1411		1.950.000,00	1.950.000	HUONGVT			Hoàn ứng chi trả thù lao tháng 09.2...

Chi phí không hợp lệ:

Doanh thu chưa hạch toán:

Kèm theo: chứng từ gốc.

Phát sinh nợ: 1.950.000,00 1.950.000

Phát sinh có: 1.950.000,00 1.950.000

64221 - Chi phí nhân viên quản lý || Dư nợ: 166.057.197

Hình ảnh: 2.24. Giao diện trả thù lao tháng 09

Cuối cùng, sau khi nhập xong đầy đủ thông tin. Kế toán bấm lưu, phần mềm sẽ tự cập nhập lên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 642, sổ cái TK 141, sổ chi tiết TK 64221, sổ chi tiết TK 1411.

Bảng tính khấu hao tài sản:

CÔNG TY CỔ PHẦN HUY HOÀNG HỒNG LĨNH										
Số 8, đường tránh QL1A, Tổ dân phố 8, Phường Đâu Liêu, Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh										
BẢNG TÍNH KHẤU HAO TÀI SẢN										
Từ ngày 01/09/2025 đến ngày 30/09/2025										
Tài sản		Ngày Khấu hao	Đầu kỳ			Số tháng khấu hao	Khấu hao trong kỳ	Cuối kỳ		
Mã	Tên		Nguyên giá	Khấu hao	Còn lại			Nguyên giá	Khấu hao	Còn lại
TS10 0	Tài sản cố định hữu hình xưởng gạch không nung		6.960.070.273	1.204.736.396	5.755.333.877		43.395.910	6.960.070.273	1.248.132.306	5.711.937.967
TS10 1	Nhà cửa, vật kiến trúc		5.395.070.273	878.694.716	4.516.375.557		27.093.826	5.395.070.273	905.788.542	4.489.281.731
TS001	Nhà xưởng sản xuất gạch	01/01/2024	3.322.343.000	369.149.240	2.953.193.760	180	18.457.462	3.322.343.000	387.606.702	2.934.736.298
TS025	Nhà văn phòng	01/10/2020	2.072.727.273	509.545.476	1.563.181.797	240	8.636.364	2.072.727.273	518.181.840	1.554.545.433
TS10 2	Máy móc, thiết bị		1.565.000.000	326.041.680	1.238.958.320		16.302.084	1.565.000.000	342.343.764	1.222.656.236
TS002	Xe nâng chuyên dụng HL35 HALIN	01/01/2024	735.000.000	153.125.000	581.875.000	96	7.656.250	735.000.000	160.781.250	574.218.750
TS003	Máy xúc lật gầu 1m3	01/01/2024	380.000.000	79.166.680	300.833.320	96	3.958.334	380.000.000	83.125.014	296.874.986
TS004	Xe nâng ba lết PC03	01/01/2024	450.000.000	93.750.000	356.250.000	96	4.687.500	450.000.000	98.437.500	351.562.500
	Tổng cộng		6.960.070.273	1.204.736.396	5.755.333.877		43.395.910	6.960.070.273	1.248.132.306	5.711.937.967

Cuối tháng kế toán tiến hành tính khấu hao tài sản - Chọn tính khấu hao (**Đối chiếu phụ lục 13**)

Chọn tháng cần tính khấu hao – Chọn “tính khấu hao”, sau đó chọn “lập chứng từ”

Phiếu phân bổ khấu hao tài sản, công cụ

Ngày chứng từ: 30/09/2025

Khoá: Sổ cái CHUNG

Số: KH2025T09 Tiền tệ: VND 1

Bộ phận:
Hợp đồng:
Đối tượng: HUETT Trần Thị Huế
Ông bà: Trần Thị Huế Địa chỉ: yển Biên, Tổ 3 Phường Nam Hồng, Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh
Diễn giải (VN): Trích khấu hao T09.2025

	P	S	Tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Khoản mục	Sản phẩm	Diễn giải (VN)
▶ 1	N	1543	34.759.546,00	34.759.546					Trích khấu hao T09.2025
2	C	2141	34.759.546,00	34.759.546					Trích khấu hao T09.2025
3	N	64224	8.636.364,00	8.636.364		08			Trích khấu hao T09.2025
4	C	2141	8.636.364,00	8.636.364					Trích khấu hao T09.2025

Chi phí không hợp lệ:
Doanh thu chưa hạch toán:
Kèm theo: chứng từ gốc.
Phát sinh nợ: 43.395.910,00 43.395.910
Phát sinh có: 43.395.910,00 43.395.910

1543 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chi phí máy cho thuê || Dư nợ: 9.978.143.553

Hình ảnh: 2.25. Giao diện trích khấu hao tháng 09

Cuối cùng, sau khi nhập xong đầy đủ thông tin. Kế toán bấm lưu, phần mềm sẽ tự cập nhập lên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 154, sổ cái TK 214, sổ cái TK 642, sổ chi tiết TK 64224, sổ chi tiết TK 2141, sổ chi tiết TK 1543

- Các khoản phí: phí dịch vụ Internet Banking, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và các khoản chi phí liên quan khác.

GIẤY BẢO NỢ
Debit Advice

Số giao dịch	:139		
Transaction number			
Ngày thực hiện	:23-09-2025 04:03:32		
Transaction date			
Tên người chuyển	:CONG TY CO PHAN HUY HOANG HONG LINH		
Applicant name			
Số tài khoản	:117002981221		
From account number			
Tại Ngân hàng	:43032 - CN HA TINH - PGD HONG LINH		
With Bank			
Người thụ hưởng			
Beneficiary			
Số tài khoản	:		
To account number			
Tại Ngân hàng			
With Bank			
Số tiền bằng số	:35,000	Loại tiền	:VND
Amount in figures		Currency	
Số tiền bằng chữ	:Ba mươi lăm nghìn đồng chẵn.		
Amount in words			
Nội dung	:Thu phí duy trì dịch vụ IB 09/2025		
Remarks			
Kênh chuyển tiền	In từ dịch vụ VietinBank eFAST	:22/05/2026 15:14:16	
Channel	Date Printed		

Lập bảng
Maker

Kiểm soát viên
Supervisor

Bảo nợ

Ngày chứng từ

23/09/2025

Khoá

Sổ cái

CHUNG

Số

BN009

Tiền tệ

VND

Bộ phận

Hợp đồng

Đối tượng

VTBHNGLINH

Ngân hàng TMCP công thương chi nhánh Hồng Lĩnh

Ông bà

Ngân hàng TMCP công thương chi nhánh Hồng Lĩnh

Địa chỉ

Số 221 Trần Phú, TX Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh

Diễn giải (VN)

Thu phí dịch vụ B

	P S	Tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Khoản mục	Sản phẩm	Diễn giải (VN)
▶ 1	N	64225	35.000,00	35.000				Thu phí dịch vụ B
2	N	1331	3.500,00	3.500				Thu phí dịch vụ B
3	C	1121VTB	38.500,00	38.500				Thu phí dịch vụ B

Chi phí không hợp lệ

Kèm theo

chứng từ gốc.

Phát sinh nợ

38.500,00

38.500

Phát sinh có

38.500,00

38.500

i

64225 - Thuế, phí và lệ phí | Dư nợ: 72.434.949

Cuối cùng, sau khi nhập xong đầy đủ thông tin. Kế toán bấm lưu, phần mềm sẽ tự cập nhập lên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 642, sổ cái TK 133, sổ cái TK 112, sổ chi tiết TK 6422, sổ chi tiết TK 1121.



VIETCOMBANK HÀ TĨNH
Số 02, đường Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh
Mã số thuế / Tax code : 0100112437-018

CHỨNG TỪ GIAO DỊCH
GIẤY BẢO NỢ - DEBIT ADVICE

Ngày / Date : 23/06/2025
Không phải hóa đơn GTT
Số chứng từ / Doc No 230625.5056.83483

Người ra lệnh (Orderer)				Người hưởng (Beneficiary)			
Họ tên / A/C Name : CÔNG TY CP HUY HOANG HONG LINH				Họ tên / A/C Name : PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 2-KBNN KHU VỰC XI			
Số TK / A/C No : 0641008696969				Số TK / A/C No : 0201000000567			
Địa chỉ / Address : TDP 8 DAU LIEU, HONG LINH, HA TINH				Địa chỉ / Address : PHUONG NAM HONG - TX HONG LINH - HA TINH			
MST / Số CMT / ID No : 3002032274				MST / Số CMT / ID No :			
Ngày cấp / Issue Date :				Ngày cấp / Issue Date : 05/03/2025			
Nơi cấp / Issue Place :				Nơi cấp / Issue Place :			
Tại ngân hàng / With Bank : NH TMCP Ngoại thương Viet Nam - CN VCB HA TINH-TRU SO CN				Tại ngân hàng / With Bank : NH TMCP Ngoại thương Viet Nam - CN VCB HA TINH-TRU SO CN			
Số tiền nợ / Debit Amount : 3.376.000,00				Số tiền có / Credit Amount : 3.376.000,00			
Loại tiền / Currency : VND				Loại tiền / Currency : VND			
Bằng chữ / In Words : Ba triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng				Bằng chữ / In Words : Ba triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng			
Số tiền phí / Fee : 0,00 Loại tiền / Currency : VND							
Trong đó VAT / VAT : 0,00 Loại tiền / Currency : VND							
Tỷ giá / Rate :							
Nội dung / Details : IBVCB.2306250822088002.CÔNG TY CP HUY HOANG HONG LINH;MS3002032274;TK7111;CQ1055825;QD;Ch754;TM1603;Ky052025;ST3376000;23062025							
Ngân hàng gửi / Order Bank : NH TMCP Ngoại thương Viet Nam - CN VCB HA TINH-TRU SO CN							
Ngân hàng nhận / Ben Bank : NH TMCP Ngoại thương Viet Nam - CN VCB HA TINH-TRU SO CN							
Ngày in / Print Date : 19/04/2026							

Xác nhận của ngân hàng / Bank's Confirmation :

✓ Signature Valid

ĐƯỢC KÝ BỞI: NGÂN HÀNG TMCP
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM -
CHI NHANH HÀ TĨNH
Ngày ký: 19/04/2026

Phiếu kế toán
— □ ×

Ngày chứng từ: 30/06/2025

Số: PK06.07

Đối tượng: HUETT Trần Thị Huế

Ông bà: Trần Thị Huế

Diễn giải (VN): Hạch toán chi phí thuế đất phi nông nghiệp năm 2025

Tiền tệ: VND 1

Khoá Sổ cái CHUNG

	P S	Tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Khoản mục	Sản phẩm	Diễn giải (VN)
▶ 1	N	64225	3.376.000,00	3.376.000				Hạch toán chi phí thuế đất phi nông ...
2	C	3337	3.376.000,00	3.376.000				Hạch toán chi phí thuế đất phi nông ...

Chi phí không hợp lệ:

Doanh thu chưa hạch toán:

Kèm theo chứng từ gốc.

Phát sinh nợ: 3.376.000,00 3.376.000

Phát sinh có: 3.376.000,00 3.376.000

❗ 64225 - Thuế, phí và lệ phí || Dư nợ: 68.981.949

Hình ảnh: 2.27 Báo nợ và giao diện hạch toán chi phí thuế ngày 30/09/2025

Cuối cùng, sau khi nhập xong đầy đủ thông tin. Kế toán bấm lưu, phần mềm sẽ tự cập nhập lên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 642, sổ cái TK 333, sổ chi tiết TK 64225, sổ chi tiết TK 3337.

Trong kỳ, doanh nghiệp phát sinh các khoản chi phí phục vụ hoạt động quản lý doanh nghiệp và các chi phí quản lý liên quan khác do nhân viên tạm ứng thanh toán trước. Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ hợp lệ, kế toán thực hiện bút toán hoàn ứng nhằm ghi nhận đầy đủ, chính xác các khoản chi phí phát sinh trong kỳ theo đúng quy định kế toán hiện hành.

Phiếu kế toán

Ngày chứng từ: 30/09/2025

Số: PK09.13

Đối tượng: HUONGVT

Ông bà: Vũ Thị Hương

Địa chỉ: A, Tổ dân phố 8, Phường Đầu Liêu, Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh

Diễn giải (VN): Hoàn ứng chi phí quản lý tháng 09.2025

	P	S	Tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Khoản mục	Sản phẩm	Diễn giải (VN)
1	N		64227	2.456.638,00	2.456.638				Hoàn ứng chi phí quản lý tháng 09.2...
2	N		1331	203.976,00	203.976				Hoàn ứng chi phí quản lý tháng 09.2...
3	C		1411	2.660.614,00	2.660.614	HUONGVT			Hoàn ứng chi phí quản lý tháng 09.2...

Chi phí không hợp lệ:

Doanh thu chưa hạch toán:

Kèm theo: chứng từ gốc.

Phát sinh nợ: 2.660.614,00

Phát sinh có: 2.660.614

64227 - Chi phí dịch vụ mua ngoài || Dư nợ: 96.437.174

Hình ảnh 2.28. Giao diện hoàn ứng chi phí quản lý 30/09/2025

Cuối cùng, sau khi nhập xong đầy đủ thông tin. Kế toán bấm lưu, phần mềm sẽ tự cập nhập lên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 642, sổ cái TK 133, sổ cái TK 141, sổ chi tiết TK 64227, sổ chi tiết TK 1331, sổ chi tiết TK 1411.

Chi phí điện sử dụng trong tháng phục vụ hoạt động quản lý doanh nghiệp được ghi nhận vào tài khoản 64227 theo đúng quy định kế toán hiện hành.

Phiếu kế toán

Ngày chứng từ: 02/10/2025

Khoá: Sổ cái CHUNG

Số: PK10.01 Tiền tệ: VND 1

Đối tượng: DIENLUCHL Điện lực Thị xã Hồng Lĩnh

Ông bà: Điện lực Thị xã Hồng Lĩnh Địa chỉ: Số 54 Trần Phú Thị xã Hồng Lĩnh Hà Tĩnh

Diễn giải (VN): Mua hàng Điện lực Thị xã Hồng Lĩnh

	P	S	Tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Khoản mục	Sản phẩm	Diễn giải (VN)
▶ 1	N	1543		25.925.965,00	25.925.965				Mua hàng Điện lực Thị xã Hồng Lĩnh
2	N	1331		2.334.725,00	2.334.725				Mua hàng Điện lực Thị xã Hồng Lĩnh
3	N	64227		3.258.101,00	3.258.101				Mua hàng Điện lực Thị xã Hồng Lĩnh
4	C	331		31.518.791,00	31.518.791	DIENLUCHL			Mua hàng Điện lực Thị xã Hồng Lĩnh

Chi phí không hợp lệ: Doanh thu chưa hạch toán: Kèm theo chứng từ gốc: Phát sinh nợ: 31.518.791,00 31.518.791 Phát sinh có: 31.518.791,00 31.518.791

1543 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chi phí máy cho thuê || Dư nợ: 10.012.903.099

Hình ảnh 2.29. Giao diện hạch toán chi phí điện 02/10/2025

- Thao tác xem sổ (Đã trình bày ở trang 54)
- Sổ nhật ký chung (Đã trình bày ở trang 55)

Sổ chi tiết TK 64221

CÔNG TY CỔ PHẦN HUY HOÀNG HỒNG LĨNH

Số 8, đường tránh QL1A, Tổ dân phố 8, Phường Đậu Liêu, Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025								
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Đối tượng		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng	Mã	Tên			Nợ	Có
.....								
30/09/2025	PK09.08	30/09/2025	HUONGVT	Vũ Thị Hương	Vũ Thị Hương hạch toán lương T09.2025	1411	2.500.000	
30/09/2025	PK09.08	30/09/2025	HUONGVT	Vũ Thị Hương	Vũ Thị Hương hạch toán lương T09.2025	3341	9.500.000	

30/09/2025	PK09.10	30/09/2025	HUONGVT	Vũ Thị Hương	Trích bảo hiểm xã hội tháng 09.2025	3383	2.375.000	
30/09/2025	PK09.10	30/09/2025	HUONGVT	Vũ Thị Hương	Trích bảo hiểm xã hội tháng 09.2025	3384	427.500	
30/09/2025	PK09.10	30/09/2025	HUONGVT	Vũ Thị Hương	Trích bảo hiểm xã hội tháng 09.2025	3385	190.000	
30/09/2025	PK09.10	30/09/2025	HUONGVT	Vũ Thị Hương	Trích bảo hiểm xã hội tháng 09.2025	3389	47.5000	...
30/09/2025	PK09.12	30/09/2025	HUONGVT	Vũ Thị Hương	Hoàn ứng chi trả tiền ăn tháng 09.2025	1411	250.000	
30/09/2025	PK09.16	30/09/2025	HUONGVT	Vũ Thị Hương	Hoàn ứng chi trả thù lao tháng 09.2025	1411	1.950.000	
.....								
31/12/2025	001	31/12/2025			Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	9111		228.808.249
					Cộng phát sinh trong kỳ		228.808.249	228.808.249
					Số dư cuối kỳ			

Sổ chi tiết TK 64224**CÔNG TY CỔ PHẦN HUY HOÀNG HỒNG LĨNH**Số 8, đường tránh QL1A, Tổ dân phố 8, Phường Đâu Liêu, Thị xã
Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh**Mẫu số S03a-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-
BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025</i>								
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Đối tượng		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng	Mã	Tên			Nợ	Có
31/1/2025	KH2025 T01	31/1/2025	HUETT	Trần Thị Huế	Trích khấu hao T01.2025	2141	8.636.364	
28/2/2025	KH2025 T02	28/2/2025	HUETT	Trần Thị Huế	Trích khấu hao T02.2025	2141	8.636.364	
31/3/2025	KH2025 T03	31/3/2025	HUETT	Trần Thị Huế	Trích khấu hao T03.2025	2141	8.636.364	
30/4/2025	KH2025 T04	30/4/2025	HUETT	Trần Thị Huế	Trích khấu hao T04.2025	2141	8.636.364	
31/5/2025	KH2025 T05	31/5/2025	HUETT	Trần Thị Huế	Trích khấu hao T05.2025	2141	8.636.364	
30/6/2025	KH2025 T06	30/6/2025	HUETT	Trần Thị Huế	Trích khấu hao T06.2025	2141	8.636.364	
31/7/2025	KH2025 T07	31/7/2025	HUETT	Trần Thị Huế	Trích khấu hao T07.2025	2141	8.636.364	
31/8/2025	KH2025 T08	31/8/2025	HUETT	Trần Thị Huế	Trích khấu hao T08.2025	2141	8.636.364	
30/9/2025	KH2025 T09	30/9/2025	HUETT	Trần Thị Huế	Trích khấu hao T09.2025	2141	8.636.364	
31/10/2025	KH2025 T10	31/10/2025	HUETT	Trần Thị Huế	Trích khấu hao T10.2025	2141	8.636.364	
30/11/2025	KH2025 T11	30/11/2025	HUETT	Trần Thị Huế	Trích khấu hao T11.2025	2141	8.636.364	
31/12/2025	KH2025 T12	31/12/2025	HUETT	Trần Thị Huế	Trích khấu hao T12.2025	2141	8.636.364	
31/12/2025	001	31/12/2025			Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	9111		103.636.368
					Cộng phát sinh trong kỳ		103.636.368	103.636.368
					Số dư cuối kỳ			

Sổ chi tiết TK 64225**CÔNG TY CỔ PHẦN HUY HOÀNG HỒNG LĨNH**

Số 8, đường tránh QL1A, Tổ dân phố 8, Phường Đậu Liêu, Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025</i>								
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Đối tượng		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng	Mã	Tên			Nợ	Có
.....								
23/1/2025	BN011	23/1/2025	VTBHINGL INH	Ngân hàng TMCP công thương chi nhánh Hồng Lĩnh	Thu phí dịch vụ IB	1121V TB	35.000.000	
.....								
23/3/2025	BN027	23/3/2025	VTBHINGL INH	Ngân hàng TMCP công thương chi nhánh Hồng Lĩnh	Thu phí dịch vụ IB	1121V TB	35.000.000	
.....								
23/9/2025	BN065	23/9/2025	VTBHING LINH	Ngân hàng TMCP công thương chi nhánh Hồng Lĩnh	Thu phí dịch vụ IB	1121V TB	35.000.000	
.....								
31/12/2025	001	31/12/2025			Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	9111		12.587.902
.....								
					Cộng phát sinh trong kỳ		122.618.116	122.618.116
					Số dư cuối kỳ			

Sổ chi tiết TK 64227**CÔNG TY CỔ PHẦN HUY HOÀNG HỒNG LĨNH**Số 8, đường tránh QL1A, Tổ dân phố 8, Phường Đâu Liêu, Thị xã
Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh**Mẫu số S03a-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-
BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025</i>								
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Đối tượng		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng	Mã	Tên			Nợ	Có
.....								
3/3/2025	PK03.02	3/3/2025	DIENLUCHL	Điện lực Thị xã Hồng Lĩnh	Mua hàng Điện lực Thị xã Hồng Lĩnh	331	5.890.324	
31/3/2025	PK03.09	31/3/2025	HUONGVT	Vũ Thị Hương	Hoàn ứng chi phí quản lý tháng 03.2025	1411	16.236.940	
.....								
30/9/2025	PK09.13	30/9/2025	HUONGVT	Vũ Thị Hương	Hoàn ứng chi phí quản lý tháng 09.2025	1411	2.456.638	
2/10/2025	PK10.01	2/10/2025	DIENLUCHL	Điện lực Thị xã Hồng Lĩnh	Mua hàng Điện lực Thị xã Hồng Lĩnh	331	3.258.101	
.....								
31/12/2025	001	31/12/2025			Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	9111		109.727.424
					Cộng phát sinh trong kỳ		109.727.424	109.727.424
					Số dư cuối kỳ			

Sổ cái TK 642:**CÔNG TY CỔ PHẦN HUY HOÀNG HỒNG LĨNH**Số 8, đường tránh QL1A, Tổ dân phố 8, Phường Đâu Liêu, Thị xã
Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh**Mẫu số S03a-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-
BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN***Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025*

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Đối tượng		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng	Mã	Tên			Nợ	Có
.....								
30/9/2025	KH2025 T09	30/9/2025	HUETT	Trần Thị Huế	Trích khấu hao T09.2025	2141	8.636.364	
30/9/2025	PK09.08	30/9/2025	HUONGVT	Vũ Thị Hương	Vũ Thị Hương hạch toán lương T09.2025	1411	2.500.000	
30/9/2025	PK09.08	30/9/2025	HUONGVT	Vũ Thị Hương	Vũ Thị Hương hạch toán lương T09.2025	3341	9.500.000	
30/9/2025	PK09.10	30/9/2025	HUONGVT	Vũ Thị Hương	Trích bảo hiểm xã hội tháng 09.2025	3383	2.375.000	
30/9/2025	PK09.10	30/9/2025	HUONGVT	Vũ Thị Hương	Trích bảo hiểm xã hội tháng 09.2025	3384	427.500	
30/9/2025	PK09.10	30/9/2025	HUONGVT	Vũ Thị Hương	Trích bảo hiểm xã hội tháng 09.2025	3385	190.000	
30/9/2025	PK09.10	30/9/2025	HUONGVT	Vũ Thị Hương	Trích bảo hiểm xã hội tháng 09.2025	3389	47.500	
30/9/2025	PK09.12	30/9/2025	HUONGVT	Vũ Thị Hương	Hoàn ứng chi trả tiền ăn tháng 09.2025	1411	250.000	
30/9/2025	PK09.13	30/9/2025	HUONGVT	Vũ Thị Hương	Hoàn ứng chi phí quản lý tháng 09.2025	1411	2.456.638	
30/9/2025	PK09.16	30/9/2025	HUONGVT	Vũ Thị Hương	Hoàn ứng chi trả thù lao tháng 09.2025	1411	1.950.000	
30/9/2025	PK09.17	30/9/2025	HUONGVT	Vũ Thị Hương	Hoàn ứng chi trả quà ngày lễ quốc khánh 02.09.25	1411	3000.000	

2/10/2025	PK10.01	2/10/2025	DIENLUCH L	Điện lực Thị xã Hồng Lĩnh	Mua hàng Điện lực Thị xã Hồng Lĩnh	331	3.258.101	
.....								
31/12/2025	001	31/12/2025			Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	9111		564.759.943
.....								
					Cộng phát sinh trong kỳ		564.790.157	564.790.157
					Số dư cuối kỳ			

2.4.7. Kế toán thu nhập khác

2.4.7.1. Nội dung

Trong năm 2025, Công ty Huy Hoàng Hồng Lĩnh đã phát sinh khoản thu nhập khác, chủ yếu từ hoạt động thanh lý tài sản và hạch toán số lẻ.

2.4.7.2 Tài khoản sử dụng

- Tài khoản sử dụng : Tài khoản 711 – Thu nhập khác.
- Tài khoản cấp 2 là Tài khoản 7111: Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định
- Tài khoản cấp 2 là Tài khoản 7118: Hạch toán số lẻ

2.4.7.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng

a) Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo có
- Hợp đồng mua bán tài sản
- Biên bản thanh lý tài sản
- Biên bản giao nhận TSCĐ

b) Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 711: Thu nhập khác.
- Sổ chi tiết tài khoản 7111: Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

- Sổ chi tiết tài khoản 7118: Hạch toán số lẻ

2.4.7.4. Quy trình ghi sổ

Thu nhập khác tại công ty chủ yếu là từ thanh lý tài sản cố định. Từ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán căn cứ vào chứng từ gốc để hạch toán lên phần mềm kế toán. Sau đó phần mềm sẽ tự động cập nhập vào sổ nhật ký chung, sổ chi tiết, sổ cái tài khoản 711.

Ngày 30/05/2025, Công ty Cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh thực hiện Thanh lý máy đã qua sử dụng; Dây chuyền sản xuất gạch QT15 cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Huy Hoàng theo hợp đồng mua bán tài sản đã ký kết. Tại thời điểm bàn giao tài sản, bên mua chưa thực hiện thanh toán giá trị hợp đồng. Theo thỏa thuận giữa các bên, tài sản được bàn giao trực tiếp cho Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Huy Hoàng (**Đối chiếu phụ lục 15**)

Hóa đơn GTGT:



HLHTC
KHAI KHOẢNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ngày (Date) 30 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): **1C25THL**
Số (No.): **36**

Đơn vị bán hàng (Seller):

Mã số thuế (Tax code):

Địa chỉ (Address):

CÔNG TY CP HUY HOÀNG HỒNG LĨNH
3002032274
Số 8, đường tránh QL 1A, tổ dân phố 8, Phường Đậu Liêu, Thị xã Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company name):

Mã số thuế (Tax code):

Địa chỉ (Address):

Nội, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HUY HOÀNG
0101311040
Số 102 phố Đốc Ngừ, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): **Chuyển khoản**

Số tài khoản (A/C No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods, services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
1	Thanh lý máy đã qua sử dụng; Dây chuyền sản xuất gạch QT15	Bộ	1	1.305.000.000	1.305.000.000
Cộng tiền hàng (Sub total):					1.305.000.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 104.400.000
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					1.409.400.000
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Một tỷ bốn trăm lẻ chín triệu bốn trăm nghìn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Signature Valid

Ký bởi: **CÔNG TY CP HUY HOÀNG HỒNG LĨNH**
Ký ngày: 30- 05- 2025

Mã của cơ quan thuế (Tax authority code): **007C2CF3AD9F8744ADBB209027E1785F58**

Trang tra cứu: <http://3002032274hd.easyinvoice.com.vn> Mã tra cứu: CX7QJBOMB

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Hình ảnh 2.30: Hóa đơn GTGT thanh lý TSCĐ

Kế toán viên tiến hành nhập hóa đơn số 36 vào phần mềm 3TSOFT. Vào phần hành kế toán tổng hợp → chọn phiếu kế toán. **(Đối chiếu phụ lục 4)**

Phiếu kế toán

Ngày chứng từ: 30/05/2025

Khoá: Sổ cái: CHUNG

Số: PK05.08 Tiền tệ: VND 1

Đối tượng: HUYHOANG Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Huy Hoàng

Ông bà: Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Huy Hoàng Địa chỉ: Số 290 Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội

Diễn giải (VN): Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Huy Hoàng mua thanh lý Thanh lý máy đã qua sử dụng; Dây chuyền sản xuất gạch QT15

	P S	Tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Khoản mục	Sản phẩm	Diễn giải (VN)
▶ 1	N	1313	1.409.400.000,00	1.409.400.000	HUYHOANG			Công ty cổ phần xây dựng và thương mại...
2	C	7111	1.305.000.000,00	1.305.000.000	HUYHOANG			Công ty cổ phần xây dựng và thương mại...
3	C	33311	104.400.000,00	104.400.000	HUYHOANG			Công ty cổ phần xây dựng và thương mại...

Chi phí không hợp lệ: Kèm theo chứng từ gốc. Phát sinh nợ: 1.409.400.000,00 1.409.400.000
 Doanh thu chưa hạch toán: Phát sinh có: 1.409.400.000,00 1.409.400.000

1313 - Phải thu của khách hàng || Dư Có: 1.409.400.000

Cuối cùng, sau khi nhập xong đầy đủ thông tin. Kế toán bấm lưu, phần mềm sẽ tự cập nhập lên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 711, sổ cái TK 131, sổ cái TK 333, sổ chi tiết TK 7111, sổ chi tiết TK 33311, sổ chi tiết TK 1313.

- Thao tác xem sổ (Đã trình bày ở trang 54)

- Sổ nhật ký chung (Đã trình bày ở trang 55)

Sổ chi tiết TK 7111:

CÔNG TY CỔ PHẦN HUY HOÀNG HỒNG LĨNH

Số 8, đường tránh QL1A, Tổ dân phố 8, Phường Đậu
 Liêu, Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo Thông tư số
 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của
 Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN						
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025						
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
28/05/2025	PK05.05	28/05/2025	Thanh lý Xyclo Xi măng 50 tấn đã qua sử dụng	1313		60.000.000
.....				...	...	

29/05/2025	PK05.06	29/05/2025	Thanh lý máy đã qua sử dụng; Máy san gạt Mitsumitsi; Nước sản xuất Nhật bản, Model LG2H, Serial 6898	1313		46.000.000
....						
29/05/2025	PK05.06	29/05/2025	Thanh lý máy đã qua sử dụng; Máy xúc đào bánh xích Takeuchi; Nước sản xuất Nhật Bản; Model TB285; SK522	1313		420.000.000
....	...					
30/05/2025	PK05.08	30/05/2025	Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Huy Hoàng mua thanh lý Thanh lý máy đã qua sử dụng; Dây chuyền sản xuất gạch QT15	1313		1.305.000.000
...	...	...			...	...
30/05/2025	PK05.09	30/05/2025	Máy ủi Komatsu D60P	1313		26.000.000
.....						
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển thu nhập khác	9113	9.123.000.000	
			Cộng phát sinh trong kỳ		9.123.000.000	9.123.000.000
			Số dư cuối kỳ			

Sổ cái TK 711:**CÔNG TY CỔ PHẦN HUY HOÀNG HỒNG LĨNH**

Số 8, đường tránh QL1A, Tổ dân phố 8, Phường Đậu Liêu, Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN						
<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025</i>						
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
28/05/2025	PK05.05	28/05/2025	Thanh lý Xyclo Xi măng 50 tấn đã qua sử dụng	1313		60.000.000
.....				...	...	
29/05/2025	PK05.06	29/05/2025	Thanh lý máy đã qua sử dụng; Máy san gạt Mitsumitsi; Nước sản xuất Nhật bản, Model LG2H, Serial 6898	1313		46.000.000
....						
29/05/2025	PK05.06	29/05/2025	Thanh lý máy đã qua sử dụng; Máy xúc đào bánh xích Takeuchi; Nước sản xuất Nhật Bản; Model TB285; SK522	1313		420.000.000
....	...					
30/05/2025	PK05.08	30/05/2025	Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Huy Hoàng mua thanh lý Thanh lý máy đã qua sử dụng; Dây chuyền sản xuất gạch QT15	1313		1.305.000.000
...	...	...			...	...
30/05/2025	PK05.09	30/05/2025	Máy ủi Komatsu D60P	1313		26.000.000
.....						
31/08/2025	PK08.05	31/08/2025	Hạch toán sai số lẻ	1313		73.028
31/12/2025	PK12.09	31/12/2025	Xử lý số lẻ	331		503
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	9113	9.123.073.531	
			Cộng phát sinh trong kỳ		9.123.073.531	9.123.073.531
			Số dư cuối kỳ			

Sổ chi tiết tài khoản 7118 (Đối chiếu phụ lục 12)

2.4.8. Kế toán chi phí khác

2.4.8.1. Nội dung

Trong năm 2025, Công ty Huy Hoàng Hồng Lĩnh đã phát sinh các khoản chi phí khác, chủ yếu liên quan đến hoạt động thanh lý tài sản cố định như máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất và các tài sản phục vụ thi công. Căn cứ vào chứng từ và biên bản thanh lý tài sản, kế toán thực hiện ghi nhận các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ theo đúng quy định kế toán hiện hành.

2.4.8.2. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản sử dụng 811: Chi phí khác
- Tài khoản cấp 2 là Tài khoản 8111: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ

2.4.8.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng

a) Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Hợp đồng mua bán tài sản
- Biên bản thanh lý tài sản
- Biên bản giao nhận TSCĐ

b) Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 811
- Sổ chi tiết tài khoản 8111

2.4.8.4. Quy trình ghi sổ

TK 811 năm 2025 chủ yếu phát sinh do ghi nhận giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán sau khi trừ hao mòn lũy kế theo quy định. Ngày 31/05/2025, Công ty thực hiện ghi giảm và kết chuyển toàn bộ giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán vào TK 811 – Chi phí khác theo quy định hiện hành.

Phiếu kế toán

Ngày chứng từ: 31/05/2025

Khoá: Sổ cái CHUNG

Số: PK05.10 Tiền tệ: VND 1

Đối tượng: HUONGVT Vũ Thị Hương

Ông bà: Vũ Thị Hương Địa chỉ: A, Tổ dân phố 8, Phường Đâu Liêu, Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh

Diễn giải (VN): Hạch toán thanh lý tài sản dây chuyền sản xuất gạch QT10

	P	S	Tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Khoản mục	Sản phẩm	Diễn giải (VN)
1	N	8111	1.542.666.656,00	1.542.666.656					Hạch toán thanh lý tài sản dây chuy...
2	N	2141	237.333.344,00	237.333.344					Hạch toán thanh lý tài sản dây chuy...
3	C	2111	1.780.000.000,00	1.780.000.000					Hạch toán thanh lý tài sản dây chuy...

Chi phí không hợp lệ: Kèm theo chứng từ gốc.

Phát sinh nợ: 1.780.000.000,00 1.780.000.000

Phát sinh có: 1.780.000.000,00 1.780.000.000

8111 - Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ || Dư nợ: 9.991.440.222

Cuối cùng, sau khi nhập xong đầy đủ thông tin. Kế toán bấm lưu, phần mềm sẽ tự cập nhập lên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 811, sổ cái TK 214, sổ cái TK 211, sổ chi tiết TK 8111, sổ chi tiết TK 2141, sổ chi tiết TK 2111.

Hình ảnh 2.31. Giao diện thực hiện hạch toán thanh lý 31/05/2025

- Thao tác xem sổ (Đã trình bày ở trang 54)
- Sổ nhật ký chung (Đã trình bày ở trang 55)

Sổ chi tiết tài khoản 8111:

CÔNG TY CỔ PHẦN HUY HOÀNG HỒNG LĨNH
Số 8, đường tránh QL1A, Tổ dân phố 8, Phường Đâu Liêu, Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016
của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN						
<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025</i>						
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
31/05/2025	PK05.10	31/05/2025	Hạch toán thanh lý tài sản dây chuyển sản xuất gạch QT10	2111	1.542.666.656	
...	...	...	...	...	...	...
31/05/2025	PK05.15	31/05/2025	Hạch toán thanh lý tài sản Bộ giàn stec tưới nhựa	2111	51.333.320	
...	...	...	...	...	...	...
31/05/2025	PK05.22	31/05/2025	Hạch toán thanh lý tài sản Máy xúc lật Luigon	2111	326.666.640	
...	...	...	...	...	...	...
31/05/2025	PK05.26	31/05/2025	Hạch toán thanh lý tài sản Máy xúc Koamatsu	2111	33.333.320	
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	PK05.29	31/12/2025	Hạch toán thanh lý tài sản Máy xúc đào hiệu Komatsu	2111	33.333.320	
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển thu nhập khác	9113		11.534.106.878
			Cộng phát sinh trong kỳ		11.534.106.878	11.534.106.878
			Số dư cuối kỳ			

Sổ cái tài khoản 811:

CÔNG TY CỔ PHẦN HUY HOÀNG HỒNG LĨNH
Số 8, đường tránh QL1A, Tổ dân phố 8, Phường Đậu Liêu, Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016
của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN						
<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025</i>						
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
31/05/2025	PK05.10	31/05/2025	Hạch toán thanh lý tài sản dây chuyển sản xuất gạch QT10	2111	1.542.666.656	
...	...	...	...	...	...	...
31/05/2025	PK05.15	31/05/2025	Hạch toán thanh lý tài sản Bộ giàn stec tưới nhựa	2111	51.333.320	
...	...	...	...	...	...	...
31/05/2025	PK05.22	31/05/2025	Hạch toán thanh lý tài sản Máy xúc lật Luigon	2111	326.666.640	
...	...	...	...	...	...	...
31/05/2025	PK05.26	31/05/2025	Hạch toán thanh lý tài sản Máy xúc Koamatsu	2111	33.333.320	
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	PK05.29	31/12/2025	Hạch toán thanh lý tài sản Máy xúc đào hiệu Komatsu	2111	33.333.320	
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển thu nhập khác	9113		11.534.106.878
			Cộng phát sinh trong kỳ		11.534.106.878	11.534.106.878
			Số dư cuối kỳ			

2.4.9. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản sử dụng: 821 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Trong năm 2025, Công ty không phát sinh bất kỳ nghiệp vụ nào liên quan đến các khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tờ khai quyết toán thuế TNDN:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

[02] Lần đầu: [] [03] Bổ sung lần thứ: [1]

Mẫu số:
03/TNDN
*(Ban hành kèm theo
Thông tư số
80/2021/TT-BTC
ngày 29 tháng 9 năm
2021 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)*

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: C23 - Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác

[05] Tỷ lệ (%): 70,00 %

[06] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh

[07] Mã số thuế: 3002032274

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	(2.930.003.776)
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0

1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	(2.930.003.776)
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	(2.927.003.776)
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	(2.927.003.776)
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0
4	Thu nhập tính thuế (TN TT) (C4=C1-C2-C3)	C4	0
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TN TT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	0
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%	C7	0
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C9=(C7 x 20%) + (C8 x C8a))	C9	0

8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN($C10 = C11 + C12 + C13$)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh ($C17 = C9 - C10 - C14 - C15 - C16$)	C17	0
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế ($D1 = B15$)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế ($D3 = D1 - D2$)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($D5 = D3 - D4$)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này ($D8 = D6 - D7$)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ ($E = E1 + E2 + E5$)	E	0
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ($E2 = E3 + E4$)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0

3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp ($G=G1+G2+G3+G4+G5$)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0
H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	0
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS ($H2=E3-G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ($H3=E4-G5$)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=I1+I2$)	I	0
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	0
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	$I2=E2-G3-G4-G5$	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ
THUẾ**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Họ và tên:

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NGƯỜI NỘP THUẾ**

Chúng chi hành nghề số:

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng
dấu (nếu có)

VŨ THỊ HƯƠNG

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tình đã kê khai riêng.
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CP HUY HOÀNG HỒNG LĨNH.**

Phụ lục_03 _1A_TNDN:

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh

[03] Mã số thuế: 3002032274

Mẫu số: **03-1A/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	2.478.970.615
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	0
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	26.909
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	26.909
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	2.997.967.953
a	Giá vốn hàng bán	[13]	2.433.208.010
b	Chi phí bán hàng	[14]	0
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	564.759.943
5	Chi phí tài chính	[16]	0
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	0

6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	(518.970.429)
7	Thu nhập khác	[19]	9.123.073.531
8	Chi phí khác	[20]	11.534.106.878
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	(2.411.033.347)
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	(2.930.003.776)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ
THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký
điện tử)

VŨ THỊ HƯƠNG

Ghi chú: Số liệu chỉ tiêu [22] được tổng hợp vào chỉ tiêu A1 của Tờ khai 03/TNDN



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CP HUY HOÀNG HỒNG LĨNH.**

2.4.10. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

2.4.10.1. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 – Xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4.10.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng

a) Chứng từ sử dụng

- Phiếu kết chuyển

b) Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 911: Xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
- Sổ chi tiết tài khoản 9111: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Sổ chi tiết tài khoản 9112: Kết quả hoạt động tài chính
- Sổ chi tiết tài khoản 9113: Kết quả hoạt động khác

2.4.10.3. Quy trình ghi sổ

Vào cuối kỳ, sau khi đã kiểm tra tất cả các chứng từ sổ sách có liên quan đến toàn bộ hoạt động kinh doanh trong năm không có phát hiện sai sót kế toán tiến hành kết chuyển toàn bộ doanh thu và chi phí vào TK 911.

Kế toán vào phần mềm 3Tsoft, sau đó sẽ bấm vào mục” Bút toán khóa sổ”.(**Đổi chiều phụ lục 16)**

Bút toán khóa sổ

Số thứ tự	Tài khoản đi		Tài khoản đến		Diễn giải
	Số hiệu	Tên	Số hiệu	Số hiệu	
1 01	1331	Thuế VAT được khấu trừ của hàng ho...	33311	Thuế GTGT đầu ra	Kết chuyển thuế GTGT được khấu trừ
2 05	3331	Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1331	Thuế VAT được khấu trừ của hàng ho...	Kết chuyển thuế GTGT được khấu trừ
3 10	5211	Chiết khấu thương mại	5111	Doanh thu bán hàng hoá	Kết chuyển chiết khấu thương mại
4 15	5212	Hàng bán bị trả lại	5111	Doanh thu bán hàng hoá	Kết chuyển hàng bán bị trả lại
5 20	5213	Giảm giá hàng bán	5111	Doanh thu bán hàng hoá	Kết chuyển giảm giá hàng bán
6 22	512	Doanh thu bán hàng nội bộ	9111	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ
7 25	511	Doanh thu bán hàng	9111	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	Kết chuyển doanh thu
8 27	632	Giá vốn hàng bán	9111	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	Kết chuyển giá vốn hàng bán
9 30	635	Chi phí hoạt động tài chính	9112	Kết quả hoạt động tài chính	Kết chuyển chi phí tài chính
10 31	6421	Chi phí bán hàng	9111	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	Kết chuyển chi phí bán hàng
11 33	6422	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9111	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp
12 35	515	Thu nhập hoạt động tài chính	9112	Kết quả hoạt động tài chính	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính
13 40	711	Thu nhập khác	9113	Kết quả hoạt động khác	Kết chuyển thu nhập khác
14 45	811	Chi phí khác	9113	Kết quả hoạt động khác	Kết chuyển chi phí khác
15 46	821	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	9113	Kết quả hoạt động khác	Kết chuyển chi phí khác
16 50	911	Xác định kết quả kinh doanh	4212	Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	Kết chuyển lãi, lỗ

Sau đó kế toán bấm dấu “+” để thêm bút toán khóa sổ.

Sau khi làm xong bút toán khóa sổ, phần mềm sẽ tự động tạo phiếu kết chuyển tổng hợp. Để xem “Phiếu kết chuyển” vào phân hệ “Kế toán tổng hợp” chọn “ Chứng từ khóa sổ”.

Phiếu kết chuyển tổng hợp						
Tìm nhanh...						
		Chứng từ		Diễn giải (VN)	Đối tượng	Tổng tiền
		Ngày	Số			
7		31/12/2025	001	Kết chuyển lãi, lỗ		2.927.057.594,00
8		31/12/2025	001	Kết chuyển doanh thu		2.478.970.615,00
▶ 9		31/12/2025	001	Kết chuyển giá vốn hàng bán		2.433.208.010,00
10		31/12/2025	001	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp		564.759.943,00
11		31/12/2025	001	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính		26.909,00
12		31/12/2025	001	Kết chuyển thu nhập khác		9.123.073.531,00
13		31/12/2025	001	Kết chuyển chi phí khác		11.534.106.878,00
14		31/12/2025	001	Kết chuyển lãi, lỗ		2.930.057.594,00
	P	Tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Diễn giải (VN)
	S					
1	N	9111	872.723.095,00	872.723.095		Kết chuyển giá vốn hàng bán
2	C	6321	872.723.095,00	872.723.095		Kết chuyển giá vốn hàng bán
3	N	9111	1.560.484.915,00	1.560.484.915		Kết chuyển giá vốn hàng bán
▶ 4	C	6323	1.560.484.915,00	1.560.484.915		Kết chuyển giá vốn hàng bán

- Thao tác xem sổ (Đã trình bày ở trang 54)
- Sổ nhật ký chung (Đã trình bày ở trang 55)

Sổ chi tiết tài khoản 9111:

CÔNG TY CỔ PHẦN HUY HOÀNG HỒNG LĨNH
Số 8, đường tránh QL1A, Tổ dân phố 8, Phường Đâu Liêu, Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán	6321	872.723.095	
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán	6323	1.560.484.915	
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	64221	228.808.249	
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	64224	103.636.368	
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	64225	122.587.902	
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	64227	109.727.424	
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu	5111		908.485.700
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu	5113		1.570.484.915
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển lãi, lỗ	4212		518.997.338
			Cộng phát sinh trong kỳ		2.997.967.953	2.997.967.953
			Số dư cuối kỳ			

Sổ chi tiết tài khoản 9112:

CÔNG TY CỔ PHẦN HUY HOÀNG HỒNG LĨNH
Số 8, đường tránh QL1A, Tổ dân phố 8, Phường Đâu Liêu, Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển lãi, lỗ	4212	26.909	
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	5154		26.909
			Cộng phát sinh trong kỳ		26.909	26.909
			Số dư cuối kỳ			

Sổ chi tiết tài khoản 9113:

CÔNG TY CỔ PHẦN HUY HOÀNG HỒNG LĨNH
Số 8, đường tránh QL1A, Tổ dân phố 8, Phường Đâu Liêu, Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển chi phí khác	8111	11.534.106.878	
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển thu nhập khác	7111		9.123.000.000
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển thu nhập khác	7118		73.531
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển lãi, lỗ	4212		2.411.033.347
			Cộng phát sinh trong kỳ		11.534.106.878	11.534.106.878
			Số dư cuối kỳ			

Sổ cái tài khoản 911:**CÔNG TY CỔ PHẦN HUY HOÀNG HỒNG LĨNH**

Số 8, đường tránh QL1A, Tổ dân phố 8, Phường Đâu Liêu, Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán	6321	872.723.095	
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán	6323	1.560.484.915	
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	64221	228.808.249	
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	64224	103.636.368	
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	64225	122.587.902	
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	64227	109.727.424	
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển chi phí khác	8111	11.534.106.878	
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển lãi, lỗ	4212	26.909	
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu	5111		908.485.700
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu	5113		1.570.484.915
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	5154		26.909
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển thu nhập khác	7111		9.123.000.000
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển thu nhập khác	7118		73.531
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển lãi, lỗ	4212		2.930.030.685
			Cộng phát sinh trong kỳ		14.532.101.740	14.532.101.740
			Số dư cuối kỳ			

Từ dữ liệu sổ cái TK 911, kế toán tổng hợp tiến hành lập “Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh”

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh

[03] Mã số thuế: 3002032274

Mẫu số: **03-1A/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	2.478.970.615
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	0
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	26.909
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	26.909
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	2.997.967.953
a	Giá vốn hàng bán	[13]	2.433.208.010
b	Chi phí bán hàng	[14]	0
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	564.759.943
5	Chi phí tài chính	[16]	0
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	0
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	(518.970.429)
7	Thu nhập khác	[19]	9.123.073.531
8	Chi phí khác	[20]	11.534.106.878
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	(2.411.033.347)

10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp [(22)=[18]+(21)]	[22]	(2.930.003.776)
----	---	-------------	-----------------

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ
THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký
điện tử)

VŨ THỊ HƯƠNG

Ghi chú: Số liệu chỉ tiêu [22] được tổng hợp vào chỉ tiêu A1 của Tờ khai 03/TNDN



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CP HUY HOÀNG HỒNG LĨNH.**

CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HUY HOÀNG HỒNG LĨNH.

3.1. Nhận xét chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh.

3.1.1. Những ưu điểm

Sau một thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh, em nhận thấy công ty có một số ưu điểm nổi bật như sau:

Sau gần 10 năm hình thành và phát triển, công ty đã không ngừng cố gắng và nỗ lực để khẳng định vị thế của mình trên thị trường. Nhờ sự đoàn kết, tinh thần trách nhiệm và sự cố gắng của toàn thể cán bộ, nhân viên, công ty ngày càng phát triển ổn định và hoạt động tương đối hiệu quả.

Bên cạnh đó, công ty đã có sự chuyển hướng phù hợp với tình hình thực tế khi chuyển từ lĩnh vực xây dựng và khai thác sang hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ. Sự thay đổi này giúp công ty thích nghi tốt hơn với nhu cầu thị trường, mở rộng hoạt động kinh doanh và nâng cao hiệu quả hoạt động trong giai đoạn hiện nay.

- Về tổ chức quản lý và nhân viên trong công ty:

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ và phù hợp với quy mô hoạt động của doanh nghiệp. Trước năm 2023, bà Vũ Thị Hương giữ chức vụ kế toán trưởng của công ty. Từ năm 2023 đến nay, bà Vũ Thị Hương được ủy quyền đảm nhiệm chức vụ Giám đốc kiêm người đại diện theo pháp luật của công ty. Với kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực kế toán và quản lý, công tác điều hành hoạt động của công ty được thực hiện tương đối hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp.

Hiện nay, công ty có tổng cộng 03 nhân sự gồm: 01 Giám đốc kiêm người đại diện theo pháp luật, 01 kế toán và 01 nhân viên hành chính. Mặc dù số lượng nhân sự không nhiều nhưng các nhân viên trong công ty luôn có tinh thần trách nhiệm trong công việc, thân thiện, hòa đồng và phối hợp hỗ trợ lẫn nhau, góp phần tạo nên môi trường làm việc tích cực và hiệu quả.

- Về bộ máy kế toán:

Công ty tuy chỉ có một kế toán nhưng vẫn tạo ra kết quả công việc hiệu quả và phối hợp giữa các thành viên khác trong công ty rất nhịp nhàng.

- Về chính sách kế toán và chế độ kế toán của công ty:

Công ty luôn chấp hành các quy định về đúng chính sách kế toán, chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán, luật kinh tế.

Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán và luân chuyển sổ sách kế toán hợp lý, khoa học, đảm bảo nguyên tắc của chế độ sổ sách kế toán hiện hành, phù hợp với khả năng trình độ của kế toán và đặc điểm quản lý của công ty. Công ty luôn chấp hành các quy định về tài chính kế toán của nhà nước.

- Về chứng từ kế toán:

Công ty áp dụng mẫu chứng từ và hoàn toàn tuân thủ quy định của Bộ tài chính theo thông tư TT133/2016/TT-BTC. Các giấy tờ chứng từ gốc được công ty bảo quản rất tốt nhằm phục vụ cho các công tác kiểm tra, thanh tra thuế sau này.

Chứng từ kế toán luôn đầy đủ cho mỗi loại nghiệp vụ nhằm mục đích hỗ trợ đến việc lưu trữ, quản lý và đúng chế độ quy định Nhà Nước. Quá trình làm việc chứng từ được luân chuyển nhanh chóng, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hạch toán, kiểm tra và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

- Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh:

Công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả hoạt động kinh doanh được kế toán ghi chép đầy đủ, chính xác tình hình tiêu thụ hàng hóa, thành phẩm và dịch vụ.

Phản ánh kịp thời chính xác doanh thu, giá vốn, chi phí hoạt động và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

3.1.2. Những hạn chế còn tồn tại

Ngoài những ưu điểm nổi bật thì công ty cũng có những hạn chế trong công tác kế toán như sau:

- Công ty vẫn còn một số hạn chế trong công tác kế toán như việc ghi nhận doanh thu cho thuê đất chưa thực sự phù hợp với nguyên tắc phân bổ doanh thu theo từng kỳ kế toán, do chưa sử dụng TK 3387 để theo dõi doanh thu chưa thực hiện.

- Công ty hiện đang thực hiện việc tạm ứng tiền cho nhân viên để chi trả lương, phụ cấp và một số khoản chi phí nhỏ lẻ khác. Tuy nhiên, việc hạch toán trực tiếp qua TK 141 khiến công tác theo dõi công nợ phải trả và đối chiếu số liệu kế toán đôi khi chưa thực sự chặt chẽ theo nguyên tắc kế toán.

- Công ty thực hiện đóng thay phần BHXH, BHYT, BHTN thuộc trách nhiệm của NLĐ theo thỏa thuận giữa hai bên. Tuy nhiên, công ty chưa theo dõi và tách biệt rõ phần bảo hiểm thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp với phần bảo hiểm đóng thay cho NLĐ. Điều này làm giảm tính minh bạch trong công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, gây khó khăn cho việc kiểm tra, đối chiếu số liệu và đánh giá chính xác cơ cấu chi phí của doanh nghiệp.

- Công ty thực hiện hạch toán các khoản chênh lệch số lẻ vào TK 7118 - Thu nhập khác. Việc hạch toán này chưa phản ánh đúng bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, làm cho khoản thu nhập khác của doanh nghiệp tăng lên không đúng thực tế, từ đó ảnh hưởng đến tính chính xác của thông tin kế toán và kết quả kinh doanh.

- Công ty chưa theo dõi riêng đầy đủ lượng điện tiêu thụ của từng đối tượng sử dụng, dẫn đến việc phân bổ chi phí điện còn mang tính ước tính.

3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác hạch toán tiêu thụ và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

- Đối với hoạt động cho thuê đất thu tiền trước nhiều kỳ, công ty cần thực hiện hạch toán tiền thuê đất nhận trước nhiều kỳ vào TK 3387 – Doanh thu chưa thực hiện. Thực hiện phân bổ doanh thu vào từng kỳ kế toán tương ứng với thời gian cho thuê.

- Đối với các khoản tiền dùng để chi trả lương, phụ cấp hoặc các khoản chi hộ cho doanh nghiệp, công ty cần xây dựng quy trình quản lý và thanh toán tạm ứng chặt chẽ. Lập đầy đủ giấy đề nghị tạm ứng và giấy thanh toán tạm ứng theo quy định. Hạn chế sử dụng TK 141 đối với các khoản mang bản chất là công nợ phải trả hoặc chi phí tiền lương.

- Đối với các khoản BHXH, công ty cần hạch toán tách biệt phần BHXH, BHYT, BHTN thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp với phần bảo hiểm đóng thay cho NLĐ nhằm nâng cao tính minh bạch và thuận tiện trong công tác quản lý chi phí. Mở sổ chi tiết theo dõi từng khoản bảo hiểm phát sinh để đảm bảo số liệu kế toán được phản ánh đầy đủ, chính xác và phục vụ tốt cho công tác đối chiếu, kiểm tra.

- Đối với các khoản chênh lệch số lẻ phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc quyết toán, công ty cần xem xét bản chất của từng nghiệp vụ để lựa chọn tài khoản hạch toán phù hợp. Trường hợp khoản chênh lệch phát sinh liên quan đến chi phí hoặc công nợ, cần điều chỉnh vào tài khoản liên quan tương ứng. Giải pháp này sẽ góp phần nâng cao độ chính xác của thông tin kế toán, đảm bảo phản ánh đúng kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Đối với công tác xác định lượng điện sử dụng, công ty nên theo dõi riêng lượng điện tiêu thụ của từng đối tượng sử dụng. Phân bổ chi phí điện dựa trên sản lượng điện tiêu thụ thực tế. Đảm bảo chi phí điện được hạch toán chính xác và hợp lý.

3.3. Một số ý kiến đóng góp hoàn thiện công tác kế toán

- Về bảng tính tiền điện nội bộ

Thực hiện theo dõi riêng khoản phải trả Công ty Điện lực và các khoản chi phí quản lý để đảm bảo số liệu kế toán được phản ánh rõ ràng, chính xác.

Công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh															
Số 8, đường tránh QL1A, Tổ dân phố 8, Phường Đậu Liêu, Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh															
BẢNG TÍNH TIỀN ĐIỆN															
TRẠM BTN năm 2025															
Ngày tháng ghi	TT Điện lực	Chi phí quản lý phí	Xưởng gạch	Xưởng đá	Vấn phòng	Thành tiền	Làm tròn	Thanh toán	Ghi chú	Chênh lệch	Xuất HĐ	Tổng cộng	Doanh số	VAT	Thuế suất
17/12/2024	77,216,344	3,000,000									80,216,000				
2/1/2025	96,349,330	3,000,000	857,291	8,514,000		89,978,039	89,978,000	89,978,000		-39	89,978,000	170,194,000	157,587,037	12,606,963	0.08
17/1/2025	114,478,803	5,000,000				119,478,803	119,479,000	119,479,000		197	119,479,000				0.08
2/2/2025	76,426,594	2,000,000	785,098	6,702,664		70,938,832	70,939,000	70,939,000		168	70,939,000	190,418,000	176,312,963	14,105,037	0.08
17/2/2025	15,764,201	0				15,764,201	15,700,000	15,700,000		-64,201	15,700,000				0.08
2/3/2025	8,483,349	0	712,905	5,584,000		2,186,444	2,186,000	2,186,000		-444	2,186,000	17,886,000	16,561,111	1,324,889	0.08
17/3/2025	53,720,602	3,000,000				56,720,602	56,720,000	56,720,000		-602	56,720,000				0.08
2/4/2025	62,990,082	3,000,000	631,688	7,558,797		57,799,597	57,799,000	57,799,000		-597	57,799,000	114,519,000	106,036,111	8,482,889	0.08
17/4/2025	64,922,647	3,000,000				67,922,647	67,920,000	67,920,000		-2,647	67,920,000				0.08
2/5/2025	85,756,350	3,000,000	360,965	12,437,491		75,957,894	75,958,000	75,958,000		106	75,958,000	143,878,000	133,220,370	10,657,630	0.08
17/5/2025	68,736,919	3,000,000				71,736,919	71,737,000	71,737,000		81	71,737,000				0.08
2/5/2025	76,478,931	2,000,000	262,000	9,940,000		68,276,931	68,277,000	68,277,000		69	68,277,000	140,014,000	129,642,593	10,371,407	0.08
17/6/2025	113,063,173	3,000,000				116,063,173	116,063,000	116,063,000		-173	116,063,000				0.08
2/7/2025	114,916,659	3,000,000	284,000	10,340,000		107,292,659	107,293,000	107,293,000		341	107,293,000	223,356,000	206,811,111	16,544,889	0.08
17/7/2025	70,573,828	3,000,000				73,573,828	73,575,800	73,575,800		1,972	73,575,800				0.08
2/8/2025	29,607,945	3,000,000	331,000	10,418,000		21,858,945	21,859,000	21,859,000		55	21,859,000	95,434,800	88,365,556	7,069,244	0.08
17/8/2025	22,591,481	2,000,000				24,591,481	24,590,000	24,590,000		-1,481	24,590,000				0.08
2/9/2025	10,239,943	1,000,000	114,000	8,577,000		2,548,943	2,548,000	2,548,000		-943	2,548,000	27,138,000	25,127,778	2,010,222	0.08
17/9/2025	57,996,958	2,000,000				59,996,958	59,997,000	59,997,000		42	59,997,000				0.08
2/10/2025	31,518,971	2,000,000	227,000	7,286,000		26,005,971	26,000,000	26,000,000		-5,971	26,000,000	85,997,000	79,626,852	6,370,148	0.08
2/11/2025	79,597,536	3,000,000	28,500	9,204,000	63,000	73,365,036	73,300,000	73,300,000		-65,036	73,300,000	73,300,000	67,870,370	5,429,630	0.08
2/12/2025	65,474,579	4,000,000	10,000	6,958,000		62,506,579	62,500,000	62,500,000		-6,579	62,500,000	62,500,000	57,870,370	4,629,630	0.08
2/1/2026	204,616,505	5,000,000		8,084,000		201,532,505	201,500,000	201,500,000		-32,505	201,500,000	201,500,000	186,574,074	14,925,926	0.08
													Hà Tĩnh 31/12/2025		
Người lập										Giám đốc					
Trần Thị Huệ										Vũ Thị Hương					

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: Phiếu thu

Công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh Số 8, đường tránh QL1A, Tò dân phố 8, Phường Đậu Liêu, Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh		Mẫu số: 01-TT (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)	
PHIẾU THU Ngày 31 tháng 05 năm 2025			
Quyển số: Số: PT036		Nợ 1111: 1.650.000 Có 1314: 1.650.000	
Họ tên người nộp tiền: Khách lẻ mua hàng			
Địa chỉ:			
Lý do nộp: Thu tiền Khách lẻ mua hàng			
Số tiền: 1.650.000		Viết bằng chữ: Một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng.	
Kèm theo: Chứng từ gốc:			
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)
Ngày tháng năm		Người lập phiếu (Ký, họ tên)	
Vũ Thị Hương		Trần Thị Huế	Khách lẻ mua hàng
Nguyễn Thị Phước		Ngô Thị Lành	
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):			
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):			
+ Số tiền quy đổi:			

PHỤ LỤC 2: Giao diện bên trong phần mềm hóa đơn điện tử Easyinvoice.



Danh mục hệ thống

- HỆ THỐNG
- ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH
- TỜ KHAI 01
- XỬ LÝ HÓA ĐƠN
- CHUYỂN ĐỔI
- HÓA ĐƠN ĐẦU VÀO
- QL HỢP ĐỒNG
- THUẾ TNCN
- LỊCH SỬ GIAO DỊCH
- HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Trang chủ > Quản lý hóa đơn

Mẫu số: 1C25THL

Ký hiệu: --Chọn ký hiệu--

Trạng thái: Trạng thái

Kết quả trả về: Tất cả

Từ ngày: 01/08/2025

Đến ngày: 31/08/2025

Tên khách hàng:

Kiểu sắp xếp: --Chọn kiểu sắp xếp--

Số hóa đơn:

Mã số thuế:

Các loại hóa đơn phát hành: --Tất cả--

Mã khách hàng:

Làm mới

Tìm kiếm

Hướng dẫn sử dụng

DANH SÁCH HÓA ĐƠN (CÓ MÃ GỬI DÂY DÙ)

Tạo TĐHĐ sai số 04/SS-HĐĐT

Xóa HĐ chưa ký

Phát hành HĐ

Tạo mới

Khác

Mẫu số hóa đơn: 1C25THL

Ngày hóa đơn: 01/08/2025 → 31/08/2025

Stt	Số	Tên khách hàng	Mã KH	KH xem	Ngày tạo	Tổng tiền	Trạng thái	Người PH	Mã CQT	KQ CQT	Xem	Sửa	Xóa	Gửi mail	
Không có dữ liệu															

Số lượng bản ghi hiển thị: 10

<< < > >>

Bản ghi 0-0 trong số 0

PHỤ LỤC 4: Giao diện phần hành kế toán tổng hợp trên 3TSOFT

PHẦN HÀNH		THỐNG KÊ	NGHIỆP VỤ	BIỂU MẪU - BÁO CÁO	TIỆN ÍCH
Kế toán tiền mặt, tiền gửi			Phiếu kế toán	Bảng kê chứng từ Số chi tiết tài khoản	
Kế toán vật tư, hàng hoá			Chứng từ khoá số	Số chi tiết tài khoản (nhiều tài khoản) Số chi tiết tài khoản ngoại tệ	
Kế toán công trình			Hoá đơn huỷ	Số chi tiết tài khoản (ln liên tục)	
Kế toán sản xuất - giá thành			Hoá đơn bổ sung	Báo cáo tổng hợp tài khoản Báo cáo tổng hợp phát sinh ngoại tệ	
Kế toán tài sản, công cụ, chi phí			Hoá đơn giá trị gia tăng	Tổng hợp phát sinh tài khoản Số quỹ tiền mặt	
Kế toán tổng hợp			Kế toán ngoài bảng	Số chi tiết tiền gửi Số cái tài khoản	
Quản lý kho			Vật tư ngoài bảng	Số cái tài khoản (ln liên tục) Số nhật ký chung	
			Kiểm tra dữ liệu	Nhật ký thu tiền	
Quản trị hệ thống					
			Tính giá vốn	Tính khấu hao	Bút toán khoá số Đánh giá tỷ giá cuối kỳ Hỗ trợ trực tuyến

PHỤ LỤC 5: Giao diện xem sổ

Sổ sách kế toán			
Tên báo cáo	Tên tiếng Anh		
Bảng kê chứng từ	Bảng kê chứng từ		
Số chi tiết tài khoản	Số chi tiết tài khoản		
Số chi tiết tài khoản (nhiều tài khoản)	Detailed accounts (many accounts)		
Số chi tiết tài khoản ngoại tệ	Số chi tiết tài khoản ngoại tệ		
Số chi tiết tài khoản (ln liên tục)	Số chi tiết tài khoản (ln liên tục)		
Báo cáo tổng hợp tài khoản	Báo cáo tổng hợp tài khoản		
Báo cáo tổng hợp phát sinh ngoại tệ	Báo cáo tổng hợp phát sinh ngoại tệ		
Tổng hợp phát sinh tài khoản	Tổng hợp phát sinh tài khoản		
Số quỹ tiền mặt	Số quỹ tiền mặt		
Số chi tiết tiền gửi	Số chi tiết tiền gửi		
Số cái tài khoản	Số cái tài khoản		
Số cái tài khoản (ln liên tục)	Số cái tài khoản (ln liên tục)		
Số nhật ký chung	Số nhật ký chung		
Nhật ký thu tiền	Nhật ký thu tiền		
Nhật ký chi tiền	Nhật ký chi tiền		
Nhật ký mua hàng	Nhật ký mua hàng		
Nhật ký bán hàng	Nhật ký bán hàng		
Số chi tiết tài khoản ngoài bảng	Số chi tiết tài khoản ngoài bảng		
Số chi tiết vật liệu, dụng cụ (Sân phẩm, hàng hoá) ngoài bảng	Số chi tiết vật liệu		
Tổng hợp Nhập - Xuất - Tồn ngoài bảng	Tổng hợp Nhập - Xuất - Tồn		
Tổng hợp Nhập - Xuất - Tồn ngoài bảng (Nhóm theo hợp đồng)	Tổng hợp Nhập - Xuất - Tồn (Nhóm theo hợp đồng)		

PHỤ LỤC 6: Sổ chi tiết TK 242 từ 01/01/2021-31/12/2025

Công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh

Số 8, đường tránh QL1A, Tổ dân phố 8, Phường Đậu Liêu, Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh

Công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh

Số 8, đường tránh QL1A, Tổ dân phố 8, Phường Đậu Liêu, Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2025

Ngày ghi số	Chứng từ		Đối tượng		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Phát sinh					Số dư	
	Ngày	Số	Mã	Tên			Nợ		Số năm	CP 1 kỳ		Có	Nợ
					Số dư đầu kỳ								710,000,000
30/6/2018	30/6/2018	PK36.004	HUONGVT	Vũ Thị Hương	hạch toán chi phí tiền thuê đất năm 2018	3337	61,496,000	30/6/2018	1	61,496,000			771,496,000
31/10/2018	31/10/2018	PK09.004	SPECO	Công ty TNHH phụ tùng speco	Thanh toán sửa chữa	331	80,814,630	31/10/2018	3	26,938,210			852,310,630
31/10/2019	31/10/2019	PK10.002	HUYHOANG	Công ty cổ phần xây dựng và thương m	Mua hàng Công ty cổ phần xây dựng và thương m	331	460,000,000	31/10/2019	5	92,000,000			1,312,310,630
31/10/2019	31/10/2019	PK10.003	VIENTCCL	Viện nghiên cứu phát triển tiêu chuẩn	Hợp chuẩn và ISO Viện nghiên cứu phát triển tiêu	331	34,285,714	31/10/2019	3	11,428,571			1,346,596,344
31/12/2020	31/12/2020	PK160	HUETT	Trần Thị Huế	Trần Thị Huế hạch toán chi phí chi trả trước p	1543		31/12/2020				449,532,778	897,063,566
31/3/2021	31/3/2021	PK03.013	HT	Công ty SX và công nghệ HT	Phải trả Công ty SX và công nghệ HT	331	41,000,000	31/3/2021	3	13,666,667			938,063,566
26/4/2022	26/4/2022	PK02.001	HUETT	Trần Thị Huế	Trần Thị Huế hạch toán chi phí thanh lý B71	8111		26/4/2022				150,481,818	787,581,748
26/4/2022	26/4/2022	PK02.002	HUETT	Trần Thị Huế	Trần Thị Huế hạch toán chi phí thanh lý B72	8111		26/4/2022				150,481,818	637,099,930
26/4/2022	26/4/2022	PK02.003	HUETT	Trần Thị Huế	Trần Thị Huế hạch toán chi phí thanh lý B73	8111		26/4/2022				150,481,818	486,618,112
26/4/2022	26/4/2022	PK02.004	HUETT	Trần Thị Huế	Trần Thị Huế hạch toán chi phí thanh lý B74	8111		26/4/2022				150,481,818	336,136,294
26/4/2022	26/4/2022	PK02.005	HUETT	Trần Thị Huế	Trần Thị Huế hạch toán giá vốn thanh lý B70	6323		26/4/2022				150,436,636	185,699,658
31/12/2022	31/12/2022	0000788	CHUNGNHANG	Công ty cổ phần chứng nhận quốc tế	Phải trả Công ty cổ phần chứng nhận quốc tế	331	25,000,000	31/12/2022	3	8,333,333	8,333,333		210,699,658
31/12/2022	31/12/2022	0000789	CAC	Công ty cổ phần chứng nhận CAC	Phải trả Công ty cổ phần chứng nhận CAC	331	25,000,000	31/12/2022	3	8,333,333	8,333,333		235,699,658
31/12/2022	31/12/2022	0000790	CHICUCTCL	Chi cục tiêu chuẩn chất lượng Hà Tĩnh	Chi cục tiêu chuẩn chất lượng Hà Tĩnh hỗ trợ tiền	331		31/12/2022				50,000,000	185,699,658
31/12/2023	31/12/2023	PK12.009	DAIDUONG	Công ty cổ phần tập đoàn quốc tế Đại	Mua hàng Công ty cổ phần tập đoàn quốc tế Đại	331	109,273,000	31/12/2023	4	27,318,250	27,318,250		294,972,658
31/12/2023	31/12/2023	PK12.010	DAIDUONG	Công ty cổ phần tập đoàn quốc tế Đại	Mua hàng Công ty cổ phần tập đoàn quốc tế Đại	331	62,004,000	31/12/2023	4	15,501,000	15,501,000		356,976,658
31/12/2023	31/12/2023	PK12.011	DAIDUONG	Công ty cổ phần tập đoàn quốc tế Đại	Mua hàng Công ty cổ phần tập đoàn quốc tế Đại	331	175,000,000	31/12/2023	4	43,750,000	43,750,000		531,976,658
31/12/2023	31/12/2023	PK12.012	DAIDUONG	Công ty cổ phần tập đoàn quốc tế Đại	Mua hàng Công ty cổ phần tập đoàn quốc tế Đại	331	125,000,000	31/12/2023	4	31,250,000	31,250,000		656,976,658

31/12/2023	31/12/2023	PK12.029	HUONGVT	Vũ Thị Hương	Vũ Thị Hương hạch toán điều chỉnh tăng chi phí	4211	300,918,454	31/12/2023	4	75,229,614	75,229,614		957,895,112
31/12/2023	31/12/2023	PK12.037	HUONGVT	Vũ Thị Hương	Vũ Thị Hương hạch toán chi phí trả trước dưới 12	64227		31/12/2023				41,000,000	916,895,112
31/3/2024	31/3/2024	PK12.008	DAIDUONG	Công ty cổ phần tập đoàn quốc tế Đại	Mua hàng Công ty cổ phần tập đoàn quốc tế Đại	331	2,763,876	31/3/2024	2	1,381,938	1,381,938		
31/3/2024	31/3/2024	PK000003	DAIDUONG	Công ty cổ phần tập đoàn quốc tế Đại	Mua hàng Công ty cổ phần tập đoàn quốc tế Đại	331	97,440,000	31/3/2024	4	24,360,000	24,360,000		1,014,335,112
15/4/2024	15/4/2024	25	DAIDUONG	Công ty cổ phần tập đoàn quốc tế Đại	Mua hàng Công ty cổ phần tập đoàn quốc tế Đại	331	107,100,000	15/4/2024	4	26,775,000	26,775,000		1,121,435,112
12/6/2024	12/6/2024	66	DAIDUONG	Công ty cổ phần tập đoàn quốc tế Đại	Mua hàng Công ty cổ phần tập đoàn quốc tế Đại	331	119,449,200	12/6/2024	4	29,862,300	29,862,300		1,240,884,312
31/12/2024	31/12/2024	PK12.014	HUONGVT	Vũ Thị Hương	Giá vốn dịch vụ	6323		31/12/2024				202,808,606	1,038,075,706
13/9/2025	13/9/2025	PK09.04	PHUCANH	CÔNG TY TNHH KỸ NGHỆ PHÚC ANH	Mua hàng CÔNG TY TNHH KỸ NGHỆ PHÚC ANH	331	9,804,630	13/9/2025	2	4,902,315	4,902,315		1,047,880,336
27/9/2025	27/9/2025	PK09.06	HOATHANG	CÔNG TY TNHH TÔN THẾP HOÀ THẮNG	Mua hàng CÔNG TY TNHH TÔN THẾP HOÀ THẮNG	331	227,280,000	27/9/2025	5	45,456,000			1,275,160,336
27/9/2025	27/9/2025	PK09.07	NGUYENHUNG	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYỄN HƯNG	Mua hàng CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYỄN HƯNG	331	272,742,300	27/9/2025	5	54,548,460			1,547,902,636
30/9/2025	30/9/2025	PK09.15	BETONGHL	CÔNG TY TNHH BÊ TÔNG HỒNG LĨNH	Mua hàng CÔNG TY TNHH BÊ TÔNG HỒNG LĨNH	331	101,500,000	30/9/2025	5	20,300,000			1,649,402,636
30/9/2025	30/9/2025	PK09.18	HUONGVT	Vũ Thị Hương	Hạch toán hoàn ứng chi phí nhân công đổ bê tông	1411	34,200,000	30/9/2025	5	6,840,000	sửa chữa nhà		1,683,602,636
30/9/2025	30/9/2025	PK09.19	HUONGVT	Vũ Thị Hương	Hạch toán hoàn ứng chi phí nhân công thi công	1411	34,200,000	30/9/2025	5	6,840,000	xưởng cho		1,717,802,636
31/10/2025	31/10/2025	PK10.09	MINHAN	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG	Mua hàng CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG	331	183,893,273	31/10/2025	5	36,778,655	thuê nên		1,901,695,909
31/10/2025	31/10/2025	PK10.11	HUONGVT	Vũ Thị Hương	Hạch toán hoàn ứng chi phí nhân công thi công	1411	34,200,000	31/10/2025	5	6,840,000	chưa phân bổ		1,935,895,909
31/12/2025	31/12/2025	PK12.14	HUONGVT	Vũ Thị Hương	Giá vốn dịch vụ cho thuê	6323		31/12/2025				296,997,083	1,638,898,826
					Cộng phát sinh trong kỳ		2,721,601,201				296,997,083	1,792,702,375	
					Số dư cuối kỳ								1,638,898,826

PHỤ LỤC 7: Hợp đồng thuê và cho thuê đất.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ VÀ CHO THUÊ ĐẤT

Số: 1208/2020/HĐTĐ/ĐP-HHHL

- Căn cứ Bộ luật dân sự năm 2015 của Nước CHXHCN Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Nhà ở năm 2014 của Nước CHXHCN Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của mỗi bên,

Hôm nay, ngày 12 tháng 08 năm 2020, tại Công ty CP Huy Hoàng Hồng Lĩnh – Số 08, đường tránh QL1A, TDP 8, P. Đậu Liêu, TX Hồng Lĩnh chúng tôi gồm:

BÊN CHO THUÊ: CÔNG TY CP HUY HOÀNG HỒNG LĨNH (BÊN A)

Giấy chứng nhận ĐKKD số: 3002032274 Ngày cấp:..... Nơi cấp: Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hà Tĩnh.

Địa chỉ trụ sở: Số 08, đường tránh QL1A, TDP 8, P. Đậu Liêu, TX Hồng Lĩnh

Điện thoại: 0858696969

Tài khoản số: 0641008696969 tại Ngân hàng: Vietcombank – CN Bắc Hà Tĩnh

Đại diện: Bà **Vũ Thị Hương**

Chức vụ: Giám đốc

BÊN THUÊ: CÔNG TY TNHH ĐẠI PHÁT HÀ TĨNH (BÊN B)

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 3002153783; Cấp lần đầu ngày 05/3/2020; Cơ quan cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tĩnh.

Địa chỉ trụ sở: Số 59, đường Lê Văn Huân, phường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam.

Điện thoại: 02393 696 123

Đại diện: Ông **Lê Minh Đức** Chức vụ: Giám đốc

Sau khi bàn bạc, thỏa thuận, hai bên thống nhất thuê và cho thuê nhà với những điều khoản dưới đây:

Điều 1: Đối tượng Hợp đồng.

1. Bên A là chủ sở hữu hợp pháp thửa đất quyết định thuê đất số 2886/QĐ-UBND ngày 17/10/2026 do Ông Đặng Ngọc Sơn ký, Thửa đất số 10 tờ bản đồ số 11 tại địa chỉ: P. Đậu Liêu, TX Hồng Lĩnh. Thửa đất nêu trên thuộc quyền sở hữu của Bên A theo Giấy chứng

1

nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số CR622540 ngày 25/05/2020, sổ vào sổ cấp GCN: 00485.

Diện tích thửa đất được ghi cụ thể trong Giấy chứng nhận nêu trên và Giấy phép xây dựng số 99/GPXD do Sở Xây dựng tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 29/12/2016 là 22.756m².

2. Bên A đồng ý cho Bên B thuê lại một phần diện tích đất trên diện tích mặt bằng cũ đã dựng trạm bê tông nhựa nóng tạm tính: 6.000m² +/-10%, (có bản vẽ kèm theo)

Ranh giới khu đất:

Phía Tây giáp xưởng sản xuất gạch không nung Huy Hoàng Hồng Lĩnh.

Phía Đông đường quy hoạch rộng 16m

Phía Bắc giáp qui hoạch công nghiệp.

Phía Nam giáp đường quy hoạch rộng 16m

Cùng Hệ thống Trạm cân 80T/h sẽ dùng chung để xưởng gạch cân nhập vật tư, Đường dây điện 3 pha sẵn có đã dùng cho trạm trộn bê tông nhựa SPEC'O 120T/h để lại nguyên trạng, nguồn nước tại đây dùng nước giếng khoan nên nếu giếng cũ không sử dụng được nữa thì Bên thuê phải tự khoan lại giếng khác để sử dụng.

Bên B dựng trạm bê tông nhựa nóng sản xuất thảm bê tông nhựa và tự chịu trách nhiệm về các thủ tục môi trường trong suốt quá trình sản xuất.

Điều 2: Thời hạn cho thuê nhà và thời điểm giao nhận đất.

1. Hai bên thống nhất thời hạn thuê nhà là 05(năm) năm, kể từ ngày 15/08/2020 đến 15/08/2025.

2. Bên B sẽ nhận bàn giao mặt bằng từ bên A theo hiện trạng hiện có.

3. Thời điểm giao nhận cụ thể bên B sẽ thông báo chính thức cho bên A trước ít nhất 10 ngày làm việc và sau khi đặt tiền thuê đất năm đầu tiên..

4. Khi hết hạn hợp đồng này và bên A vẫn tiếp tục cho thuê Diện tích thuê, Bên B được quyền ưu tiên thuê tiếp Diện tích thuê. Trong trường hợp này bên B phải thông báo cho bên A để đề nghị gia hạn Hợp đồng này trước khi kết thúc thời hạn của Hợp đồng này 06 (sáu) tháng để hai bên đàm phán gia hạn Hợp đồng.

Điều 3: Giá cả và thanh toán.

3.1. Giá thuê đất hàng năm:

- Bằng số: 200.000.000 đồng.

- Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng

Giá thuê này bao gồm VAT.

- Bên A giám trừ cho bên B 2 (hai) tháng tiền đất năm đầu tiên để xây dựng sửa chữa lại mặt bằng tính từ ngày bên A bàn giao mặt bằng cho bên B và số tiền thanh toán năm đầu tiên là **160.000.000 đồng**.

3.2. Điều chỉnh giá thuê: ⁽¹⁾

Trong suốt thời gian thuê, giá thuê được điều chỉnh định kỳ như sau:

Từ ngày 15/08/2020 đến ngày 15/08/2021: 200.000.000 đ/năm

Từ ngày 16/08/2021 đến ngày 15/08/2022: 250.000.000 đ/năm

Từ ngày 16/08/2022 đến ngày 15/08/2025: 300.000.000 đ/năm

Ngoài những lần điều chỉnh nói trên, trong mọi trường hợp và vì bất kỳ lý do gì, Bên A không được tự ý điều chỉnh giá thuê đất.

3.3. Kỳ thanh toán:

Bên B đặt cọc cho Bên A số tiền **50.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng chẵn)** trong suốt quá trình thuê đất trước khi ký công chứng hợp đồng này. Hết thời gian thuê đất khi hai bên hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm với nhau thì Bên A trả lại bên B khoản tiền đặt cọc nói trên.

Bên B thanh toán tiền thuê đất lần đầu cho bên A giá trị tiền thuê đến hết 15/08/2020 số tiền đã giảm trừ là **160.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn)** sau khi ký hợp đồng thuê đất 05 ngày.

Bên B thanh toán 100% giá trị tiền thuê đất năm đầu cho bên A thì Bên A cung cấp hồ sơ pháp lý và hồ sơ đất để bên B hoàn thiện thủ tục cấp phép, môi trường để triển khai lắp dựng trạm thám bệ tổng nhựa bên, A bàn giao hiện trạng khu đất như đang có để triển khai xây dựng nhà xưởng trạm thám bệ tổng nhựa.

Năm sau sẽ thanh toán tiền thuê đất cho Bên A 06 (sáu) tháng/lần.

Ngày thanh toán: Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc đầu tiên của kỳ thanh toán đó.

3.4. Phương thức thanh toán:

Chuyển khoản theo yêu cầu của Bên A vào tài khoản:

Tên tài khoản : Công ty CP Huy Hoàng Hồng Lĩnh

Số tài khoản : 0641008696969

Ngân hàng : Vietcombank – CN Bắc Hà Tĩnh

- Đồng tiền thanh toán là đồng Việt Nam.

Điều 4: Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A.

4.1. Bên A cam kết là chủ sở hữu hợp pháp của thửa đất cho thuê nói trên và thửa đất này hiện không có tranh chấp. Bên A đảm bảo rằng không có mọi khiếu kiện dưới mọi hình thức gây ra bởi bất kỳ bên thứ ba nào liên quan đến quyền sở hữu/quyền sử dụng diện tích cho thuê nói trên;

4.2. Cung cấp cho bên B bản sao có chứng thực giấy tờ sở hữu hợp pháp thửa đất theo quy định của pháp luật (bao gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

4.3. Bàn giao diện tích sử dụng theo hiện trạng hiện có để Bên B có thể hoạt động theo mục đích kinh doanh.

4.4. Đảm bảo và tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để Bên B được sử dụng trọn vẹn và riêng rẽ phần diện tích thuê trong thời hạn thuê;

4.5. Trong suốt thời gian thuê, Bên A không được bán, chuyển nhượng, tặng, cho toàn bộ hoặc một phần tài sản cho thuê cho bất kỳ bên thứ ba nào khác trừ khi có sự đồng ý và chấp thuận trước bằng văn bản của bên B hoặc bên mua, nhận chuyển nhượng, được tặng, được cho cam kết và đồng ý tiếp tục duy trì và đảm bảo mọi quyền và lợi ích của bên B từ Hợp đồng này.

4.6. Được quyền nhận đầy đủ và đúng hạn tiền thuê nhà theo quy định tại Hợp đồng này;

4.7. Cung cấp cho bên B hóa đơn tài chính về tiền thuê nhà trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tiền thanh toán.

Điều 5: Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B.

5.1. Được toàn quyền sử dụng phần diện tích đã thuê như hiện trạng của thửa đất đã nêu trên; phù hợp với quy định của thành phố và pháp luật.

5.2. Có quyền cải tạo một phần diện tích của diện tích thuê để dựng trạm trộn bê tông nhựa nóng theo quy định của nhà nước;

5.3. Được tiếp tục thuê theo các điều kiện đã thỏa thuận với bên A, trong trường hợp thay đổi chủ sở hữu nhà;

5.4. Thanh toán tiền thuê nhà đúng thỏa thuận;

5.5. Bên B chịu trách nhiệm hoàn thiện thủ tục cấp phép, môi trường để triển khai dựng trạm bê tông nhựa nóng và sản xuất thảm BTNN (Bên A hỗ trợ về ký hồ sơ).

Điều 6: Chấm dứt Hợp đồng

6.1. Hợp đồng này đương nhiên chấm dứt khi có một trong các trường hợp sau:

a. Hết thời hạn Hợp đồng theo thỏa thuận tại Điều 3.

b. Các bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

c. Bên B chấm dứt hoạt động hoặc bị giải thể.

d. Thửa đất cho thuê nằm trong khu vực đã có quyết định thu hồi đất, giải phóng mặt bằng hoặc có quyết định phá dỡ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6.2. Đơn phương chấm dứt Hợp đồng.

Bên A có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng này khi bên B không trả tiền thuê đất liên tiếp trong 01 tháng trở lên mà không có lý do chính đáng;

a. Bên B có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng này khi bên A có một trong các hành vi sau đây:

- Tăng giá thuê nhà bất hợp lý hoặc tăng giá không theo lịch trình đã thỏa thuận tại Điều 4.2;

- Quyền sử dụng đất bị hạn chế do lợi ích của người thứ ba.

b. Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Hợp đồng này.

c. Bên đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thuê đất phải báo cho bên kia biết trước ít nhất 06 (sáu) tháng.

Điều 7. Phạt bồi thường thiệt hại.

Trong thời hạn của Hợp đồng này, bên nào vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn không theo các căn cứ quy định tại Điều 6.2 mà gây thiệt hại cho bên kia thì bên vi phạm hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng đó phải bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế phát sinh theo đúng quy định của pháp luật.

Trường hợp bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn không theo quy định tại điểm a Điều 6.2.

Điều 8: Điều khoản chung.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng. Khi có tranh chấp, hai bên sẽ cùng thương lượng để giải quyết. Nếu không thương lượng được, một trong các bên có quyền yêu cầu tòa nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật.

- Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng đều phải được lập thành văn bản dưới hình thức Phụ lục hợp đồng, có đầy đủ chữ ký của đại diện có thẩm quyền của hai bên. Phụ lục hợp đồng là bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng này;

- Trong thời gian Hợp đồng này có hiệu lực, nếu không may xảy ra sự cố đối với diện tích đất cho thuê mà không do lỗi của bất cứ bên nào (trường hợp bất khả kháng) thì thiệt hại đối với bên nào bên đó tự chịu. Còn nếu do lỗi của một bên thì bên có lỗi phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên kia theo đúng quy định của Hợp đồng này và quy định của pháp luật;

- Khi chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Điều 7, các bên phải lập Biên bản, trong đó nêu rõ các nội dung về việc bàn giao đất, thực hiện nghĩa vụ thanh toán và các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận trong Hợp đồng này; đồng thời ghi rõ về việc thanh lý hợp đồng giữa hai bên. Biên bản phải có chữ ký của đại diện có thẩm quyền của các bên.

- Những nội dung chưa được thỏa thuận trong hợp đồng này sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Hợp đồng này được công chứng tại cơ quan công chứng có thẩm quyền, được làm thành 05 (năm) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản, 01 (một) bản lưu tại cơ quan công chứng. Hợp đồng có hiệu lực kể từ thời điểm được công chứng.



GIÁM ĐỐC
Vũ Thị Hương



Lê Minh Đức

[Handwritten mark]

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 13 tháng 08 năm 2020 (Ngày mười ba, tháng tám, năm hai nghìn không trăm hai mươi);

Tại trụ sở Văn phòng Công chứng Nguyễn Hữu Tài. Địa chỉ: Số 28 Trần Phú, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh;

Tôi: **Nguyễn Hữu Tài**, Công chứng viên Văn phòng Công chứng Nguyễn Hữu Tài, tỉnh Hà Tĩnh.

CHỨNG NHẬN

HỢP ĐỒNG THUÊ VÀ CHO THUÊ ĐẤT

Được giao kết giữa:

I. BÊN CHO THUÊ

CÔNG TY CP HUY HOÀNG HỒNG LĨNH

Giấy chứng nhận ĐKKD số: 3002032274 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp

Địa chỉ trụ sở: Số 08, đường tránh QL1A, TDP 8, P. Đậu Liêu, TX Hồng Lĩnh

Tài khoản số: 0641008696969 tại Ngân hàng: Vietcombank – CN Bắc Hà Tĩnh

Đại diện: Bà **Vũ Thị Hương** Chức vụ: Giám đốc

Chứng minh nhân dân số: 037169000010 do Cục trưởng cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 07/04/2014

II BÊN THUÊ:

CÔNG TY TNHH ĐẠI PHÁT HÀ TĨNH

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 3002153783 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tĩnh cấp

Địa chỉ trụ sở: Số 59, đường Lê Văn Huân, phường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Đại diện: Ông **Lê Minh Đức** Chức vụ: Giám đốc

Chứng minh nhân dân số: 183.922.661 do Công an Hà Tĩnh cấp ngày 03/02/2009

- Các bên đã tự nguyện thoả thuận giao kết hợp đồng này;

- Tại thời điểm công chứng, các bên giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;

- Mục đích, nội dung của Hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

- Các bên giao kết đã đọc lại toàn bộ hợp đồng, đồng ý toàn bộ nội dung hợp đồng.

Các bên đã ký và đóng dấu vào hợp đồng trước mặt tôi;

- Hợp đồng này được lập thành 05 bản chính(mỗi bản chính gồm 04 tờ, 07 trang, trong đó có 01 trang làm lời chứng, có giá trị pháp lý như nhau) giao cho các bên 04 bản chính, 01 bản chính lưu tại Văn phòng công chứng Nguyễn Hữu Tài, tỉnh Hà Tĩnh.

Số công chứng: **287**.....

Quyển số: **02 / TP/CC-SCC/HĐGD**



CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Hữu Tài

PHỤ LỤC 8: Phụ lục hợp đồng cho thuê đất.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG THUÊ VÀ CHO THUÊ ĐẤT

Số: 1201/2021/PLHĐTD/ĐP-IHHHL

- Căn cứ Bộ luật dân sự năm 2015 của nước CHXHCN Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Nhà ở năm 2014 của nước CHXHCN Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ hợp đồng thuê đất và cho thuê đất số 1208/2020/HĐTD/ĐP-IHHHL ký ngày 12/08/2020 giữa Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh và Công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của mỗi bên.

Hôm nay, ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại Công ty CP Huy Hoàng Hồng Lĩnh - Số 08, đường tránh QL1A, TDP 8, P. Đậu Liêu, TX Hồng Lĩnh chúng tôi gồm:

BÊN CHO THUÊ: CÔNG TY CP HUY HOÀNG HỒNG LĨNH (BÊN A)

Giấy chứng nhận ĐKKD số: 3002032274 Ngày cấp:..... Nơi cấp: Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hà Tĩnh.

Địa chỉ trụ sở: Số 08, đường tránh QL1A, TDP 8, P. Đậu Liêu, TX Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh

Điện thoại: 0858696969

Tài khoản số: 0641008696969 tại Ngân hàng: Vietcombank -CN Bắc Hà Tĩnh

Đại diện: Bà **Vũ Thị Hương** Chức vụ: Giám đốc

BÊN THUÊ: CÔNG TY TNHH ĐẠI PHÁT HÀ TĨNH (BÊN B)

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 3002153783; Cấp lần đầu ngày 05/3/2020; Cơ quan cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tĩnh.

Địa chỉ trụ sở: Km8, đường tránh QL1A, TDP 8, P. Đậu Liêu, TX Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh

Điện thoại: 02393 696 123

Đại diện: Ông **Lê Minh Đức** Chức vụ: Giám đốc

Sau khi bàn bạc, thỏa thuận, hai bên thống nhất điều chỉnh nội dung hợp đồng thuê và cho thuê nhà cụ thể như sau:

Điều 1: Điều chỉnh thời hạn cho thuê đất.

1. Hai bên thống nhất gia hạn thời hạn thuê đất thêm 10 (mười) năm từ 15/08/2025 đến 15/08/2035 tức tổng thời hạn thuê đất của hợp đồng là 15 (năm) năm, kể từ ngày 15/08/2020 đến 15/08/2035.

2. Khi hết hạn hợp đồng này và bên A vẫn tiếp tục cho thuê Diện tích thuê, Bên B được quyền ưu tiên thuê tiếp Diện tích thuê. Trong trường hợp này bên B phải thông báo cho bên A để đề nghị gia hạn Hợp đồng này trước khi kết thúc thời hạn của Hợp đồng này 06 (sáu) tháng để hai bên đàm phán gia hạn Hợp đồng.

Điều 2: Điều chỉnh Giá cả cho thời hạn gia hạn tại điều 1.

Trong suốt thời gian thuê, giá thuê được điều chỉnh định kỳ như sau:

Từ ngày 15/08/2025 đến ngày 15/08/2027: 350.000.000 đ/năm

Từ ngày 16/08/2027 đến ngày 15/08/2029: 400.000.000 đ/năm

Từ ngày 16/08/2029 đến ngày 15/08/2032: 450.000.000 đ/năm

Từ ngày 16/08/2032 đến ngày 15/08/2035: 500.000.000 đ/năm

Ngoài những lần điều chỉnh nói trên, trong mọi trường hợp và vì bất kỳ lý do gì, Bên A không được tự ý điều chỉnh giá thuê đất.

Điều 3: Điều khoản chung.

- Phụ lục hợp đồng số 1201/2021/PLHDTĐ/DP-HHHH, ký ngày 21/01/2021 Công ty TNHH Đại Phát Hà Tĩnh và Công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh là một bộ phận của hợp đồng thuê đất và cho thuê đất số 1208/2020/HDTĐ/DP-HHHH, ký ngày 12/08/2020 giữa hai Công ty.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng và phụ lục hợp đồng này. Khi có tranh chấp, hai bên sẽ cùng thương lượng để giải quyết. Nếu không thương lượng được, một trong các bên có quyền yêu cầu tòa nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật.

Phụ lục hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản làm cơ sở thực hiện. Hợp đồng có hiệu lực kể từ thời điểm ngày 12/01/2020.


BÊN CHO THUÊ
GIÁM ĐỐC
Vũ Thị Hương

BÊN THUÊ

Lê Minh Đức

PHỤ LỤC 9: Phụ lục hợp đồng phí quản lý vận hành hệ thống điện:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

PHÍ QUẢN LÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG ĐIỆN

Số: 2408/2020/HĐKT/ĐP-HHHL

- Căn cứ Bộ luật dân sự năm 2015 của Nước CHXHCN Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật ở năm 2014 của Nuowcs CHXHCN Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của mỗi bên;

Hôm nay, ngày 24 tháng 08 năm 2020, tại Công ty CP Huy Hoàng Hồng Lĩnh – Số Số 08, đường tránh QL1A, TDP 8, P. Đậu Liêu, TX Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh

BÊN BÁN: CÔNG TY CỔ PHẦN HUY HOÀNG HỒNG LĨNH (BÊN A)
Đại diện: (Bà) Vũ Thị Hương
Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ: Số 08, đường tránh QL1A, TDP 8, P. Đậu Liêu, TX Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh, Việt Nam
Mã số thuế: 3002032274
Tài khoản số: 0641008696969 tại Ngân hàng: Vietcombank – CN Bắc Hà Tĩnh

Bên MUA: CÔNG TY TNHH ĐẠI PHÁT HÀ TĨNH (BÊN B)
Đại diện: (Ông) Lê Minh Đức
Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ: Số 59, đường Lê Văn Huân, Phường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam
Mã số thuế: 3002153783

Hai bên thống nhất bổ sung các nội dung sau:

ĐIỀU 1. NGUYÊN TẮC THANH TOÁN ĐIỆN

1. Bên A thực hiện phân bổ và thu tiền điện của Bên B theo đúng đơn giá điện lực tại từng thời điểm.
2. Bên A không thu chênh lệch giá điện ngoài giá bán của cơ quan điện lực.

ĐIỀU 2. PHÍ QUẢN LÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG ĐIỆN

1. Để phục vụ hoạt động:

- Quản lý vận hành hệ thống điện nội bộ;
- Quản lý và vận hành trạm biến áp;
- Ghi nhận và kiểm tra chỉ số điện;
- Bảo trì hệ thống điện;
- Xử lý sự cố kỹ thuật;
- Hao hụt điện năng nội bộ;
- Chi phí nhân sự kỹ thuật và quản lý vận hành;

Bên A thực hiện thu phí quản lý vận hành hệ thống điện đối với Bên B.

2. Mức phí quản lý được xác định căn cứ theo mức tiêu thụ điện thực tế từng kỳ như sau:

Mức tiền điện thanh toán/kỳ	Mức phí quản lý đề xuất
Dưới 20.000.000 đồng	Không thu phí
Từ 20.000.000 đến dưới 60.000.000 đồng	2.000.000 đồng/kỳ
Từ 60.000.000 đến dưới 100.000.000 đồng	3.000.000 đồng/kỳ
Từ 100.000.000 đến dưới 150.000.000 đồng	4.000.000 đồng/kỳ
Từ 150.000.000 đồng trở lên	5.000.000 đồng/kỳ

3. Khoản phí quản lý vận hành hệ thống điện là khoản chi phí dịch vụ nội bộ phục vụ vận hành hệ thống điện và không phải khoản thu chênh lệch giá điện.

ĐIỀU 3. THANH TOÁN

1. Bên B thanh toán:

- Tiền điện thực tế phát sinh;
- Phí quản lý vận hành hệ thống điện;

- Các khoản phát sinh khác theo thỏa thuận (nếu có).
2. Việc thanh toán được thực hiện cùng kỳ thanh toán tiền điện hàng tháng.

ĐẠI DIỆN BÊN A



[Signature]
GIÁM ĐỐC
Vũ Thị Hương

ĐẠI DIỆN BÊN B



[Signature]
GIÁM ĐỐC
Lê Minh Đức

PHỤ LỤC 10: Giao diện phần hành kế toán tiền mặt, tiền gửi trên 3TSOFT

		 Make your job easy!		
PHÂN HÀNH	THỐNG KÊ	NGHIỆP VỤ		BIỂU MẪU - BÁO CÁO
Kế toán tiền mặt, tiền gửi				Bảng kê chứng từ Sổ chi tiết tài khoản Sổ chi tiết tài khoản (nhiều tài khoản) Sổ chi tiết tài khoản ngoại tệ Sổ chi tiết tài khoản (ln liên tục) Báo cáo tổng hợp tài khoản Báo cáo tổng hợp phát sinh ngoại tệ Tổng hợp phát sinh tài khoản Sổ quỹ tiền mặt Sổ chi tiết tiền gửi Sổ cái tài khoản Sổ cái tài khoản (ln liên tục) Sổ nhật ký chung Nhật ký thu tiền
Kế toán vật tư, hàng hoá		 Phiếu thu		
Kế toán công trình		 Phiếu chi		
Kế toán sản xuất - giá thành		 Báo có		
Kế toán tài sản, công cụ, chi phí		 Báo nợ		
Kế toán tổng hợp				
Quản lý kho				
Quản trị hệ thống		Tính giá vốn	Tính khấu hao	Bút toán khoá sổ
				Đánh giá tỷ giá cuối kỳ
				 Hỗ trợ trực tuyến

PHỤ LỤC 11: Bảng chấm công và bảng lương

CÔNG TY CỔ PHẦN HUY HOÀNG HỒNG LĨNH

Số 8, đường tránh QL1A, Tổ dân phố 8, Phường Đâu Liêu, Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh

Mẫu số: 01a-LĐTL

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

BẢNG CHẤM CÔNG																																		
Tháng 09 năm 2025																																		
S T T	Họ và tên	Chức vụ	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	Tổng cộng	Ghi chú
			Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy	Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy	Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy	Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy	Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba		
1	Hồ Thị Tân	HC	x		x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	25	
2	Trần Thị Huế	KT	x		x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	25	

PHỤ LỤC 12: Bảng thanh toán thù lao

Công ty cổ phần Huy Hoàng Hồng Lĩnh								
TT Thù lao								
Năm 2025								
Bộ phận : Văn phòng								
Tháng	Họ tên	Công nhận			Phụ cấp		Thực nhận	Ký nhận
		Mức lương	Công	Tiền	Công	Tiền		
1	Đặng Thị Hồng	39,000	50	1,950,000	50	250,000	2,200,000	
2	Đặng Thị Hồng	39,000	50	1,950,000	50	250,000	2,200,000	
3	Đặng Thị Hồng	39,000	50	1,950,000	50	250,000	2,200,000	
4	Đặng Thị Hồng	39,000	50	1,950,000	50	250,000	2,200,000	
5	Đặng Thị Hồng	39,000	50	1,950,000	50	250,000	2,200,000	
6	Đặng Thị Hồng	39,000	50	1,950,000	50	250,000	2,200,000	
7	Đặng Thị Hồng	39,000	50	1,950,000	50	250,000	2,200,000	
8	Đặng Thị Hồng	39,000	50	1,950,000	50	250,000	2,200,000	
9	Đặng Thị Hồng	39,000	50	1,950,000	50	250,000	2,200,000	
10	Đặng Thị Hồng	39,000	50	1,950,000	50	250,000	2,200,000	
11	Đặng Thị Hồng	39,000	50	1,950,000	50	250,000	2,200,000	
12	Đặng Thị Hồng	39,000	50	1,950,000	50	250,000	2,200,000	
Tổng			600			3,000,000	26,400,000	
Người lập		Kế toán trưởng				Giám đốc		

PHỤ LỤC 13: Giao diện tính khấu hao trên phần mềm 3TSOFT

Chi tiết khấu hao tài sản, công cụ

Tìm nhanh...

Tháng tính khấu hao

9

2.025

Tính khấu hao

Lấy khấu hao

Lưu

Xóa

Lập chứng từ

	Tài sản		Bộ phận	Sửa	Nguồn vốn				Tổng khấu hao	Ngày
	Mã	Tên			Ngân sách	Tự bổ sung	Vay	Khác		
▶ 1	TS001	Nhà xưởng sản xuất gạch	B003	K		18.457.462			18.457.462	31/05/2026
2	TS002	Xe nâng chuyên dụng HL35 HALIN	B003	K		7.656.250			7.656.250	31/05/2026
3	TS003	Máy xúc lật gầu 1m3	B003	K		3.958.334			3.958.334	31/05/2026
4	TS004	Xe nâng ba lết PC30	B003	K		4.687.500			4.687.500	31/05/2026
5	TS025	Nhà văn phòng	B003	K		8.636.364			8.636.364	31/05/2026

PHỤ LỤC 14: Bảng chi tiết phân bổ khấu hao tài sản tháng 09:

CÔNG TY CỔ PHẦN HUY HOÀNG HỒNG LĨNH											
Số 8, đường tránh QL1A, Tổ dân phố 8, Phường Đậu Liêu, Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh											
BẢNG CHI TIẾT PHÂN BỐ KHẤU HAO TÀI SẢN											
Từ ngày 01/09/2025 đến ngày 30/09/2025											
Tài sản		Ngày		Số tháng khấu hao	Nguyên giá		Khấu hao			Tài khoản	
Mã	Tên	Tăng	Khấu hao		Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Trong kỳ	Cuối kỳ	Nợ	Có
TS100	Tài sản cố định hữu hình xưởng gạch không nung				6.960.070.273	6.960.070.273	1.204.736.396	43.395.910	1.248.132.306		
TS101	Nhà cửa, vật kiến trúc				5.395.070.273	5.395.070.273	878.694.716	27.093.826	905.788.542		
TS001	Nhà xưởng sản xuất gạch	01/04/2017	01/01/2024	180	3.322.343.000	3.322.343.000	369.149.240	18.457.462	387.606.702	1543	2141
TS025	Nhà văn phòng	11/09/2020	01/10/2020	240	2.072.727.273	2.072.727.273	509.545.476	8.636.364	518.181.840	64224	2141
TS102	Máy móc, thiết bị				1.565.000.000	1.565.000.000	326.041.680	16.302.084	342.343.764		
TS002	Xe nâng chuyên dụng HL35 HALIN	01/04/2017	01/01/2024	96	735.000.000	735.000.000	153.125.000	7.656.250	160.781.250	1543	2141
TS003	Máy xúc lật gầu 1m3	01/04/2017	01/01/2024	96	380.000.000	380.000.000	79.166.680	3.958.334	83.125.014	1543	2141
TS004	Xe nâng ba lết PC03	01/04/2017	01/01/2024	96	450.000.000	450.000.000	93.750.000	4.687.500	98.437.500	1543	2141
	Tổng cộng				6.960.070.273	6.960.070.273	1.204.736.396	43.395.910	1.248.132.306		

PHỤ LỤC 15: Hợp đồng mua bán tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN TÀI SẢN
Số: 30/05/2025/HĐMB/HHHL-HH

Hôm nay, ngày 30 tháng 05 năm 2025 chúng tôi gồm:

BÊN A (Bên bán): CÔNG TY CỔ PHẦN HUY HOÀNG HỒNG LĨNH

Đại diện : Bà Vũ Thị Hương

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Địa chỉ : Số 8, Đường tránh Quốc lộ 1A, Tổ dân phố 8, Phường Đâu Liêu, Thị xã Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Điện thoại : 0858696969

Mã số thuế : 3002032274

Tài khoản : 0641008696969 Ngân hàng Vietcombank Hà Tĩnh

BÊN B (Bên mua): CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HUY HOÀNG

Đại diện : Bà Vũ Thị Minh Hoa

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Số 290 Kim Mã – Phường Kim Mã- Quận Ba Đình – Hà Nội

Điện thoại : 024. 3761 0408

Fax: 024.3761.0408

Mã số thuế : 0101311040

Tài khoản : 0051100835006 Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) – Chi nhánh Trần Duy Hưng

Sau khi bàn bạc và thảo luận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng mua bán tài sản thanh lý với các điều khoản và điều kiện như sau:

Điều 1: Bên A đồng ý bán, Bên B đồng ý mua 01 Dây chuyền sản xuất gạch QT15 đã qua sử dụng, với đặc điểm sau:

STT	Diễn giải	Số lượng	Đơn giá (VND)	VAT (8%)	Thành tiền (VND)
1	Thanh lý Dây chuyền sản xuất gạch QT15 đã qua sử dụng	01	1.305.000.000	104.400.000	1.409.400.000

Bảng chữ: (Một tỷ bốn trăm linh chín triệu bốn trăm nghìn đồng) bao gồm cả thuế VAT

Điều 2: Hình thức thanh toán

- Bên B thanh toán cho Bên A 100% giá trị hợp đồng bằng chuyển khoản sau khi nhận tài sản trên và Bên A bàn giao đủ hóa đơn tài chính và các hồ sơ chứng từ liên quan đến tài sản cho Bên B.

Điều 3: Phương thức giao nhận:

- Thời gian giao: ngày 18/06/2025
- Bên B nhận tài sản tại: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HUY HOÀNG.**
- Khi giao tài sản có sự chứng kiến đại diện của hai bên.

Điều 4: Trách nhiệm của mỗi bên :

*** Trách nhiệm của Bên B:**

- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo điều 2 và điều 3 của bản hợp đồng.
- Bên B có trách nhiệm tiếp nhận và quản lý tài sản thanh lý nêu trên kể từ thời điểm bàn giao

*** Trách nhiệm của Bên A:**

- Giao tài sản và cung cấp đầy đủ các hồ sơ hợp lệ cho Bên B để Bên B làm thủ tục đăng ký tài sản, đăng kiểm tài sản.
- Thuế, phí liên quan đến việc mua bán tài sản nêu tại điều 1 theo hợp đồng này do Bên B chịu trách nhiệm nộp

Điều 5: Điều khoản chung:

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này, nếu có vướng mắc trong quá trình thực hiện, hai bên cùng bàn bạc giải quyết. Nếu có tranh chấp không giải quyết được thì sẽ chuyển vụ việc tới toà án tỉnh Nghệ An để xét xử. Kết luận của toà án là phán quyết cuối cùng để hai bên phải thực hiện, án phí và mọi phí tranh chấp do bên vi phạm hợp đồng chi trả.
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để làm căn cứ thực hiện. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

Đại diện bên A



GIÁM ĐỐC

Vũ Thị Hương

Đại diện bên B



GIÁM ĐỐC

Vũ Thị Minh Hoa

Biên bản bàn giao tài sản:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

BIÊN BẢN BÀN GIAO TÀI SẢN
Số: 01/BBBG

Căn cứ vào hợp đồng số: 30/05/2025/HĐMB/HHHL-HH ngày 30 tháng 05 năm 2025, hôm nay, ngày 18 tháng 06 năm 2025, tại CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HUY HOÀNG. Chúng tôi gồm:

Bên A (Bên giao): CÔNG TY CỔ PHẦN HUY HOÀNG HỒNG LĨNH.

Đại diện : Bà Vũ Thị Hương Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ : Số 8, Đường tránh Quốc lộ 1A, Tổ dân phố 8, Phường Đậu Liêu, Thị xã Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Điện thoại : 0858696969

Mã số thuế : 3002032274

Tài khoản : 0641008696969 Ngân hàng Vietcombank Hà Tĩnh

Bên B (Bên nhận): CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HUY HOÀNG.

Đại diện : Bà Vũ Thị Minh Hoa Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Số 290 Kim Mã – Phường Kim Mã- Quận Ba Đình – Hà Nội

Điện thoại : 024. 3761 0408 Fax: 024.3761.0408

Mã số thuế : 0101311040

Tài khoản : 0051100835006 Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) – Chi nhánh Trần Duy Hưng

Bên A giao cho Bên B 01 Dây chuyền sản xuất gạch QT15 đã qua sử dụng, theo hợp đồng đã ký với nội dung như dưới đây:

Đặc điểm tài sản:

Tên tài sản	Số lượng	Đặc điểm	Tình trạng
Dây chuyền sản xuất gạch QT15 đã qua sử dụng	01 bộ	Gồm: máy cấp liệu, máy trộn bê tông, băng tải, máy ép gạch QT15, hệ thống khuôn gạch, băng điều khiển điện và các thiết bị phụ trợ đi kèm	Hoạt động bình thường theo hiện trạng thực tế tại thời điểm bàn giao

Tình trạng tài sản:

- Tài sản đã qua sử dụng

PHỤ LỤC 17: Sổ chi tiết tài khoản 7118

CÔNG TY CỔ PHẦN HUY HOÀNG HỒNG LĨNH

Số 8, đường tránh QL1A, Tổ dân phố 8, Phường Đâu Liêu, Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016
của Bộ Tài chính)

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
31/08/2025	PK08.05	31/08/2025	Hạch toán sai số lẻ	1313		73.028
31/12/2025	PK12.09	31/12/2025	Xử lý số lẻ	331		503
31/12/2025	001	31/012/202 5	Kết chuyển thu nhập khác	9113	73.531	
			Cộng phát sinh trong kỳ		73.531	73.531
			Số dư cuối kỳ			